

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

NHIỀU TÁC GIẢ

TẬP
12



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

NHIỀU TÁC GIẢ
Sưu tầm và biên soạn

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

(Tập 12)



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

BÍ MẬT CỦA THANH KIẾM VIỆT VƯƠNG

TRONG NGÔI MỘ SỞ SA TRÙNG TRÊN NÚI
VỌNG SƠN TỈNH HỒ BẮC, NGƯỜI TA ĐÃ ĐÀO
ĐƯỢC MỘT THANH BẢO KIẾM ĐÚC BẰNG ĐỒNG
THAU. KHI ĐƯỢC PHÁT HIỆN, NÓ NẪM Ở PHÍA
BÊN TRÁI BỘ XƯƠNG NGƯỜI TRONG ÁO QUAN,
CẮM TRONG VỎ KIẾM SƠN ĐEN. KHI RÚT RA
LƯỠI KIẾM LÓE SÁNG KHÔNG MỘT CHÚT GÌ,
LƯỠI MỎNG SẮC BÉN, THỬ VẠCH TRÊN GIẤY,
20 TỜ GIẤY ĐÃ BỊ CẮT ĐỨT.

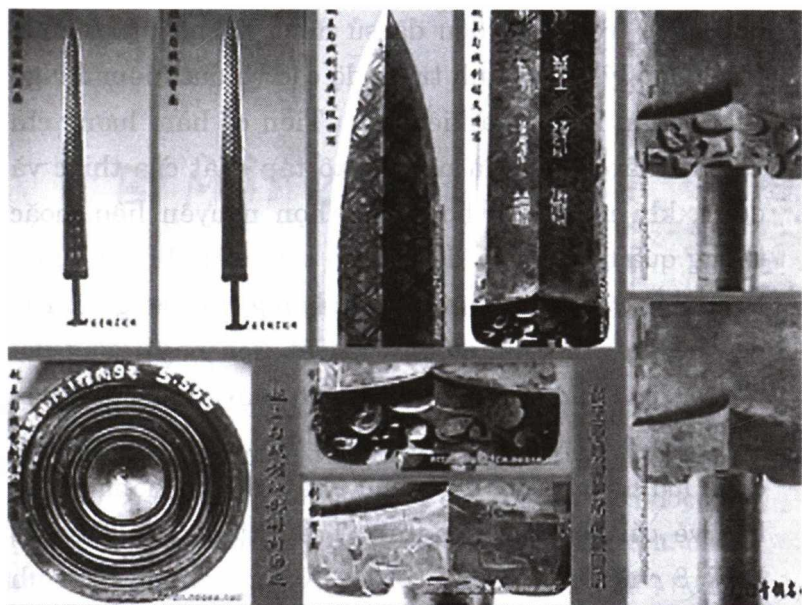
Cả thanh kiếm dài 55,6cm, thân kiếm dài 45,6cm, chấn tay kiếm rộng 5cm. Thân kiếm trang trí dày đặc văn kỷ hà hình trám màu đen, mặt trái và mặt phải dùng lưu ly màu lam và đá ngọc lục từng khảm nạm thành những hoa văn tinh tế đẹp đẽ, chuôi kiếm quấn bằng sợi dây, đầu kiếm quấn thành hình tròn trong có 11 đường vòng tròn đồng tâm cực kỳ tinh xảo. Một mặt của thân kiếm gần chấn tay có hai hàng minh văn tiểu triện, theo khảo đính của các chuyên gia minh văn là “Việt Vương Câu Tiễn, tự tác dụng kiếm”.

Kiểm của vua nước Việt ở miền hạ du Trường Giang vì sao lại xuất hiện trong mộ nước Sở ở trung du Trường Giang? Có người cho rằng đó là đồ cưới của con gái nước Việt khi gả cho nước Sở, vì theo sử sách ghi chép, con gái Việt Vương Câu Tiễn là người thiếp được sủng ái của Sở Chiêu Vương; cũng có người cho rằng kiếm này là chiến lợi phẩm mà nước Sở tịch thu được vì nước Việt sau này đã bị nước Sở tiêu diệt.

Thanh kiếm đồng thau Việt Vương Câu Tiễn, không chỉ được đúc một cách tinh xảo, hoa văn đẹp, mà không bị gỉ khi chôn dưới đất hơn hai nghìn bốn trăm năm, vẫn giữ được màu sáng lóng lánh, nguyên nhân hình thành của nó khiến người ta phải suy ngẫm.

Qua ghi chép của sử sách về việc đúc đồng thau, cuối thời Xuân Thu, Trung Quốc đã nắm được công nghệ đúc, đúc riêng rẽ từng bộ phận thân kiếm và phụ kiện sau đó dùng hợp kim hàn lại. Lò luyện lúc đó đã dùng kỹ thuật mới bề da thổi gió. Vậy những chiếc kiếm đồng thau quý và có tiếng này đã được chế tạo và chôn giấu như thế nào?

Năm 1977 và 1978, Bảo tàng tỉnh Hồ Bắc và các đơn vị hữu quan đã hợp tác, sử dụng máy gia tốc tĩnh điện cùng các thiết bị kiểm tra đo lường do Viện Nghiên cứu Hạt nhân cung cấp, đã tiến hành đo lường và nghiên cứu nhưng không gây tổn hại đối với kiếm



Việt Vương Câu Tiễn, cuối cùng đã giải đáp được bí mật nghìn năm.

Qua kết quả trắc định được biết, thành phần của lưỡi và thân kiếm Câu Tiễn có hàm lượng thiếc là 16% - 17%, đây là thành phần có độ rắn cao nhất trong việc đúc đồng thau thiếc, đồng thời giữ được tỷ số kéo dài nhất định; hàm lượng thiếc cao lên nữa thì độ rắn tăng lên, nhưng tính chống cường độ và độ kéo dài nhanh chóng giảm đi, là binh khí dùng để đâm thẳng, phải bảo đảm độ cứng để tránh bị cong, gãy, mà không cần độ cứng hoặc tính dẻo của vũ khí chém. Kiếm Việt Vương Câu Tiễn và kiếm có hoa văn hình trám cùng

đào được trong mộ đều đã sử dụng thành phần chứa thiếc hợp lý, phản ánh trình độ cao về đúc kiếm ở Ngô Việt. Thân kiếm của kiếm Câu Tiễn có hàm lượng chì và sắt thấp, chúng là nguyên tố tạp chất của thiếc và đồng, khi nung đúc hoặc lựa chọn nguyên liệu, hoặc thông qua tinh luyện để loại bỏ tạp chất chì sắt, chấn tay đã sử dụng hợp kim có hàm lượng chì tương đối cao để chế tác, tính lưu động của vật liệu này tương đối tốt, dễ chế tác trang sức trên bề mặt. Trên mặt tay chấn được xử lý ô-xy hóa nhân tạo, cho hoa văn có chứa lưu huỳnh cao, đồng sun-phát có thể chống gỉ, để bảo vệ cái đẹp của hoa văn. Trên kiếm Câu Tiễn có khắc 8 chữ, độ rộng chỉ có 0,3 - 0,4cm, chúng tỏ trình độ khắc chữ cao.

Ở kiếm Việt Vương Câu Tiễn, do tác dụng của các vị trí khác nhau, nên tỷ lệ đồng và thiếc cũng khác nhau. Sóng kiếm có hàm lượng đồng tương đối cao, làm cho kiếm dẻo khó gãy; còn phần dưới có hàm lượng thiếc cao, độ cứng lớn, khiến kiếm rất sắc. Nhưng tỷ lệ phối hợp ở các bộ phận khác nhau trên cùng một chiếc kiếm đã được đúc như thế nào? Các chuyên gia sau khi khảo sát cho rằng đã dùng công nghệ kim loại phức hợp tức là hai lần đúc để nó hợp thành một vật thể. Công nghệ phức hợp kim loại này, ở các nước khác trên thế giới vào thời kỳ cận đại mới bắt đầu sử dụng, còn ở nước ta từ hơn 2.000 năm trước đã được sử dụng.

BÍ MẬT KIM TỰ THÁP

1. TRÊN KIM TỰ THÁP BAO HÀM NHỮNG BÍ MẬT VỀ TOÁN HỌC VÀ BÍ MẬT VỀ THIÊN VĂN HỌC KHÁC THƯỜNG

Trong thế giới cổ đại có “bảy kỳ tích”, kim tự tháp Ai Cập được mệnh danh là đứng đầu trong “bảy kỳ quan”, trong đó có kim tự tháp Kê-ốp là đồ sộ nhất, nó được xây dựng từ hơn 2700 năm trước CN. Tháp cao 146,5m, chân tháp mỗi cạnh dài 230,6m chiếm diện tích mặt đất khoảng 51.900m², tổng trọng lượng 684,8 vạn tấn. Thân tháp được lát ốp bằng 230 vạn khối đá lớn, bình quân mỗi khối đá nặng 10 tấn, giữa các khối đá không dùng chất kết dính, mà chỉ xếp ken khít vào nhau, người ta rất khó có thể dùng một lưỡi dao mỏng lách vào kẽ hở giữa các kẽ đá. Thời gian đã qua gần 5000 năm. Đây là công trình kiến trúc đơn lẻ lớn nhất trong lịch sử loài người.

Trọng lượng kim tự tháp x 1015 = Trọng lượng của Trái Đất

Chiều cao của tháp x 1 tỷ = Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời.

Bình phương chiều cao của tháp = Diện tích hình tam giác mặt tháp.

Độ dài chu vi đáy / chiều cao của tháp = bằng chu vi đường tròn / bán kính

Độ dài chu vi đáy x 2 = Độ thời gian của xích đạo.

Độ dài chu vi đáy / (chiều cao tháp x 2) = Tỷ lệ chu vi hình tròn.

Bạn có tin rằng, những con số này chỉ là sự trùng hợp?

Ngoài ra, đường kinh tuyến đi qua kim tự tháp lớn này chia lục địa và hải dương trên trái đất thành hai phần bằng nhau.

Nền móng kim tự tháp nằm ở trung tâm của các đại lục trên trái đất.

Còn nữa, vị trí của trục hai cực của trái đất chỉ về hướng bầu trời hằng ngày đều có thay đổi, trải qua chu kỳ 1,5827 vạn năm, chuyển một vòng trong không gian lại trở về vị trí cũ, còn tổng của đường góc đối của kim tự tháp lại vừa đúng 25826,6. Kỳ lạ không? Người ta đã suy nghĩ nhiều. Nếu không phải là sự trùng hợp thì người Ai Cập cổ đại từ 4.500 năm trước làm sao có thể tính toán được một cách chính xác như thế?

2. BÍ MẬT CỦA VIỆC XÂY DỰNG KIM TỰ THÁP PHỨC TẠP CHÍNH XÁC

Đến nay đã phát hiện được hơn 80 kim tự tháp phức tạp, chúng đều được dùng những khối đá lớn xây



nên. Những khối đá lớn này phần nhiều được khai thác tại đây, nhưng hơn 10 vạn khối đá vôi loại tốt được khai thác từ mỏ đá ở bờ đông sông Nin. Đá hoa cương ở bên trong được khai thác ở A-xvên cách xa hơn 800 cây số, cần bao nhiêu thợ đá, bao nhiêu công nhân vận chuyển và thủy thủ? Ngay đến bây giờ có tất cả các kiến trúc sư với tất cả mọi biện pháp kỹ thuật trên thế giới cũng rất khó có thể làm được.

Thứ nhất: Sự chuẩn xác trong xây dựng kim tự tháp. Từng viên đá khổng lồ được chồng lên nhau, giữa các viên đá không có chất kết dính, nhưng ken khít không có một khe hở, đến một lưỡi dao cạo mỏng cũng không lách vào được. Bốn cạnh đáy chênh lệch chưa đầy 20cm, sai số không đến một phần nghìn. Góc nhọn đều là 52 độ, đây

là góc ổn định nhất trong hình thành tự nhiên. Hình dạng chóp nhọn vuông, buộc bão táp sa mạc không thể không men theo mặt tháp hoặc góc cạnh kim tự tháp để từ từ đi lên, hóa giải sức phá hoại của gió đến mức thấp nhất. Chân tháp to lớn đặt ở trung tâm đường từ lực của trái đất, chuyển động theo sự chuyển động của trái đất, biên độ mà nó hứng chịu cực kỳ nhỏ bé, nên đã đứng vững bền bao nhiêu năm không đổ.

Thứ hai: Người Ai Cập cổ đã khai thác những khối đá lớn ấy như thế nào và dùng cái gì để vận chuyển và ken xếp những khối đá lớn ấy. Ví dụ:

Tháp Kê-ốp. Tạm thời không nói đến việc khai thác 260 vạn khối đá lớn ấy, chỉ nói riêng việc chúng được xếp cũng đã là một việc khó có thể tưởng tượng. Nếu mỗi ngày xếp được 1 viên đá, thì thời gian để hoàn thành việc xây dựng sẽ là 26 vạn ngày tức là 700 năm. Chúng ta có thể tăng tốc độ thi công, nếu mỗi ngày xếp được 100 viên thì thời gian hoàn thành cũng mất 70 năm. Theo quan niệm truyền thống, người Ai Cập cổ đã sử dụng vận chuyển bằng con lăn. Biện pháp nguyên thủy nhất này, có nhiên là có thể vận chuyển vật liệu đá đến công trình, nhưng dùng con lăn cần phải dùng những thân gỗ lớn mới có thể làm được, mà lưu vực sông Nin thì rất ít gỗ. Loài cây sinh trưởng nhiều nhất và phân bố rộng nhất là cây cọ. Nhưng người Ai Cập cổ không thể chặt hàng loạt cây cọ, hơn nữa thân cây cọ mềm xốp không thể làm con

lăn. Vì quả cọ là nguồn thức ăn không thể thiếu của người Ai Cập, lá cọ lại là vật liệu duy nhất có thể che ánh nắng mặt trời ở vùng sa mạc nóng bức. Chặt hàng loạt cọ có nghĩa là người Ai Cập tự sát một cách ngu xuẩn.

Vậy thì người Ai Cập rất có thể đã nhập gỗ từ bên ngoài chẳng? Điều này có nghĩa là phải có một đội thuyền khổng lồ sau khi vượt biển cập bến A-léc-xan-đơ, còn phải ngược sông Nin chuyển gỗ đến Cai-rô, rồi từ Cai-rô chất lên xe ngựa vận chuyển đến công trường. Nếu 4.000 năm trước người Ai Cập có xe ngựa vận chuyển trên bộ, thì 900 năm sau khi xây dựng xong kim tự tháp mới xuất hiện trên vùng đất Ai Cập.

Thứ ba: Sức lao động để xây dựng kim tự tháp lấy từ đâu?

Kiến trúc vĩ đại như vậy, không những cần có hàng ngàn công nhân xây dựng, mà còn cần có rất nhiều công trình sư, và nhân viên quản lý, hơn nữa còn cần một lực lượng quân hậu cần đủ mạnh, họ phải ăn cơm, mặc áo, phải tiêu tốn rất nhiều nông sản phẩm. Theo thống kê, đóng góp việc xây dựng công trình này cần có sức lao động của 50 triệu người. Nông nghiệp của Ai Cập chỉ phân bố ở thềm xanh thuộc châu thổ sông Nin, liệu có thể nuôi sống được số người này không?

Nhưng dù vào những năm 80 của thế kỷ XX, dân số Ai Cập cũng chưa đến 50 triệu người, sản lượng lương

thực năm khoảng 8 triệu tấn, mỗi năm phải nhập khẩu từ 3 đến 4 triệu tấn lương thực. Lúc ấy dân số Ai Cập nhiều nhất cũng chỉ khoảng 2 triệu người. Nếu theo đó mà tính, việc xây dựng kim tự tháp chỉ là ảo tưởng hão huyền. Có người suy luận rằng có người ngoài hành tinh tham gia vào việc này. Tác giả Rô Đan-ni-ken trong tác phẩm “Cỗ xe của chư thần” là đại biểu của quan điểm này.

3. QUAN ĐIỂM MỚI NHẤT - NHỮNG KHỐI ĐÁ LỚN TRÊN KIM TỰ THÁP LÀ DO CON NGƯỜI LÀM RA

Trước đây không lâu, Giô-xơ Đa-vít Đuy-vi-xơ, nhà khoa học có ảnh hưởng lớn ở Âu Mỹ đã đưa ra kiến giải giật gân: Những khối đá lớn trên kim tự tháp là do con người tạo ra. Đa-vít Đuy-vi-xơ dựa vào kính hiển vi và phương pháp phân tích hóa học đã nghiên cứu kỹ cấu tạo của những viên đá khổng lồ. Ông viện dẫn kết quả hóa nghiệm chứng minh: Đá của kim tự tháp lớn là do con người gia công từ đá vôi và vỏ sò nhào trộn làm đông cứng lại, phương pháp giống như trộn bê tông ngày nay. Do độ đông cứng của hỗn hợp này rất tốt, nên người ta không thể phân biệt giữa nó và đá thiên nhiên. Ngoài ra Đa-vít Đuy-vi-xơ còn đưa ra một chứng cứ rất có sức thuyết phục: Trong khối đá ông phát hiện được một túm tóc người, dài khoảng 25mm, khả năng duy nhất để giải thích là, công nhân khi làm việc do vô ý đã làm cho túm tóc này rơi vào khối bê tông này, nên đã được bảo tồn đến ngày nay. Ông ta ước lượng, bê tông

được vận chuyển trong các sọt nặng 9 - 13,5kg. Vì vậy lúc ấy trên công trường có khoảng 1.500 người lao động, mà không phải như mọi người dự đoán là 5-10 vạn người. Kết quả nghiên cứu này chứng tỏ, người Ai Cập cổ đại đã dùng bốn loại vật liệu xây dựng để xây tháp: gạch đất sét, bột đá vôi, đá nhân tạo nung tại hiện trường và dùng các rầm đá vôi đúc trong cốt-pha gỗ.

Do 5 khối đá mà Đa-vít Duy-vi-xơ hóa nghiệm và nghiên cứu đều lấy mẫu từ các chuyên gia chuyên cứu di vật văn hóa cổ của Ai Cập, cho nên nguồn gốc và độ tin cậy của những hòn đá này không có gì phải nghi ngờ. Một số nhà khoa học cho rằng, theo các nhà khảo cổ học thì từ vài nghìn năm trước loài người đã biết chế tạo bê tông như thế nào, cho nên nhận định của Đa-vít Duy-vi-xơ là rất đáng tin cậy. Đồng thời, một số cuộc hội thảo khoa học quốc tế đã thừa nhận kết quả nghiên cứu của ông. Nhưng một số nhà khoa học đã đặt câu hỏi: Ở gần Cai-rô có rất nhiều núi có đá hoa cương vậy thì vì sao người Ai Cập cổ không khai thác mà lại dùng loại đá với một số lượng lớn lại phải dùng phương pháp chế tác rất phức tạp? Xem ra, bí mật của kim tự tháp, chưa được giải đáp một cách hoàn toàn, còn phải chờ nghiên cứu thêm.

4. SỨC MẠNH THẦN BÍ TRONG KIM TỰ THÁP

Ai Cập có hơn 80 kim tự tháp, những kiến trúc hoành tráng này tràn đầy những điều bí ẩn chưa được

giải đáp, một trong những điều đó là hình như kim tự tháp có một sức mạnh thần bí? Sức mạnh này tác dụng vào thân thể con người hoặc các vật thể khác sẽ nảy sinh một số hiệu ứng kỳ lạ nào đó. Đó là sức mạnh gì, từ đâu đến? Bí mật này khiến rất nhiều học giả khó hiểu, thu hút rất nhiều người tìm tòi nghiên cứu.

Người đầu tiên phát hiện được sức mạnh thần bí của kim tự tháp là người Pháp, tên là Bâu-bi. Khi Bâu-bi đi vào kim tự tháp để tiến hành khảo sát phát hiện thấy nhiệt độ trong kim tự tháp rất cao, nhưng xác của các sinh vật còn sót lại trong tháp lại không rửa nát, mà lại mất nước, khô ráo và được bảo tồn vĩnh viễn. Vì thế, Bâu-bi đoán rằng trong tháp có thể có một sức mạnh kỳ diệu nào đó đang gây tác dụng.

Sự phát hiện của Bâu-bi đã làm cho rất nhiều nhà khoa học cảm thấy hứng thú. Đại học Ca-li-phoóc-ni-a cũng cử cán bộ đến khảo sát. Sau khi họ vào trong tháp, phát hiện thấy các loại máy móc điện tử mất tác dụng. Vì thế họ đoán rằng trong tháp đã chôn một khối đá từ lớn ở một chỗ nào đó, do đá từ phát ra từ trường, nên đã làm cho máy móc điện tử mất tác dụng.

Học giả I-ta-li-a còn phát hiện, ở lại lâu trong tháp, sẽ làm cho tinh thần con người mất thăng bằng, ý thức mơ hồ. Để chứng minh điều này, có người đã ngủ lại trong kim tự tháp Kê-ốp một đêm, sáng hôm sau quả

nhiên đầu óc mê man, may được người khác cứu ra. Không ít du khách đến kim tự tháp tham quan, ở lại lâu cũng có cảm giác như thế. Các học giả cho rằng đây là do sức mạnh của kim tự tháp tác động. Hiệu ứng của nó có thể là: chống thời rữa và gây mê.

Đến tận Ai Cập để khảo sát lực của kim tự tháp thì xa xôi cách trở, rất không thuận tiện. Vậy có thể nghiên cứu trong phòng thí nghiệm hay không? Thế là có người nghĩ ra một cách mới, chế tạo ra mô hình kim tự tháp để tiến hành nghiên cứu, cũng có thể tạo nên hiệu ứng ấy giống như trong vật thật.

Người tiến hành thực nghiệm này sớm nhất vẫn là Bâu-bi. Ông ta đã cắt tám gỗ thành hình tam giác có đáy là 1m, 4 tấm ván mỏng hình tam giác được ghép thành hình một kim tự tháp, sau đó đặt nội tạng của động vật, thịt và trứng gà sống đã được gia công v.v... vào trong mô hình, mấy ngày sau đem ra xem, chúng vẫn còn tươi nguyên không bị thối rữa. Bâu-bi lấy thí nghiệm này để chứng minh rằng quả thực là kim tự tháp có tồn tại một sức mạnh đặc biệt.

Thực nghiệm mô hình của Bâu-bi lại làm cho các nhà khoa học thấy hứng thú hơn. Về sau các nhà nghiên cứu Mỹ lại làm một thực nghiệm mô hình. Họ lấy 1kg thịt bò đem chia làm hai, nửa cân đặt vào trong mô hình kim tự tháp, nửa cân còn lại đặt ngoài

mô hình để so sánh thực nghiệm, trong cùng một nhiệt độ trong phòng, sau 5 ngày nửa cân thịt bò đặt trong mô hình mất nước hoàn toàn, biến thành thịt bò khô. Còn thịt bò để ở ngoài mô hình, chưa đến 4 ngày đã biến chất bốc mùi thối.

Tiếp đó, các nhà nghiên cứu Nhật Bản cũng tiến hành một số nghiên cứu. Họ đổ sữa vào hai cốc như nhau: Một cốc đặt trong mô hình kim tự tháp, một cốc để ở ngoài mô hình, qua 50 giờ, cốc sữa trong mô hình cạn khô giống như pho-mát, nhưng không biến chất, còn cốc sữa ở ngoài mô hình thì biến chất.

Sau này lại dùng cá tươi, sò hến sống để tiến hành thực nghiệm so sánh, cá tươi trong mô hình kéo dài được 13 giờ, sò hến kéo dài được 20 giờ không bị thối, còn cá và sò hến ở ngoài mô hình trong một thời gian tương đối ngắn đã bị hỏng.

Các nhà nghiên cứu sau này lại thay đổi biện pháp thực nghiệm. Thu nhỏ mô hình kim tự tháp, xếp rất nhiều mô hình thành hàng trên bàn, rồi đặt các vật thí nghiệm trên đỉnh mô hình mà không đặt trong mô hình và quan sát kết quả thực nghiệm. Trước tiên đặt một chai rượu Uýt-xky, sau 8 tiếng bình rượu có vị ngọt, mùi còn thơm ngon. Lại đặt bao thuốc lá lên đỉnh mô hình, 1 giờ sau hút thấy thơm ngào ngạt. Lại đặt nước quýt lên đỉnh mô hình, sau 3 giờ thấy bắt đầu thay đổi, sau 5 giờ

nước quýt từ chua thành ngọt, sau 72 giờ nước quýt phân thành 3 lớp rõ rệt: tầng trên trong suốt tầng giữa nửa trong suốt, tầng dưới lắng đọng. Còn một chai nước quýt khác đặt ở xa mô hình, sau 72 tiếng, vẫn có vị chua, tầng trên trong suốt, lớp dưới đục có mùi.

Sau rất nhiều thực nghiệm các nhà nghiên cứu đã xác nhận sự tồn tại của sức mạnh kim tự tháp, đồng thời gọi mô hình kim tự tháp dùng để thực nghiệm đặc biệt này là “Máy phát sinh lực kim tự tháp”. Có được cái máy phát sinh lực này, làm cho con đường thực nghiệm này rộng mở hơn. Về sau lại có người dùng nước đã lọc qua máy phát sinh lực để gội đầu, có thể làm cho da đầu không ngứa; dùng để rửa mặt, có thể làm cho da mặt bóng mềm. Những thực nghiệm trên đã chứng minh lực của kim tự tháp có hiệu ứng chống thối rửa.

Liệu lực của kim tự tháp có thể dùng vào việc chữa bệnh lâm sàng hay không? Về vấn đề này, bác sĩ y khoa Mỹ Pê-li-xi Gai-phây-xơ cũng đã tiến hành thực nghiệm, ông ta đã dùng hợp kim nhôm làm 72 mô hình kim tự tháp treo trên trần của phòng khám và chữa bệnh của mình, ông ta đã tiến hành phẫu thuật cho những người bị bệnh răng hiệu quả tương đối rõ rệt, người bệnh thấy đau ít hơn, sau khi phẫu thuật hồi phục tương đối nhanh. Bác sĩ Gai-phây-xơ đã viết một báo cáo khoa học về vấn đề này, công bố

trên tạp chí “Khoa học về khoa răng”, nêu rõ có thể hiệu ứng chống thối rửa của lực kim tự tháp có tác dụng nhất định đối với việc phẫu thuật khoa răng.

Nhưng, cho đến nay, các nhà khoa học vẫn chưa biết nguyên lý hình thành của “lực kim tự tháp”.

5. LỜI THẦN CHÚ CỦA PHA-RA-ÔNG VÌ SAO VẪN LUÔN TỎ RA THIÊNG LIÊNG

Trong những năm tháng lịch sử lâu dài bốn năm nghìn năm, các kim tự tháp Ai Cập vẫn bị bao phủ bởi một lớp màn bí ẩn, đầy ắp các màu sắc thần kỳ. Trong đó lời thần chú khiến người ta sợ hãi đến dựng tóc gáy là lời thần chú trên bia mộ kim tự tháp: “Bất kể ai quấy rối giấc ngủ của Pha-ra-ông thì “cánh cửa thần chết” sẽ giáng xuống đầu hắn ta”. Những lời thần chú gần giống với thần thoại này chẳng qua là muốn răn đe người đời sau mưu tính dòm ngó những đồ vật vô giá trong mộ, để chống đào trộm. Nhưng điều kỳ lạ là, mấy thế kỷ qua, tất cả những ai dám vào huyết mộ Pha-ra-ông, dù là kẻ đào trộm, những người phiêu lưu mạo hiểm hay những nhân viên khảo sát khoa học, cuối cùng đều ứng với lời thần chú, không chết ngay tại hiện trường, thì sau đó ít lâu mắc chứng bệnh kỳ lạ rồi chết một cách đau đớn.

Chiều ngày 26 tháng 11 năm 1992, trong một con đường hầm dốc dưới chân một kim tự tháp ở “thung lũng

Quốc vương” có hai người đứng với vẻ nghiêm trang, đối mặt với họ là một cửa mộ của Pha-ra-ông Ai Cập cổ đại bị lấp kín từ hơn 3000 năm trước. Nhà khảo cổ học Hô-vát Ca-tơ đã tốn bao tâm huyết trong mấy chục năm mới tìm được ngôi mộ này. Đứng bên cạnh ông là huân tước Ca-na-vôn, 8 năm qua đã tiêu số tiền lớn để giúp đỡ ông.

Ca-tơ cẩn thận đào một góc cửa mộ, Ca-na-vôn, đứng sau ông ta mở to mắt nhìn vào trong. Cùng với những mảnh đất rơi lả tả, không khí cũng căng thẳng lên. Cửa hang càng ngày càng to, Ca-tơ tay run run cầm chiếc đèn pin rọi vào trong hang. Một khoảnh khắc trôi qua, Ca-na-vôn không nín được, hỏi bằng một giọng khàn khàn: “Anh có nhìn thấy gì không?” Ca-tơ quay người lại, đôi mắt sáng lên, lấp bắp nói: “Tôi thấy rồi, kỳ tích - kỳ tích tuyệt vời!”.

Đây chính là sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử khảo cổ làm chấn động thế giới - phát hiện lăng mộ Tu-tan-ha-môn, Pha-ra-ông trẻ tuổi của Ai Cập cổ đại. Tu-tan-ha-môn thống trị Ai Cập trong 9 năm, năm 1350 trước CN, khi ông ta 18 tuổi, đã bị chết một cách bí hiểm. Ông không ngờ rằng sau khi bị chôn 3.200 năm lại bỗng nhiên trở thành nhân vật nổi tiếng khiến cả thế giới phải chú ý.

Ngôi mộ cổ này nằm dưới chân dựng đứng của “Thung lũng Quốc vương”, mộ này do 4 huyệt mộ hợp thành. Có

hiện tượng chứng tỏ, sau khi chôn không lâu, đã từng bị kẻ trộm chui vào mộ thất phía trước, các hạt châu ngọc rơi rải rác trên đất chứng tỏ chúng sợ hãi, không dám tiếp tục lấy. Cửa mộ lại được lấp kín. Toàn bộ huyệt mộ trên cơ bản còn nguyên vẹn không bị tổn thất gì.

Vào trong mộ thất, người ta nhìn thấy vô số châu báu chất đầy trên đất, chợt cảm thấy vô cùng sung sướng. Nhưng khi họ nhìn những chữ viết khắc trên một phiến đất nung, thì không thể không run sợ: “Cái chết sẽ dang đôi cánh giết chết bất kỳ người nào dám quấy rối sự an nghỉ của Pha-ra-ông”.

Đúng lúc mọi người đang bán tín bán nghi, sự việc rắc rối liên tiếp xảy ra. Đầu tiên là tước sĩ Ca-na-vôn ở trong mộ bị một con côn trùng có cánh bay đến đốt, ít lâu sau thì chết, tiếp theo đó là Đích Bê-sơn thư ký của tước sĩ Mê-xa-na, nhà khảo cổ học Bê-ni-đi-thơ và Bô-xa-nô-va, tước sĩ Vê-xơ-thơ-bê-ri và Ai-si-bốc-đơ Li-đơ (ông ta đã từng dùng X quang để chiếu xác ướp), v.v... đều lần lượt qua đời. Tựa hồ như thanh gươm báo thù của vua Tu-tan-ha-môn đã đuổi theo tất cả các trợ thủ của tước sĩ Ca-na-vôn và bất kỳ ai quấy rối an ninh của ông ta. Chỉ trong thời gian 6 năm đã có 23 người không hiểu vì sao mà chết.

Khi nhắc đến ngôi mộ Tu-tan-ha-môn, mọi người liền liên tưởng đến sự việc ly kỳ này. Tháng 7 năm

1977, con trai của Ca-na-vôn đã gặp phóng viên truyền hình ở New Yoóc. Khi mọi người hỏi chuyện về lời “thần chú của Pha-ra-ông”, ông nói rằng “tôi không tin việc này, và cũng không hoài nghi việc này”, nhưng cho dù có cho ông 1 triệu bảng Anh, thì ông cũng không chui vào trong mộ Tu-tan-ha-môn trong “Thung lũng Quốc Vương”. Những sự việc này đã tạo nên màu sắc thần bí cho ngôi mộ Pha-ra-ông thần kỳ.

Cái gọi là thiêng liêng đối với lời thần chú của Pha-ra-ông hiện nay, tổng hợp lại có mấy quan điểm như sau:

Một quan điểm cho rằng trên vách mộ đạo có một lớp màu phấn hồng và màu xám lục, có thể là một lớp ánh sáng chết, vật chất mà nó phát ra có thể làm chết người.

Quan điểm thứ hai cho rằng, văn hóa Ai Cập cổ đại đã sử dụng những chất và côn trùng có nọc độc cực mạnh đặt vào trong ngôi mộ làm vũ khí phòng vệ, đối phó với những kẻ hậu thế phá hoại lăng mộ. Năm 1956, nhà địa lý học Hoai-tơ-xơ, khi khai quật bằng mộ Rô-ca-ri-bi đã từng bị loài dơi tập kích.

Quan điểm thứ ba, giáo sư y học Giơ-tin Pê-hao ở Cai-rô đã phát hiện trong xác ướp có một loại vi-rút đã sống 4000 năm, cho rằng khi con người tiếp xúc với loại vi-rút này có thể xuất hiện viêm đường hô hấp và viêm màng não, từ đó có thể dẫn tới ngạt thở và chết.

Năm 1983, một nữ bác sĩ người Pháp tên là Philip-pô, sau một thời gian dài nghiên cứu cho rằng, cái chết của những người khai quật và những người tham quan là do quá mẫn cảm với nấm độc trong lăng mộ. Theo nghiên cứu của bà, bệnh trạng của người chết cơ bản giống nhau, phổi bị lây nhiễm, tắt thở mà chết. Bà giải thích, sau khi các pha-ra-ông qua đời, đồ tùy táng ngoài vàng ngọc châu báu, đồ mỹ nghệ, quần áo ra, còn chôn theo rất nhiều hoa quả, rau xanh và rất nhiều lương thực. Rau quả, lương thực thối rữa tồn tại qua hàng nghìn năm trở thành một loài nấm độc mà mắt thường không thể nhìn thấy được, bám vào huyết mộ. Bất kể là ai, sau khi hít phải loại nấm độc này phổi sẽ lập tức phát bệnh, cuối cùng hít thở khó khăn và chết đi một cách đau đớn. Giáo sư Đô-ni-xê-en ở Xtơ-ra-xơ-bô, do chui vào trong lăng mộ đầy nấm độc mới khai quật chưa lâu để xem minh văn mà đã mất mạng. Cho đến nay, ý kiến này là sự giải thích được mọi người tin.

Quan điểm thứ tư. Có một số nhà khoa học lại cho rằng, cái gọi là “lời thần chú” của Pha-ra-ông, rất có thể là từ bản thân của cấu tạo kim tự tháp, thiết kế kết cấu của mộ đạo và huyết mộ, có thể sản sinh, hội tụ và phóng ra các tia phóng xạ, dao động từ và sóng năng lượng, hoặc hình thành một trường vật lý thần bí nào

đó. Cũng chính là hiệu năng của kim tự tháp thần kỳ mà trong phần trên chúng ta đã nói đến.

6. BÍ MẬT VỀ ĐÈN ĐIỆN VÀ ĐIỆN MÀU

Các nhà khoa học đã phát hiện trên bích họa của kim tự tháp từ hơn ba nghìn năm trước ở Ai Cập cổ, vẽ điện mạo vũ trụ của người ngoài hành tinh, kim tự tháp này nằm trên đê sông Nin, người khai quật là tiến sĩ I-sa-du-la. Ông nêu rõ, hình dáng tàu vũ trụ như một chiếc đĩa đặt ngược, điều này đã chứng minh hơn 3.000 năm trước người ngoài hành tinh đã có sự tiếp xúc với người Ai Cập cổ.

Nhưng, theo nghiên cứu của chuyên gia Ai Cập An-di nêu rõ, phát hiện của I-sa-du-la tuy thú vị nhưng thiếu ý mới. Vì rất nhiều người đều biết thông tin về người ngoài hành tinh có tiếp xúc với người Ai Cập cổ. Việc xây dựng xong kim tự tháp chính là kết quả của sự giúp đỡ của người ngoài hành tinh.

Trong quần thể kiến trúc kim tự tháp của Ai Cập cổ. Kim tự tháp có quy mô lớn nhất cách ngày nay khoảng 4.600 năm trước, đó là Kê-ốp, pha-ra-ông của vương triều thứ 4 thời kỳ vương quốc cổ, xây dựng ở Gi-sa gần ngoại ô Cai-rô, người Hy Lạp cổ gọi là kim tự tháp Si-a-pu-xơ, kết cấu bên trong của nó rất phức tạp và thần kỳ, trang trí rất nhiều đồ mỹ nghệ điều

khắc và hội họa. Do mộ thất và trong đường góc rất tối, những tác phẩm nghệ thuật này cần có ánh sáng mới có thể tiến hành điêu khắc, vẽ được, cho nên phải dùng ánh sáng đuốc hoặc đèn dầu mới có thể hoàn thành. Lúc ấy, nếu quả thật là đã dùng đuốc và đèn thì tất phải để lại dấu vết của việc sử dụng lửa. Nhưng, các nhà khoa học hiện nay đã tiến hành nghiên cứu toàn diện phân tích, hóa nghiệm các bụi than đã tích tụ ở mộ thất và đường mộ từ hơn 4.600 năm, kết quả chứng minh: trong bụi than không có bất cứ một hạt nhỏ nào của muội đèn và muội dầu, không phát hiện được một ly một tý gì dấu vết của đuốc đèn đã được sử dụng. Đây là một sự thật không thể chối cãi, vì các nhà khoa học hiện đại đã sử dụng những máy móc hiện đại nhất tiên tiến nhất hiện nay, có thể phân tích chuẩn xác thành phần hóa học tới một phần một triệu của các hạt bụi. Từ đó có thể thấy, các nhà nghệ thuật Ai Cập khi chạm khắc và vẽ trong mộ thất và đường mộ dưới lòng đất của kim tự tháp Kê-ốp hoàn toàn không dùng đuốc và đèn dầu để chiếu sáng mà đã sử dụng một loại ác-quy đặc biệt nào đó hoặc thiết bị điện khí có thể phát sáng. Điều khiến các nhà khảo cổ và các nhà sử học ngạc nhiên là bí mật về người Ai Cập cổ cách ngày nay hơn 4600 năm quả thật là đã biết đến sự bí ẩn của đèn điện hiện đại? Đây là bí ẩn kỳ lạ mà người hiện đại không thể tưởng tượng được.

Một nhà khảo cổ học nổi tiếng, tiến sĩ Uy-sa-nao Lê-ga, đã tuyên bố với các nhà báo ở Giơ-ne-vơ: Ông ta đã phát hiện được một chiếc máy giống như một chiếc ti-vi màu còn nguyên vẹn trong ngôi mộ cổ chưa bị ai khai quật ở bên bờ sông Nin, Ai Cập. Chiếc máy này khác biệt khá nhiều so với chiếc ti-vi màu hiện đại, nó chỉ có một đường dây điện, chỉ có thể tiếp nhận một tiết mục của đài truyền hình. Nó có 4 màn huỳnh quang hình tam giác, bốn xung quanh màn hình có mạ vàng, máy móc của nó được chế tạo bằng hợp kim vàng và titan tiên tiến nhất hiện nay chất liệu rất chắc bền, máy này đã không thể sử dụng, tuy đã qua 4.200 năm, ắc-quy dùng ánh sáng mặt trời của nó vẫn có thể hoạt động bình thường.

Do người Ai Cập cổ không có vật liệu chế tạo ti-vi, cũng không có trình độ công nghệ cao chính xác cao độ, vì thế, các chuyên gia cho rằng rất có thể đây là tặng phẩm của người ngoài hành tinh. Kỹ sư điện tử Ri-chát Môn-na đã để ra một tháng để kiểm tra chi tiết chiếc ti-vi này và đã làm rõ đường dây và nguyên lý làm việc của nó. Ông ta cũng chuẩn bị dùng kỹ thuật tiên tiến nhất hiện nay để phục chế một chiếc ti-vi màu giống như thế, nhằm thử nghiệm xem nó có thể tiếp nhận những tín hiệu truyền hình từ một tinh cầu khác hay không.

BÍ MẬT CỦA KIM TỬ THÁP DƯỚI ĐÁY BIỂN

VÙNG BIỂN Ở TAM GIÁC BÉC-MU-ĐA LÀM CHO
VÔ SỐ THUYỀN BÈ, MÁY BAY VÀ NGƯỜI ĐÃ
MẤT TÍCH MỘT CÁCH BÍ HIỂM. VÌ VẬY CŨNG
ĐƯA ĐẾN NHỮNG DỰ ĐOÁN KHOA HỌC, TRONG
ĐÓ CÓ MỘT GIẢ THIẾT ĐOÁN RẰNG: VÙNG
BIỂN Ở TAM GIÁC BÉC-MU-ĐA SÂU, CÓ TỪ LỰC
CỰC MẠNH, CÓ THỂ LÀM LA BÀN CỦA THUYỀN
BÈ, MÁY BAY MẤT TÁC DỤNG.

Có người nói thêm: Xem xét khu phía nam của vùng biển này là nơi nền văn minh Ma-ya mất tích, cho nên dưới đáy vùng biển ở tam giác Béc-mu-đa nhất định đã chôn vùi một số vật thần bí nào đó của nền văn minh Ma-ya, chưa biết chừng, nơi tập trung phế liệu hạt nhân nguyên tử của thời đại văn minh Ma-ya chính là ở vùng biển này.

Ý kiến này nghe ra có vẻ khó tin, hình như không có khả năng cho lắm. Nhưng, một tin ngoài ý muốn đã làm người ta vô cùng ngạc nhiên. Ngày 7 tháng 4 năm

1977, hãng thông tấn xã Pháp đã phát đi từ Mê-hi-cô một tin: Các nhà khoa học đã phát hiện một kim tự tháp lớn hơn kim tự tháp Kê-ốp ở dưới đáy biển thuộc vùng biển tam giác Béc-mu-đa. Đây quả là một tin mừng.

Mọi người đều biết, Ai Cập là nước nổi tiếng bởi kim tự tháp, nhưng trên thực tế ngoài Ai Cập ra, ở các nơi như Mê-hi-cô, Ôn-đu-rát, Pê-ru v.v... tức là vùng hoạt động của người Ma-ya, đều đã lần lượt phát hiện được những kiến trúc to lớn kiểu kim tự tháp. Có điều kim tự tháp Ma-ya có những điểm khác với kim tự tháp Ai Cập. Kim tự tháp Ai Cập có đỉnh nhọn, kim tự tháp May-a đỉnh bằng, nói chung, kim tự tháp Ma-ya phần lớn nhỏ hơn kim tự tháp Ai Cập.

Nghe nói, kim tự tháp khổng lồ ở dưới đáy vùng biển tam giác Béc-mu-đa là do một thượng tá Hải quân Mỹ phát hiện. Mặc dù lúc ấy có rất nhiều người bao gồm cả ông ta đều không tin là thật, nhưng thiết bị thăm dò bằng sóng âm đã hiện rõ kim tự tháp này nằm sâu dưới đáy biển 360m, độ cao khoảng 230m, mỗi cạnh dài 300m, đáy biển xung quanh kim tự tháp bằng phẳng, không có dấu vết núi lửa phun, cũng không có dãy núi nào dưới đáy biển xuyên qua.

Thế là, người ta đã thành lập một đội thám hiểm đến đây thăm dò, dùng tàu ngầm lặn sâu, sử dụng các thiết bị tiên tiến như máy quay truyền hình khép kín dưới nước, mong có thể khám phá bí ẩn của kim tự tháp dưới đáy biển.

Nếu bí mật của tam giác Béc-mu-da được giải đáp, nếu chứng minh được kim tự tháp là kiệt tác do con người làm ra, thì sách sử khoa học sẽ phải sửa chữa, thậm chí lịch sử loài người cũng phải sửa. Hiện nay, chẳng có ai tin, kim tự tháp này được xây dựng dưới đáy biển. Vì với năng lực khoa học kỹ thuật hiện đại, muốn xây dựng một kim tự tháp lớn như vậy cũng không thể nào làm được, huống hồ nó lại được xây dưới đáy biển sâu 360m. Thà chúng ta tin là kim tự tháp này vốn trước đây được xây dựng trên mặt đất.

Nhưng ngày nay kim tự tháp lại ở dưới đáy biển, nghĩ là nhất định phải do nguyên cố lục địa bị chìm xuống. Các nhà khoa học tin cái lý ở trong đó, nhưng không dám tiếp nhận bữa một kết luận như vậy, vì chỉ trong mấy nghìn năm ngắn ngủi, làm sao lục địa này có thể “chìm sâu” đến như vậy? Phải chăng dưới lục địa này là một bồn địa đáy biển khổng lồ? Cũng có nghĩa là, lục địa xây kim tự tháp này không những chìm xuống biển mà còn chìm sâu hơn đáy biển vốn có. Đây là do nguyên nhân gì gây nên?

Vấn đề mấu chốt là vì sao kim tự tháp ở trong nước biển 360m, lại tạo ra ảnh hưởng đối với việc mất tích của thuyền bè đi trên biển và máy bay bay trên trời, hơn nữa sau mỗi lần xảy ra sự việc mất tích đều không để lại dấu vết gì? Đây quả là việc lạ!

MỘT BÍ ẨN KHÓ GIẢI MAI-XI-NI

NĂM 1876, THƯỜNG GIA, NHÀ KHẢO CỔ NGƯỜI ĐỨC TÊN LÀ XÊ-LI-MAN ĐÃ PHÁT HIỆN THÀNH CỔ TƠ-ROA TRÊN GÒ HI-SA-LIC Ở MIỀN TÂY BẮC THỔ NHĨ KỲ. ĐỂ CHỨNG MINH THÊM TÍNH CHÂN THỰC CỦA BỘ SỬ THI HÔ-ME, ÔNG ĐÃ ĐẾN QUÊ HƯƠNG CỦA A-CA-MEN-NÔNG - QUỐC VƯƠNG MAI-XI-NI, THỐNG SOÁI LIÊN QUÂN HY LẠP ĐÃ CHINH PHẠT THÀNH TƠ-ROA - NẪM TRONG MỘT THUNG LŨNG CỦA BÁN ĐẢO PRÔ-PEN-NI-XA, MIỀN NAM HY LẠP ĐỂ KHAI QUẬT. HẾT LÒNG TIN THEO SỬ THI HÔ-ME, CŨNG NHƯ HIỂU SÂU SẮC NHỮNG MIÊU TẢ SINH ĐỘNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN MAI-XI-NI TRONG DU KÝ CỦA BAU-SA-RI-A-XƠ, NHÀ SỬ HỌC HY LẠP THẾ KỲ I TRƯỚC CN, KHIẾN ÔNG NHANH CHÓNG LÀM CHO MỘT CÁI TÊN KHÁC TRONG SỬ THI HÔ-ME - MAI-XI-NI - TRỞ THÀNH TRUNG TÂM CỦA SỰ CHÚ Ý.

Nền văn minh Mai-xi-ni bắt nguồn từ thời đại đồng thau sơ kỳ khoảng 2000 năm trước CN, đại thể khoảng thế kỷ XVII trước CN, một nhánh người A-ca-ya của người Hy Lạp đã xây dựng tòa thành và hoàng cung

đầu tiên ở Mai-xi-ni. Theo miêu tả của sử thi Hô-me, Mai-xi-ni ở thời kỳ hưng thịnh là một đô thị “giàu hoàng kim”, nổi tiếng bởi những chế phẩm bằng vàng bạc.

Thành quách Mai-xi-ni hiện nay, nằm trên đỉnh núi giữa núi Gia-ra và núi Ê-li-át-xơ, hình dáng mặt bằng trên đại thể là hình tam giác. Tường thành được xây bằng những khối đá lớn vòng quanh núi, cao 8 mét, dày 5 mét. Mặt tây bắc có một cửa thành lớn, trên mi cửa dựng một khối đá hình tam giác, chạm khắc hai sư tử đục đứng, tuy không có đầu nhưng rất uy nghi hùng dũng. Hai tượng sư tử này là nghệ thuật điêu khắc cổ xưa nhất ở châu Âu. Hình thức điêu khắc đối xứng phải trái rõ ràng là chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Đông. Cửa chính này do đó được gọi là “cửa sư tử”.

Trong “cửa sư tử” bên trái có một nhà nhỏ, đoán là nơi ở của người gác cổng thời xưa. Ở mé trong “cửa sư tử”, tượng người khổng lồ một mắt, phát hiện 6 mộ huyệt đứng hình chữ nhật, những mộ này được bao bọc bởi một vòng tròn bằng đá dựng đứng, có đường kính khoảng 26,5 mét, gọi là vòng mộ tròn A. Trong vòng tròn đá, vợ chồng Xê-li-man phát hiện được 5 ngôi mộ; Xta-ma-thai-ky do Hội khảo cổ học Hy Lạp cử đến giám sát họ về sau đã phát hiện được ngôi mộ thứ 6. Sáu ngôi mộ này lớn nhỏ sâu nông khác nhau, dài từ 2,7 mét đến 6,1 mét, sâu từ 0,9 đến 4,5 mét, đỉnh mộ được đập bằng gỗ tròn và đá phiến, phần lớn đã bị sụp đổ. Trong 6

ngôi mộ đã chôn 19 người, có nam có nữ, còn có 2 đứa trẻ, hài cốt trong cùng một mộ nằm rất gần nhau. Những hài cốt này phần lớn được che kín bởi những tấm vàng, mặt đàn ông được che mặt nạ bằng vàng, ngực che một tấm vàng, bên người đặt dao kiếm, cốc vàng, cốc bạc v.v... Đầu đàn bà đội mũ vàng hoặc đồ trang sức trên trán bằng vàng, bên người đặt các tráp vàng đựng đồ trang sức, ghim bằng được làm bằng các vật liệu quý trên y phục trang trí các vật trang sức bằng vàng với các hình vẽ như ong, quạ, hoa hồng, vặn xoắn ốc v.v... Hai đứa trẻ cũng được bọc trong các tấm vàng.

Sau khi Xê-li-man phát hiện được rất nhiều đồ vàng bạc trong các ngôi mộ cổ, ông kết hợp với những điều có liên quan đến A-ca-men-nông từ chiến trường khải hoàn trong sử thi Hô-me đã cho rằng người chết đeo mặt nạ vàng trong mộ là hài cốt của A-ca-men-nông từ chiến tranh Tơ-roa trở về cùng các tùy tùng của ông ta. Năm 1951, tức là 75 năm sau khi Xê-li-man khai quật Mai-xi-ni, nhà khảo cổ học Hy Lạp, tiến sĩ Pa-ba-di-mi-tơ-ri đã phát hiện được khu mộ thứ 2, gọi là vòng tròn mộ B. Khu mộ này ở cách xa 100 mét về phía tây “cổng sư tử”, đồ châu báu phát hiện được hoàn toàn có thể sánh ngang với những đồ vàng bạc mà Xê-li-man phát hiện. Hơn nữa, thời đại lại cơ bản tương đương với những di

vật trên. Người Hy Lạp cổ cho rằng đây là mộ của vợ A-ca-men-nông là Cli-thai-nê-xơ-ra và người tình của bà ta cùng những kẻ đồng mưu. Thần thoại Hy Lạp cổ kể rằng hung thủ mưu sát A-ca-men-nông không chôn cùng trong thành. Thực ra, niên đại của những ngôi mộ huyết hình chữ nhật là vào khoảng 1600 năm đến 1500 năm trước CN, sớm hơn niên đại của cuộc chiến tranh Tơ-roa ba bốn trăm năm. Giả sử quả thực là có con người A-ca-men-nông thật, thì ông ta phải sống trong thời kỳ chiến tranh Tơ-roa, tức là vào khoảng 1180 năm trước CN, mà không phải là từ 1600 đến 1500 trước CN. Rõ ràng những ngôi mộ này không phải là mộ của A-ca-men-nông và tùy tùng của ông ta, càng không phải là mộ vợ của A-ca-men-nông và người tình v.v... , mà là mộ của thành viên hoàng tộc Mai-xi-ni, người chết trong mộ được lần lượt an táng vào đó.

Đại thể là cùng một thời với vòng mộ hình tròn B mà nhà khảo cổ học Hy Lạp Giôn Pa-ba-di-mi-tơ-ri phát hiện, nhà khảo cổ học Anh Vê-xơ đã phát hiện được 9 ngôi mộ chung thời tiền sử ở phía tây tượng người khổng lồ một mắt, phía ngoài cửa sư tử, những ngôi mộ đỉnh tròn (vì hình dáng giống tổ ong, nên còn gọi là mộ nhà tổ ong) này đều thuộc trung kỳ thời đại đồng thau, tương đương thời gian từ 1500 đến 1300 năm trước CN. Các nhà khảo cổ đã phát hiện những vật kiến trúc, vũ khí và đồ vật ở trong mộ mà sử thi Hô-mê đã miêu tả,

từ đó chứng minh mối quan hệ chặt chẽ giữa Mai-xi-ni và thế giới mà Hô-mê miêu tả.

Trong các ngôi mộ đỉnh tròn này, ngôi lớn nhất là “kho báu A-tơ-giô-xơ” nổi tiếng. (“A-tơ-giô-xơ” là cha của A-ca-men-nông). Xà cửa của mộ này được khai thác từ một khối đá vôi, nặng tới 120 tấn, cao bằng 5 người, rộng gần 5m, dày khoảng 0,9m. Trên cửa có một cửa hình tam giác, nhìn giống tổ ong, cho nên còn được gọi là “mộ tổ ong”. Trong điều kiện không có cần cẩu và kích, nhưng người Mai-xi-ni đã có thể đặt một cách chính xác khối đá lớn nặng trên trăm tấn lên xà cửa thì không thể không coi đây là kỳ tích nhân gian.

Mặt bằng của phòng chính ngôi mộ này có hình tròn, được lát bằng đá vôi màu nâu vàng, đỉnh mộ xếp thành hình nón, cao 13,7m, đáy có đường kính 15,2m, nền lát đá vôi, ở trong vách đá phía bắc khoét một phòng hình vuông. Mé đông có đường vào mộ (mộ đạo) rộng 6m, dài 36m, cửa mộ cao tất cả là 10,5m, trong cửa có hành lang dài khoảng 5,2m, khối đá nặng 120 tấn đặt ở trên, bốn vách trong phòng mộ có bích họa. Lâu nay người ta vẫn cho rằng, vua Mai-xi-ni đã đem những vật quý của họ giấu ở trong đó, nên gọi là kho báu.

Mộ Mai-xi-ni bị chôn vùi dưới vùng đồi núi kéo dài tới 3000 năm. Tuy trong khoảng từ 1100 trước CN đến 1453 năm sau CN người Đô-ri-an, người La Mã, người

Cô-tơ, người Uy-ni-xơ, người Thổ Nhĩ Kỳ lần lượt chiếm lĩnh Hy Lạp, từng đến tòa thành Hoàng Kim này, nhưng điều kỳ lạ là, họ không thể phát hiện những vật báu chôn trong mộ cổ.

Vấn đề quan trọng nhất của thành trên núi là lương thực và nguồn nước. Mai-xi-ni hùng cứ trên núi cao, dễ thủ khó công, sau khi dự trữ lương thực đầy đủ, quyết không thể có mối lo cắt nguồn nước, gần trong cửa bên phía đông thành có một dòng nước ngầm thông với hồ nước bí mật, có thể cung cấp cho bộ đội sử dụng khi thành bị vây. Nhưng điều làm người ta khó hiểu là, vì sao tòa thành trên núi nổi tiếng này liên tiếp bị đánh bại?

Hoàng cung nằm ở cao điểm trung tâm thành phố, có đại sảnh, hậu sảnh, hành lang, nhà bên, nhà tắm v.v... với đại sảnh kiểu Ma-ga-lon là chủ thể, trước đại sảnh có tường cao và có sân bao quanh bởi hành lang, hành lang của đại sảnh có hai cột gỗ lớn; hậu sảnh hình vuông. Trong sảnh có 4 cột gỗ tròn, gần sát tường đặt bảo tọa; trong hoàng cung có bích họa thể hiện các đề tài xe ngựa v.v... Ở trên đỉnh núi Ê-li-a-xơ xa xa, các nhà khảo cổ học còn phát hiện được di chỉ chòi quan sát tầm xa.

Cuối thời đại đồng thau khoảng từ 1400 năm đến 1150 năm trước CN, Mai-xi-ni đã phát triển đến thời kỳ cực thịnh. Người Mai-xi-ni đã xây dựng tượng người một

mắt, cửa sư tử và cửa đường hầm. Với lòng thành kính, họ dùng các phiến đá quây các mộ táng của các vua thời kỳ đầu, đồng thời dựng bia mộ có chạm khắc các chiến sa Ma-ra trong vòng tròn được dựng bằng các phiến đá, xây dựng đài tế hình tròn dạng giếng nước. Máu tươi của các con vật hiến tế có thể chảy thẳng xuống xung quanh những người anh hùng trong mộ dưới lòng đất để họ hưởng tùy ý. Về sau, cùng với thời gian, bùn đất trên núi xô xuống, vùi tất cả các mộ dưới gò hoang.

Điều đáng chú ý là, nền văn minh Mai-xi-ni đã sản sinh ra hệ thống chữ viết, chữ viết hình dây B được hoàng thất, quan lại và bình dân cùng sử dụng. Hệ thống chữ viết này được kiến trúc sư người Anh là Oen-tơ-li-xơ phiên dịch thành công. Chữ viết hình dây B thuộc ngôn ngữ Hy Lạp, là chữ viết âm tiết; do chữ viết hình dây A từ đảo Cô-li-tơ phát triển thành. Trong thế kỷ XIII, XIV trước CN lưu hành ở các địa phương của Hy Lạp, về sau bị lãng quên cùng với sự suy tàn của nền văn minh Mai-xi-ni. Việc dịch và đọc thành công chữ viết hình dây B đã chứng tỏ nền văn minh Mai-xi-ni là do một chi người A-ca-ya của người Hy Lạp cổ sáng tạo ra.

Vào khoảng thế kỷ XII trước CN, Mai-xi-ni dốc sức xuất quân viễn chinh tới Tơ-roa, thành phố giàu có của vùng Tiểu Á, vây hãm 10 năm mới hạ được. Cuộc chiến tranh kéo dài làm Mai-xi-ni hao tổn nhân lực, vật lực

và tài lực, từ đó tình thế đất nước ngày càng suy. Cuối thế kỷ XII trước CN, người Đô-ri-a đến từ miền bắc Hy Lạp đã chinh phục người A-ca-ya, hủy diệt các thành phố như Mai-xi-ni...

Việc phát hiện thành quách, cung điện, mộ táng, các đồ vật bằng vàng bạc của Mai-xi-ni một lần nữa chứng minh tính chân thực của sử thi Hô-me, giải quyết được một cuộc tranh luận có liên quan đến sử thi Hô-me lâu nay trong lịch sử. Đồng thời nó cũng đặt ra những vấn đề mới: Mai-xi-ni có nhiều vàng nhưng lại không có mỏ vàng, vậy vàng được đưa từ đâu đến? Thành Mai-xi-ni có tường hào chắc chắn vì sao nhiều lần bị chiếm đóng? Xà cửa đá của kho báu A-tơ-râu-xơ nặng tới 120 tấn, vậy người Mai-xi-ni đã dùng phương pháp gì để đặt lên cửa? Điều khiến người ta khó hiểu là, người Mai-xi-ni đã nắm được chữ viết hình dây B một cách phổ biến, hơn nữa lại dùng để ghi hóa đơn, nhưng vì sao họ không khắc họ tên và sự tích của người chết trên bia mộ? Người Ai Cập, người Phoenicia đều khắc chữ trên bia mộ của họ, về sau người Hy Lạp, người La Mã cũng dựng bia mộ có chữ viết, mà người Mai-xi-ni lại không có, vậy vì sao?

Tòa thành bí ẩn Mai-xi-ni đã hấp dẫn du khách, nó chờ đợi những câu trả lời vừa ý.

SÊ-BA CỒ LỎE LÊN MÀU SẮC THÂN BÍ

TỪ KHI THẾ GIỚI CÓ LỊCH SỬ ĐẾN NAY, SÁCH ĐƯỢC TÁI BẢN VÀ CÓ SỐ LƯỢNG IN NHIỀU NHẤT, CÓ LẼ PHẢI THUỘC KINH ĐIỂN THẦN HỌC CƠ ĐỐC GIÁO: “KINH THÁNH”. NÓ KHÔNG NHƯNG LÀ TÁC PHẨM HAY VỀ VĂN HÓA VỚI NGÔN TỪ ĐẸP ĐẸ, CŨNG LÀ TẬP HỢP NHỮNG CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ RẤT THÚ VỊ NHẤT LÀ TỪ KHI TRỞ THÀNH SÁCH “CỰU ƯỚC TOÀN THƯ” VÀO THẾ KỶ I, CÒN HÀM CHỨA GIÁ TRỊ TƯ LIỆU LỊCH SỬ KHÁ CAO. NHƯNG, NÓ CŨNG ĐỂ LẠI MỘT SỐ ĐIỀU BÍ ẨN KHÓ GIẢI THÍCH CHO CON NGƯỜI, CÓ MỘT ĐIỀU TRONG ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ NỮ HOÀNG SÊ-BA VÀ QUỐC GIA Ở SÊ-BA CÓ TỒN TẠI HAY KHÔNG.

Trong sách “Cựu ước toàn thư. Liệt thánh vương” chương 10 và “Lịch đại chí” chương 9 đã có một đoạn ghi chép như sau: “Giữa thế kỷ X trước CN, khi vương quốc I-xra-en dưới sự cai trị của quốc vương Xô-lô-môn ở vào thời kỳ cực thịnh, quốc thái dân an, nữ hoàng Sê-ba quân chủ của nước khác do ngưỡng mộ trí tuệ và danh

vọng của Xô-lô-mông, đã dẫn một đoàn người đông đảo đem hương liệu, đá quý và vàng bạc rầm rộ kéo đến Giê-su-sa-lem, báỉ kiến quốc vương I-xra-en. Bà ta bày tỏ lòng tôn kính đối với Xa-lô-mông, biếu lễ vật rất hậu, và đưa ra một số vấn đề khó, yêu cầu đối phương trả lời. Xô-lô-mông nhạy bén nhanh trí trả lời, càng làm cho nữ hoàng kính phục. Xô-lô-mông cũng tiếp đãi nữ hoàng nhiệt tình, và đã tặng lễ vật trước khi bà ta về nước”. Đoạn ghi chép ngắn gọn này rất đặc sắc, sự xuất hiện của nữ hoàng Sê-ba làm cho mọi người chú ý. Nhưng vị nữ hoàng này từ đâu đến? Xuất thân từ dân tộc nào? “Kinh Thánh không có bất cứ một ghi chép nào?” Thậm chí tên bà ta cũng không biết là gì. Điều duy nhất có thể suy đoán là: qua những lễ vật mà nữ hoàng mang theo, vương quốc Sê-ba mà bà ta cai trị là một quốc gia giàu có. Trong sách “Cựu ước toàn thư” chương 27, cũng nêu rõ, vương quốc Sê-ba nổi tiếng về buôn bán hương liệu, đá quý và vàng bạc.

Nữ hoàng Sê-ba ngẫu nhiên lóe lên màu sắc thần bí trong “Kinh Thánh”, đã làm cho các nhà sử học, nhà văn học, nhà ngâm thơ và nghệ nhân dân gian các đời rất hứng thú và từ đó nảy sinh sự tưởng tượng những truyền thuyết lãng mạn ly kỳ thậm chí rất hoang đường.

Trong một truyền thuyết lưu truyền rất rộng ở thời kỳ trung thế kỷ, nữ hoàng Sê-ba được coi là nữ tiên tri về việc Giê-su bị nạn trên cây thánh giá. Theo truyền thuyết, trên đường đi đến Giê-ru-sa-lem báỉ kiến



Xô-lô-mông, bà ta gặp một chiếc cầu nhỏ. Trong ảo giác của bà đã đột ngột hiện lóe lên hình ảnh đáng sợ chúa cứu thế bị người ta đóng đinh giết chết trên tấm ván của chiếc cầu gỗ này. Thế là bà ta đi vòng và thành tâm cầu xin chúc phúc cho chiếc cầu này. Sau khi Xô-lô-mông biết được diêm báo xấu này, lập tức ra lệnh đem chôn những tấm ván này xuống lòng đất, cho rằng làm như thế sẽ vạn sự cát tường. Nhưng sau này vẫn bị người ta đào lên, trở thành tấm ván chữ thập khi Giê-su bị người xấu hãm hại.

Ngoài những điều đồn đại thần kỳ ra, nữ hoàng Sê-ba trong nghệ thuật tôn giáo thời kỳ trung thế kỷ và

phục hưng văn nghệ, có lúc là hình tượng nữ hoàng xinh đẹp, có lúc là hình tượng mù phù thủy xấu xa ác độc. Trong các giáo đường kiểu Gô-tích hiện tồn tại ở rất nhiều nước Tây Âu, người ta vẫn có thể thấy sự thể hiện hình tượng nữ hoàng có nội dung hoàn toàn khác. Trong điêu khắc kiểu Gô-tích của nước Pháp, nữ hoàng Sê-ba vẫn bị miêu tả thành người thọt một cách khó hiểu. Đây là sự miêu tả đặc trưng nhân vật theo sự thực lịch sử lúc bấy giờ hay dựa vào sự xử lý nghệ thuật theo tưởng tượng của con người, không sao biết được.

Trong thế giới tín ngưỡng phi Cơ Đốc giáo thì hình tượng nữ hoàng Sê-ba, trên cơ bản bị bôi nhọ. Những câu chuyện truyền kỳ của đạo Do Thái, đã miêu tả nữ hoàng Sê-ba thành hình tượng ác quỷ hai chân lông xù và so sánh bà ta với dâm thần dụ người ta vào trụy lạc trong thần thoại A-su và Ba-bi-lon thời cổ. Còn trong truyền thuyết của đạo I-xlam, nữ hoàng Sê-ba càng bị hạ thấp, bà ta bị gọi là “Bin-ki-xơ”, nghĩa là “yêu quái”, nói rằng những việc bà ta làm đối với loài người đều là tai họa.

Trong các tác phẩm văn học thời cận đại, cũng có không ít sự tưởng tượng và miêu tả về nữ hoàng Sê-ba, và cũng không thống nhất trong việc ca ngợi hoặc chê bai. Dưới ngòi bút của nhà tiểu thuyết Pháp Flô-be, nữ hoàng Sê-ba vẫn là người đàn bà có sắc đẹp trời phú,

thông minh hơn người và kể lại rằng khi Xô-lô-môn nhìn thấy nàng ở Giê-xu-sa-lem đã phải xiêu lòng vì sắc đẹp và dáng vẻ đoan trang của nàng, hai vị quân vương ái mộ lẫn nhau và kết thành mối lương duyên vàng đá. Trong truyền thuyết của Ê-ti-ô-pi-a thì Xô-lô-môn vừa gặp đã yêu, nhưng đáng tiếc nữ hoàng lại vô tình đối với ông ta. Về sau Xô-lô-môn tìm cách cám dỗ, mới buộc nữ hoàng thành hôn. Sau khi cưới họ sinh được một người con tên là Man-ni-rích, sau đó đã đi cùng nữ hoàng. Man-ni-rích sau khi lớn đã đến Giê-ru-sa-lem bái yết cha, và được phong làm Hoàng đế thứ nhất của Ê-ti-ô-pi-a. Có điều thú vị là, cho đến khi vị hoàng đế già Han Xê-ra-xi nổi tiếng, vị vua cuối cùng của quốc gia cổ đại châu Phi này làm vua, ông ta vẫn cho mình là hậu duệ nối dòng đích của nữ hoàng Sê-ba và Xô-lô-môn.

Mọi truyền thuyết có liên quan đến nữ hoàng Sê-ba đầy màu sắc truyền kỳ, nhưng có một điều dễ thấy là chúng thiếu những căn cứ đáng tin cậy về khảo cổ và chữ viết. Nữ hoàng Sê-ba có thật hay không, đến nay vẫn là điều bí mật, nhưng vấn đề quốc gia cổ Sê-ba có tồn tại hay không thì qua việc khảo sát lâu dài của các học giả và những phát hiện khảo cổ học mới đã chứng minh, nó không còn là truyền thuyết hư vô lúc ẩn lúc hiện nữa, mà là một sự thật rõ ràng.

Người ta đã bước đầu đoán định vương quốc Sê-ba được nhắc đến trong “Kinh Thánh” nằm ở phía tây bán

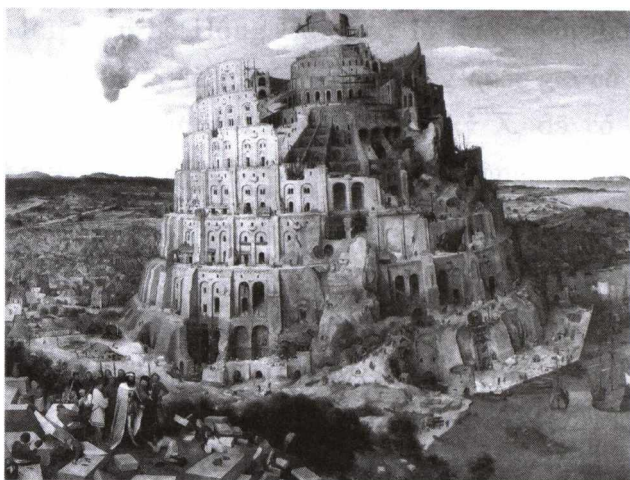
đảo Ả Rập ven bờ Hồng Hải, nay là nước cộng hòa Ả Rập I-ê-men. Đây là một trong những quốc gia cổ văn minh một thời hưng thịnh vào thế kỷ X, đã có ảnh hưởng tích cực trong Lịch sử Phương Đông cổ đại. Do nằm sát Hồng Hải, con đường thông thương quan trọng lúc bấy giờ nên quốc gia cổ Sê-ba có quan hệ mật thiết với I-xra-en, Ai Cập, Ê-ti-ô-pi-a, Xu-đăng, thương nghiệp một thời rất phát triển. Quốc gia cổ Sê-ba sản xuất hương liệu, đá quý và vàng bạc, khiến trong trao đổi hàng hóa nó ở địa vị rất ưu việt và có lợi. Nghe nói thương nhân Sê-ba lúc đó đã biết lợi dụng sự thuận lợi của gió mùa của Hồng Hải để vượt biển đi xa. Họ lợi dụng hướng gió biển từ tháng 2 đến tháng 8 hằng năm thổi về Ấn Độ Dương để mở rộng việc vận chuyển và buôn bán với vùng này. Đến tháng 8 khi gió chuyển hướng, họ lại ngược Hồng Hải đến buôn bán với I-xra-en và Ai Cập. Bí mật của gió mùa rất lâu không được tiết lộ, mãi đến thế kỷ I mới được người Hy Lạp phát hiện. Việc buôn bán trên đường bộ của Sê-ba cũng rất phát triển, các đội lạc đà hoạt động rất tấp nập ở bán đảo Ả Rập và vùng Tây Á.

Việc khai quật những di tích cổ của Sê-ba đã lộ ra những sắc màu kỳ lạ của một quốc gia cổ văn minh. Nhưng nền văn hóa Sê-ba biến mất vẫn mãi mãi là điều bí ẩn.

BÍ MẬT CỦA THÁP THÔNG THIÊN

CHÔ-LÔ-RA Ở NGOẠI Ô THÀNH PHỐ MÊ-HI-CÔ LÀ
MỘT THỊ TRẤN NHỎ VẮNG LẶNG, NHÂN KHẨU
CHỈ CÓ 1100 NGƯỜI, NHƯNG Ở TRUNG TÂM LẠI CÓ
MỘT QUẢNG TRƯỜNG RỘNG. THEO QUẢNG
TRƯỜNG ĐI VỀ PHÍA ĐÔNG QUA MỘT ĐƯỜNG
PHỐ HẸP, VƯỢT MỘT ĐƯỜNG SẮT, SẼ ĐẾN DƯỚI
BÓNG NÚI NHÂN TẠO MÀ NGƯỜI IN-ĐI-AN GỌI
LÀ “TƠ-RA-SÊ-VA-TAI-BÔ-TƠN”.

Kiến trúc khổng lồ này được coi là một công trình
to lớn nhất trên thế giới. Một thời nó là thánh
điện, thờ thần Hòa bình Kê-cha-cơ-ton, nay bị Thiên
chúa giáo chiếm cứ và xây dựng một giáo đường lộng
lẫy trên đó. Nền của kiến trúc cổ này chiếm diện tích
181.000m², cao 64m trên quy mô vượt quá kim tự tháp
Ai Cập 3 lần. Dưới sự xâm thực theo năm tháng, mặc dù
hình dáng đã lu mờ, chung quanh mọc đầy cỏ dại nhưng
vẫn có thể nhìn rõ nó là một bảo tháp kiểu Ba-bi-lon cổ
hùng vĩ trang nghiêm, có 4 “bậc thang” thẳng đứng ngay



ngắn, thẳng tới trời xanh. Dưới chân bảo tháp, mỗi bên dài tới nửa cây số. Tuy bị giày xéo tàn phá nhưng kiến trúc cổ này vẫn giữ nguyên dáng vẻ tôn nghiêm đẹp đẽ như xưa. Đó chính là Tháp thông thiên của Mê-hi-cô.

Cổ tích bị bụi phủ kín nhưng sẽ không lặng im mãi mãi, khi những “kẻ chinh phục” Tây Ban Nha càn quét Mê-hi-cô “nó quét một nền văn hóa như người qua đường tiện tay ngắt một bông hoa hương dương”, ngôi bảo tháp này đã tận mắt nhìn thấy nhân dân Mê-hi-cô phải chịu những vết thương và nỗi nhục. Thành Giô-lu-ra lúc ấy là một thánh địa tôn giáo lớn có 10 vạn người. Để xóa bỏ triệt để truyền thống cổ xưa và phương thức sinh hoạt của Mê-hi-cô, những kẻ chinh phục đã tàn phá thánh điện Goa-cha-cơ-ton. Chúng đã đập phá phần trên của tháp và xây dựng giáo đường.

Sau khi thực hiện những hành động hủy diệt, có một số người Tây Ban Nha đã bắt đầu hiểu ra rằng: có một nền văn minh vĩ đại đích thực, đã từng tồn tại ở Mê-hi-cô trước người A-dơ-tếch. Kể cũng lạ, người tỉnh ra trước nhất lại chính là Đi-a-cơ Đi-nan-đa, kẻ đã đốt sách hăng hái nhất. Hiển nhiên, sau khi biểu diễn cuộc đốt sách công khai ở thành Man-ni, tâm linh ông ta đã trải qua một cuộc “đại ngộ triệt để”. Những năm cuối đời, ông ta đau đớn hạ quyết tâm, ra sức thu thập thần thoại và lịch sử truyền miệng ở bán đảo Giơ-ga-đơn, để cứu vãn nền văn hóa và trí tuệ cổ xưa mà ông ta đã từng không tiếc sức hủy hoại.

Một tu sĩ của hội tu Thánh phương tế, Đi-xa-ha, là một nhà chép sử, những tư liệu lịch sử và truyền thuyết ở Trung Mỹ mà ông ghi chép được đã giúp chúng ta rất nhiều. Được biết nhà ngôn ngữ học kiệt xuất này đã đi khắp nơi để gặp các cụ già người In-di-an, yêu cầu họ sử dụng văn tự tượng hình A-dơ-tếch ghi lại lịch sử, tôn giáo và truyền thuyết của dân tộc A-dơ-tếch mà họ còn nhớ được. Ông tập hợp tất cả tư liệu nhân chủng, thần thoại, xã hội và lịch sử của người Mê-hi-cô thành một bộ sách lớn 12 tập. Bộ sách ra đời đã bị nhà cầm quyền Tây Ban Nha cấm. May mắn có một phần bản chép còn lưu truyền lại, tuy không hoàn chỉnh.

Một vị giáo sĩ khác là Đi-du-ran, đã suốt đời không biết mệt mỏi ra sức thu thập thần thoại và truyền

thuyết, muôn cứu vãn nền văn hóa cổ và những tri thức đã bị mai một. Năm 1885, ông ta đến thăm thành Giô-lu-ra. Lúc này, xã hội Mê-hi-cô trải qua một sự biến đổi chưa từng có. Ở đây ông đã phỏng vấn một cụ già trên trăm tuổi, nghe ông kể những câu chuyện về bảo tháp lúc mới xây dựng như sau:

Lúc đầu, ánh sáng mặt trời vẫn chưa được tạo ra. Giô-lu-ra còn là nơi tối tăm mù mịt. Mặt đất bằng phẳng rộng rãi, không có núi đồi, toàn bộ bình nguyên bị nước vây quanh. Không có cây, cũng không có con người. Mặt trời và ánh sáng mọc lên từ phương đông, thế giới liền xuất hiện những người khổng lồ có hình dáng kỳ lạ, chiếm toàn bộ đất đai. Họ yêu mặt trời và ánh sáng tươi đẹp, nên đã quyết định xây dựng một ngôi tháp. Họ thu thập vật liệu xây dựng, sau đó họ tán được một chất kết dính rất mạnh là ni-ba và ly-din, và lập tức bắt tay vào xây dựng tháp... Ngôi tháp này có độ cao lớn nhất, đỉnh tháp chạm tới thiên đường. Chúa tể của thiên đường vô cùng tức giận liền bảo với dân chúng trên thượng giới rằng: "Các người không nhìn thấy, người phàm trên mặt đất, đã bị ánh sáng mặt trời và màu sắc đẹp làm mê muội, xây một ngôi tháp ngạo nghễ, đâm thẳng vào chỗ chúng ta hay sao? Chúng ta phải dạy cho họ một bài học, không để cho bọn phàm phu tục tử trà trộn vào thiên đường, sống cùng chúng ta". Thế là dân chúng trên thiên đường ào ào xuất kích, nhanh như chớp, họ

phá tan tháp, đuổi những người xây tháp chạy tán loạn khắp thế giới.

Truyền thuyết này ở Trung Mỹ có đến bảy tám phần giống với câu chuyện tháp Ba-ben kể trong “Kinh Thánh” của đạo Cơ Đốc, mà câu chuyện trong Kinh Thánh diễn biến từ truyền thuyết Mê-dô-pô-ta-mi-a cổ xưa hơn.

Quan hệ giữa truyền thuyết tháp cao ở Trung Mỹ và tháp Ba-ben ở vùng Trung Đông rất mật thiết. Rất dễ thấy điểm chung nhưng chúng ta cũng không thể coi thường sự khác biệt quan trọng giữa chúng. Tất nhiên, sở dĩ hai câu chuyện của hai nơi đông và tây có một số điểm chung, có lẽ là vào trước khi Cô-lông phát hiện ra châu Mỹ, hai nền văn hóa này đã có sự tiếp xúc nhưng không được lịch sử ghi chép. Có một lý thuyết cho rằng, ngược lại có thể đồng thời giải thích những điểm giống và khác giữa hai câu chuyện: Hai bản truyền thuyết tháp mỗi nơi phát triển riêng, hình thành nên dáng vẻ như ngày nay. Vậy rốt cuộc có khả năng ấy không?

Câu chuyện “Tháp Thông Thiên” trong “Kỷ Sáng thế của Kinh Thánh” kể như sau:

Ngày ấy, ngôn ngữ khẩu âm của người trong thiên hạ, đều như nhau. Khi họ di chuyển về phương đông, họ nhìn thấy một vùng đất bằng phẳng ở Ca-nan, nên ở lại đó. Họ bàn với nhau cùng đóng gạch, nung chín. Họ liền dùng gạch làm đá, rồi lấy sơn đá làm vữa. Họ nói: “Nào

chúng ta cùng xây một tòa thành và một ngôi tháp, đỉnh tháp thông lên trời, để lưu truyền danh tiếng của chúng ta, để tránh khỏi sự phân tán trên mặt đất”. Giê-hô-va giáng lâm, muốn xem thành và tháp mà người trần gian xây, Giê-hô-va nói: “Xem kìa, họ đã trở thành dân chúng giống nhau, có ngôn ngữ giống nhau, nay đã làm nên việc này, sau này những việc họ làm sẽ không có việc nào không thành công. Chúng ta hãy xuống đó, làm loạn tiếng nói của họ, làm cho ngôn ngữ của họ không ai hiểu ai”. Thế là Giê-hô-va làm cho họ phân tán khắp mặt đất, họ liền ngừng việc xây dựng. Do Giê-hô-va làm rối loạn ngôn ngữ nên dân chúng phân tán khắp nơi nên thành ấy được gọi là Ba-ben.

Đoạn văn này có một chi tiết khiến người ta thích thú nhất là: Người xây dựng tháp Ba-ben vốn bảo là họ xây dựng công trình kiến trúc vĩnh hằng này là để tên tuổi của họ mãi mãi tồn tại, cho dù nền văn minh và ngôn ngữ của họ bị lãng quên. Người xây dựng tháp cao Giê-hô-va phải chăng cũng có động cơ giống như vậy?

Theo suy đoán của các nhà khảo cổ học, ở Mê-hi-cô chỉ có vài kiến trúc ít ỏi có lịch sử trên 2000 năm. Giê-hô-va là một trong số đó. Không ai xác định được là nó được xây dựng từ bao giờ. Hiện tượng này thể hiện rõ khi tòa thành này bắt đầu tích cực mở rộng và phát triển vào 300 năm trước thì một số kiến trúc cổ đã tồn

tại từ mấy nghìn năm trước đó. Trên các di chỉ của chúng, nay đã mọc lên bảo tháp Goa-gia-cơ-tơn hùng vĩ.

Đi vào trong kim tự tháp Giê-hô-va cảm giác giống như chui vào một quả núi nhân tạo. Đường hầm có tổng độ dài là 9,6 cây số) không phải là cổ xưa - Từ năm 1931 đến năm 1966 do hết kinh phí nên phải dừng, mấy đội khảo cổ đã cố sức khai quật, nên đã để lại đường hầm này. Nhưng, không hiểu vì sao, những hành lang ngầm nhỏ hẹp ảm thấp lại nhiễm cái không khí cổ xưa của kiến trúc xung quanh, vừa ảm ướt vừa buốt lạnh, sự âm u làm người ta phải dựng tóc gáy.

Các nhà khảo cổ dựa vào di vật đào được đã đoán định, kim tự tháp này không phải là sản phẩm của một triều đại nào (điểm này khác kim tự tháp Ai Cập), mà trải qua một thời gian rất dài, ít nhất cũng ở trong khoảng 2000 năm, được hoàn thành từng bước. Nói cách khác, nó là công trình tập thể, gồm một số các dân tộc lần lượt xây dựng. Bắt đầu từ tiền sử, văn hóa này đã ảnh hưởng đến thành cổ đó.

Ngày nay phần đáy của kim tự tháp này, mỗi cạnh dài 457m, lớn gấp 2 lần kim tự tháp Ki-sa của Ai Cập, còn tổng thể tích cao tới con số đáng kinh ngạc: 3 triệu mét khối.

Đúng như một chuyên gia đã nói: “Đây là kiến trúc lớn nhất của loài người trên trái đất”.

BÍ MẬT VỀ KHO BÁU CỦA LOUIS XVI

DUỜNG NHƯ MỖI THẾ KỈ NGƯỜI PHÁP ĐỀU
CHỜN GIẤU MỘT KHO BÁU CHO LOÀI NGƯỜI,
CHÍNH VÌ THẾ MÀ CỨNG LƯU LẠI CHO LOÀI
NGƯỜI NHỮNG BÍ ẨN LỊCH SỬ. THẾ KỈ VII - VIII
CÓ BÍ ẨN VỀ KHO BÁU CỦA THÀNH SARLANDE,
THẾ KỈ XII - XIII CÓ BÍ ẨN VỀ KHO BÁU TRONG
NÚI KELBICAI, ĐẾN THẾ KỈ XVIII LẠI CÓ BÍ ẨN
VỀ KHO BÁU LOUIS XVI.

Năm 1774, Louis đăng quang ngôi vị quốc vương Pháp, chế độ phong kiến nước Pháp lúc này đã rơi vào tình trạng suy tàn. Giai cấp tư sản ngay khi mới hình thành đã bất mãn với sự trói buộc của giai cấp thống trị phong kiến, muốn thiết lập một quan hệ sản xuất mới, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Tình hình chính trị trong nước rối loạn, xã hội vô cùng bất ổn, nhưng Louis vẫn tiếp tục vơ vét của cải của nhân dân, sống một cuộc sống xa hoa. Điều đó đã gây căm phẫn cho giai cấp tư sản và đa số quần chúng nhân dân. Năm

1789, Louis mở một hội nghị đẳng cấp yêu cầu đẳng cấp thứ 3 - giai cấp tư sản và dân thường nộp cống nhiều hơn thuế hơn, điều đó đã làm bùng nổ cuộc cách mạng của giai cấp tư sản. Louis đã không thể ngăn cản được khí thế mạnh mẽ, ồ ạt của cách mạng. Cuộc tấn công vào ngục Bastille đã khẳng định thắng lợi rực rỡ của cuộc cách mạng tư sản. Ngày 14 tháng 7 (sau này đã được chọn làm ngày quốc khánh Pháp), Louis lúc đó bên ngoài thì tỏ ra chấp nhận thể chế chính trị mới nhưng thực ra là đang mưu đồ bóp chết cách mạng. Ngày 22 tháng 6 năm 1791, Louis định chạy đến nước Áo nhưng bị dân chúng bắt giải về Paris. Tháng 9 năm 1792, Louis chính thức bị phế truất. Tháng 1 năm 1793, đã bị xử tử tại quảng trường cách mạng Paris (nay là quảng trường Concorde). Kho báu của Louis là một trong những kho báu nổi tiếng nhất lịch sử nước Pháp... Nhiều cuộc tìm kiếm đã được tiến hành nhưng vẫn không có kết quả. Cho tới nay không ai có thể nói gì rõ hơn về nó. Riêng về địa điểm chôn giấu cũng có đến vài nơi người ta cho rằng kho báu được chôn ở Pháp, có ý kiến lại cho rằng kho báu được chôn ở Tây Ban Nha. Theo nhiều nguồn tin khác thì Louis XVI chôn giấu ngay trong cung điện Louvre một kho báu giá trị tới 2 tỷ trọng Pháp. Nhưng truyền thuyết được lưu truyền rộng rãi nhất vẫn là kho báu được Louis cất giấu trên một con tàu tên là Tainanlank, nặng 130 tấn, có 2 cánh buồm dài 26m. Con

tàu này bên ngoài chở đồ hải sản nhưng kỳ thực là chở vàng bạc châu báu, theo lệnh của Louis XVI đem ra ngoài lãnh thổ nhưng sau đó đã bị đắm tại hạ lưu sông Jielbus nước Pháp.

Được biết, số tài sản có trên tàu này bao gồm những đồ vật sau:

Tiền vàng: 250 vạn tiền cổ Pháp của quốc vương Louis. Một đôi vòng kim cương của vương hậu Maci trị giá là 150 vạn frăng. Những đồ đựng bằng vàng bạc trị giá 50 vạn đồng tiền vàng Pháp. Ngoài ra còn có tài sản của năm vị tu viện trưởng và một số nhà quý tộc lưu vong.

Sự tồn tại của kho báu này làm nhiều người nghi ngờ, nhưng rất nhiều người lại tin vào nó. Vì qua lời kể của một số người thân tín của Louis XVI và bằng những tài liệu lịch sử, một vài tu sĩ đã chứng minh kho báu này là có thật. Louis năm đó đã bí mật cất giấu kho báu và đem lên tàu để chuyển ra nước ngoài nhưng không thành. Từ năm 1830 đến 1850, người ta tranh nhau đi trực vớt con tàu đã bị chìm. Năm 1939, một vài người chuyên đi tìm kho báu nói rằng họ đã tìm thấy con tàu bị chìm Tainamank nhưng đã không chứng minh được nó có phải là con tàu được nói đến trong truyền thuyết hay không. Bởi vậy cho đến nay việc đi tìm kho báu của Louis XVI rõ ràng là một việc không dễ dàng chút nào.

NHỮNG BÍ MẬT VỀ VỤ MẮT CẮP VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG CỦA NƯỚC PHÁP

NĂM 1789, NƯỚC PHÁP ĐÃ XẢY RA CUỘC CÁCH
MẠNG TƯ SẢN LÀM RUNG CHUYỂN CHÂU ÂU VỚI
THẮNG LỢI THUỘC VỀ GIAI CẤP TƯ SẢN PHÁP.

NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 1791, LOUIS ĐÃ CÙNG
HOÀNG THẤT CHẠY TRỐN ĐẾN BIÊN GIỚI NƯỚC
ÁO, HAI NGÀY SAU BỊ DÂN CHÚNG BẮT ĐƯA VỀ
PARIS. TRIỀU ĐÌNH PHONG KIẾN PHÁP VÀ LỊCH SỬ
HƠN 1500 NĂM ĐÃ SỤP ĐỔ TỪ ĐÂY.

Vài ngày sau, một thành viên của Quốc hội Pháp đã đưa ra lời cảnh báo với công chúng rằng: Kẻ địch trong và ngoài nước đang mưu đồ cướp đi những chiếc vương miện kim cương. Những chiếc vương miện có gắn những hạt kim cương và châu báu đẹp nhất trên thế giới từ lâu đã là niềm tự hào của cả nước Pháp. Cứ vào lễ Phục sinh, dưới sự giám sát của cảnh sát, nhân dân Paris lại được tận mắt chiêm ngưỡng những báu vật đó, còn bình thường chúng được bảo vệ cẩn mật trong kho báu hoàng gia. Từ khi Louis lên cầm quyền, những châu

báu này được giao cho một người trung thành rất đáng tin cậy tên là Keleixi cất giữ.

Tháng 9 năm 1792, Louis mưu đồ bỏ trốn nhưng đã bị phế truất. Lúc đó, nước Pháp đang bị các thế lực thù địch bên ngoài đe dọa, có nguy cơ bị liên minh châu Âu xâm chiếm; trong nước thì phái Sanbo và phái Jielun đang tranh giành nhau kịch liệt hòng nắm quyền lực tối cao. Số dân thất nghiệp tràn lan, cuộc sống luôn bị đe dọa bởi khủng bố và lo sợ bị giết hại. Mặc dù ở vào thời điểm nguy cấp đó, nhưng nơi canh giữ báu vật vẫn được niêm phong và cất giữ cẩn mật. Ngày 17 tháng 9 nội vụ Lualan bỗng nhiên tuyên bố trước quốc dân nghị hội rằng “cửa của nơi cất giữ kho báu đã bị phá, toàn bộ số kim cương đã mất”. Được biết từ đêm ngày 1 đến đêm ngày 15 tháng 9 có đến 3 lần bọn cướp đã qua lại nơi cất giữ kho báu nhưng không ai để ý. Sáng ngày 15 ở “chợ trời” Paris có người “rao bán” những viên kim cương thượng hạng mới làm cho người ta chú ý đến. Tuy nhiên Cục trưởng Cục cảnh sát Paris chỉ đi xem qua tình hình chứ không tiến hành điều tra gì cả. Ngày 16, khi mà toán cướp định đến lần thứ tư thì bị quân tự vệ tóm gọn. Ngày 17, Lualan mới tuyên bố chính thức về vụ mất cắp. Mọi người khi biết tin về vụ trộm cắp này đều tỏ ra nghi ngờ, một loạt các nghi vấn xuất hiện như: Tại sao quốc hội lại đưa ra cảnh báo về sự mất cắp những

vật báu này? Tại sao Keleixi bỗng nhiên bị cách chức không rõ nguyên do? Tại sao lại không cho nhiều người trông giữ kho châu báu đó cẩn thận hơn? Tại sao Cục trưởng Cục Cảnh sát rất thờ ơ với vụ án này? Tại sao lại có thể xảy ra liên tiếp 4 vụ trộm cướp như thế? Ai là người đứng sau những việc làm này, nhằm mục đích gì. Sau khi sự việc xảy ra, các phái chỉ trích lẫn nhau mà không bên nào chịu nhận trách nhiệm.

Ngày 21 tháng 9 tòa án xử tử hình hai tên cướp đã bị bắt trước đó. Nhưng trên xe tù, hai tên tử tù trước khi chết đã khai với Viện trưởng Viện Tư pháp rằng có một bao kim cương ở trong nhà vệ sinh của nhà chúng, tổng giá trị đến một trăm vạn frăng. Không lâu sau, đội trưởng đội cảnh vệ nơi cất giữ châu báu đã nhận được một bức thư nặc danh, cho biết là ở trong cống gần đường Fofu có một đồng châu báu. Ông ta đã cho người đi lấy châu báu về, trắng trợn coi chúng là của mình. Sau đó, cảnh sát lại bắt được một tên cướp mới 17 tuổi. Nhưng điều bí hiểm là vào buổi sáng hôm sau khi tên cướp bị bắt, người cha của hắn đã bị hạ độc chết, còn hắn cũng bị ám sát trong tù. Một loạt những sự việc như vậy làm cho rất nhiều người càng thêm hoài nghi nhưng không thể giải thích nổi. Vụ án này đã trở thành một trong những kỳ án không có lời giải đáp của nước Pháp.

LĂNG MỘ ALEXANDRE THÂN BÍ

ALEXANDRE ĐẠI ĐẾ (NĂM 356-323 TR.CN) LÀ CON TRAI CỦA PHILIPPE II - QUỐC VƯƠNG MACÉDONIA CỔ ĐẠI. SAU KHI LÊN NGÔI VÀO NĂM 336 TR.CN, ÔNG MỞ CUỘC XÂM LƯỢC PHƯƠNG ĐÔNG, CHỈ TRONG HƠN MƯỜI NĂM CHINH ĐÔNG PHẠT TÂY ĐÃ XÂY DỰNG NÊN ĐẾ QUỐC MACÉDONIA RỘNG LỚN BẮT ĐẦU TỪ SÔNG ẮN, ĐẾN TẬN SÔNG NIL VÀ BÁN ĐẢO BAN CĂNG.

Alexandre là một anh hùng tên tuổi lừng lẫy, nhưng cũng là một nhân vật bí hiểm. Truyền thuyết về ông rất nhiều. Đáng tiếc là, một số ghi chép khi ông còn sống không còn giữ lại, còn những bản sao chép và sử sách nói về ông thì khác nhau rất nhiều, đầy mâu thuẫn và đầy màu sắc truyền kỳ. Ngày nay, sau khi ông đã chết 2300 năm, sự nghiệp của vị thống soái vĩ đại này vẫn được người đời quan tâm chú ý. Người ta mong tìm được lăng mộ của ông, để có được những chứng cứ Lịch sử có giá trị.

Một ngày vào năm 1964, báo chí thành Alexandre Ai Cập đã đưa một tin tức giật gân: “Đã tìm thấy mộ Alexandre quốc vương Macédonia! - Thành tựu to lớn của các nhà khảo cổ Ba Lan!”. Tin tức nhanh chóng lan đi khắp thế giới. “Thời báo New York” nước Mỹ gửi ngay một bức điện cho đoàn khảo cổ Ba Lan, mong được viết bài về phát hiện vĩ đại này. Phóng viên các nước cũng ồ ạt bay tới Ai Cập. Đồng thời, hàng loạt du khách cũng kéo tới, khiến cảnh sát Ai Cập luôn ở vào tình trạng giới nghiêm.

Đáng tiếc đây là tin tức giả. Phát hiện này không phải là lăng mộ Alexandre mà là di chỉ một rạp hát cổ thời La Mã. Vậy thì lăng mộ nhân vật lịch sử nổi tiếng này ở đâu? Ông đã chết như thế nào?

Nguyên nhân cái chết của Alexandre, từ xưa đến nay có hai truyền thuyết lý giải. Một là nói khi ông viễn chinh đến Ấn Độ, tới một nơi cách Babilon không xa đã gặp ngay một người tinh thông thiên văn và bói toán, khuyên ông không nên đi Babilon, bằng không thì lành ít dữ nhiều. Ông vẫn tiếp tục tiến quân, nhưng từ đó về sau ngày càng trở nên u uất.

Một lần, ông ngồi trên một chiếc tàu dạo chơi trên hồ. Bỗng trời nổi gió, thổi bay mũ ông đi và rơi xuống một bụi lau sậy, vào đúng mộ quốc vương Yasu cổ đại. Tất cả những người đi theo và cả bản thân Alexandre đều nhận thấy đây là điềm không lành.

Một tên lính được cử đi nhặt mũ, khi bơi trở về đã cả gan đội mũ vào đầu mình, lại khiến ông càng tăng thêm dự cảm không lành. Alexandre nổi giận, lập tức giết ngay tên lính ấy. Ít lâu sau, Alexandre ốm nặng, 13 ngày sau thì qua đời, hôm ấy vào một buổi tối tháng 6 năm 323 tr.CN), khi mới 33 tuổi.

Những câu chuyện này xem ra chẳng qua chỉ là sự trùng hợp mà thôi. Cái chết của Đại đế rất có thể là do gian nan trên đường hành quân, cộng thêm nhiều trận chiến đấu khiến thương tích đầy người, lại thêm bệnh sốt rét trên vùng đầm lầy gây ra.

Một truyền thuyết khác nói rằng, cái chết của Alexandre là vì trong bữa tiệc ông bị người ta bỏ thuốc độc vào ly rượu của mình. Nếu truyền thuyết này là đúng thì Alexandre không chết một cách tự nhiên, mà chết vì âm mưu của người khác.

Sau khi Alexandre chết, tướng Ptolémée bộ hạ của ông (sau trở thành vua Ai Cập) dùng linh xa đưa thi hài ông về Ai Cập, an táng trong thành Alexandre, và xây cho ông một lăng mộ rất lộng lẫy.

Những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử như Xêda Đại đế, hoàng đế Ôguytxtanh, Atanh, hoàng đế Caracarơ, đều đã đến triều bái lăng mộ này. Nhưng tới thế kỷ III, chuyện về lăng mộ này không hiểu vì sao lại “chìm dần vào yên lặng”. Năm 642, đại quân Ả Rập đánh chiếm

thành Alexandre. Tới năm 1798, quân đội Napoléon nước Pháp khi tiến vào thành Alexandre thì nơi đây đã trở nên tiêu điều, trong thành chỉ có 6000 cư dân, một học giả đi theo Napoléon còn nhìn thấy khá nhiều dấu tích đồ nát của kiến trúc cổ xưa.

Đầu thế kỷ XIX, nơi đây bắt đầu xây dựng hải cảng, di chỉ kiến trúc cổ đại trở thành bãi khai thác đá, rất nhiều di tích đã bị vùi sâu xuống đất. Thành Alexandre nhanh chóng trở thành trung tâm thương mại quan trọng ở Địa Trung Hải, dấu xưa lịch sử chẳng còn gì nữa.

Theo tập tục Hy Lạp cổ xưa, quốc vương xây dựng nên thành phố, sau khi chết thường được mai táng tại trung tâm thành phố. Do đó có nhà khảo cổ học cho rằng: Lăng mộ rất có thể ở vào khu hoàng cung phía đông thành phố. Cũng có người cho rằng: Lăng mộ phải ở nơi giao nhau của hai đường phố.

Những năm gần đây, nhà khảo cổ học Ba Lan, Maria Bécnađơ sau khi khai quật và nghiên cứu lăng cổ ở một địa phương đã phát hiện ra: Người cổ xưa khi chế tác đền bằng gốm, phía trên vẽ mô hình thành Alexandre cổ đại. Do đó bà đã có suy đoán lý thú về vị trí của lăng mộ. Bà cho rằng trong nhiều kiến trúc ở mô hình, có một kiến trúc hình chóp nón rất có thể là lăng mộ.

Học giả người Anh, Visơ đã từng nghiên cứu lăng mộ vương triều Ptolémée cho rằng, lăng mộ Alexandre

giống lăng mộ này. Ông đưa ra giả thuyết rằng quan tài Alexandre đặt trong một ngôi đền hùng vĩ, chung quanh là những cột tròn, trong mộ đứt khoát có nhiều vật quý hiếm, có thể còn bảo tồn được cả kinh sách từ các đền thờ Ai Cập đưa tới.

Những năm 70 của thế kỷ XX, một phát hiện lớn đã chứng thực được suy đoán này. Nhà khảo cổ học Andơlônikơsơ, chuyên nghiên cứu lịch sử Macédonia cổ đại đã tìm ra lăng mộ của Philippe II - cha của Alexandre; giữa đại diện đặt một quách đá hoa cao to, bên trên có khảm đá quý và vàng. Hai cột quốc vương ở trong đó, chung quanh là những đồ vàng bạc châu báu lấp lánh tỏa sáng. Trong lăng mộ có năm pho tượng bằng ngà voi, chế tác khá tinh xảo... Phát hiện này đã làm xôn xao giới khảo cổ, được coi là phát hiện vĩ đại nhất trong ngành khảo cổ thế kỷ này.

Vui mừng trước thành quả đạt được song chính điều này cũng đặt ra một câu hỏi lớn cho các nhà nghiên cứu: Lăng mộ quốc vương Philippe II còn tồn tại được, thì lẽ nào lăng mộ con trai ông không tìm thấy hay sao? Nhưng lăng mộ Alexandre thật sự thần bí đến nay vẫn chưa tìm được manh mối nào.

BÍ MẬT VỀ SỰ MẤT TÍCH CĂN PHÒNG HỒ PHÁCH

CĂN PHÒNG HỒ PHÁCH - MỘT KỲ QUAN QUÝ HIẾM

Căn phòng hồ phách ở Nga lúc đó được mệnh danh là “kỳ quan thứ tám trên thế giới”. Khi vương tử Ba Tư đi thăm Saint – Pétersbourg đã kinh ngạc trước vẻ đẹp của căn phòng, vội vàng cởi giày vì không nỡ làm bẩn mặt sàn. Một căn phòng hồ phách tráng lệ, đẹp nổi tiếng trong lịch sử thế giới như vậy đã mất tích sau lần cuối được nhìn thấy vào khoảng tháng 3 năm 1944. Nhưng vì sao nó biến mất? Nhiều năm nay người ta vẫn nghiên cứu và cố gắng tìm hiểu bí mật này.

Chiều ngày 13 tháng 5 năm 1997, cảnh sát Đức đột nhiên bao vây biệt thự của ông Haman Riaxiô ở ngoại ô Buleunem. Dưới sự hỗ trợ của chó nghiệp vụ, cảnh sát đã rất nhanh chóng tìm thấy ở trong biệt thự một mảnh tường thuộc căn phòng hồ phách đã bị mất hơn 50 năm trước. Cảnh sát lập tức dùng xe đưa bảo vật quý hiếm này về miền Đông Baeidan và mời các chuyên gia tới giám định. Sau khi các chuyên gia của Đức, Nga tiến

hành giám định bước đầu đều cho rằng, mảnh tường được tìm thấy chính là nguyên vật của căn phòng hồ phách lừng danh năm xưa.

Hồ phách được hình thành từ nhựa thông hóa thạch, màu vàng nâu, trong suốt, thường được dùng làm đồ trang sức. Lớp hồ phách lớn nhất trên thế giới nằm trong tầng than hình thành cách đây 40 - 60 triệu năm ở bờ biển Bolue.

Trước Công nguyên, thế giới đã từng có một “con đường hồ phách” đưa tới các nước dọc bờ biển, vì vậy hồ phách còn được gọi là “vàng” của vùng ven biển Bolue. Từ thế kỷ XVII, con người đã biết lấy hồ phách để gia công làm thành một số đồ trang sức và đồ mai táng.

Đầu thế kỷ XVIII, quốc vương nước Puluts đã rất thích thú và muốn xây dựng một kỳ quan quý báu đẹp nhất trên thế giới - căn phòng hồ phách.

Ông muốn xây dựng căn phòng hồ phách này với hai mục đích: Một là để thể hiện sức mạnh của Puluts, hai là muốn cả thế giới thấy rằng ông rất yêu nghệ thuật. Thế nhưng trên thực tế, xây dựng căn phòng hồ phách chỉ đơn thuần là để thỏa mãn mong muốn hưởng thụ cá nhân của quốc vương Puluts.

Để xây dựng căn phòng hồ phách này, ông ta đã ra lệnh tập trung tất cả thợ lành nghề, huy động tiền của cống nạp từ khắp nơi tới thủ phủ của Puluts và đích thân đi kiểm tra chất lượng của hồ phách. Hồ phách được mang

về kinh đô là loại thượng hạng, hầu như không chút tì vết. Căn phòng hổ phách được xây dựng bởi bàn tay của kiến trúc Anxia, Luella và Fadaen dưới sự giám sát của đích thân quốc vương Paitelie đệ nhất. Căn phòng này phải mất gần 6 năm xây dựng, vào năm 1709 mới hoàn tất. Căn phòng hổ phách rộng $55m^2$ (chiều dài 11m, và chiều rộng 5m), toàn bộ đều tạo bởi các tấm hổ phách, ngoài ra có dát các mảnh bạc, có một số chỗ còn trang trí bằng vàng. Nhìn vào căn phòng ánh bạc, vàng chiếu sáng lấp lánh, hoa văn tuyệt đẹp (giống như muôn ngàn con bướm đang vỗ cánh đầy màu sắc). Khi căn phòng hổ phách hoàn thành được 1 năm, Pierre Đại đế nước Nga đã đánh bại vua Thụy Điển, tránh được mối đe dọa từ phương Bắc cho Puluts. Để có được sự che chở của nước Nga, quốc vương Paitelie đệ nhất đã chịu nhin nhục tặng căn phòng hổ phách hiếm có này cho Pierre Đại đế để tỏ ý muốn Puluts là đồng minh của Nga. Pierre Đại đế đã vui lòng tiếp nhận nó. Như vậy, năm 1717 căn phòng hổ phách được chuyển sang nước Nga.

Không lâu sau đó, Pierre Đại đế lâm bệnh qua đời, nữ hoàng Catherine I đã mất một tháng để cải tạo căn phòng hổ phách và đặt nó trong cung đình. Nhà thiết kế Zasitoli đã đặt thêm một số gương trong phòng. Gương được đặt trên giá gương màu trắng bạc và màu lam, được trang trí bởi các viên ngọc rất tinh xảo. Các bức vách hổ phách trong căn phòng càng lung linh hơn. Căn phòng hổ phách giống như một viên ngọc minh châu vô cùng lộng lẫy.

Thời gian trôi đi, căn phòng hổ phách lại thuộc về Sa hoàng nước Nga. Năm 1755 Sa hoàng chuyển căn phòng hổ phách tới cung điện Mùa Hạ, nhưng phải mất 8 năm mới hoàn thành công việc này. Căn phòng được tu sửa, có độ cao 10m, gấp 2 lần so với độ cao cũ là 5,3m. Ngoài gương kính ở 4 mặt, nó còn có các bức họa được khắc trên các viên đá màu theo phong cách Foluana. Buổi sáng khi ánh mặt trời chiếu qua cửa sổ vào trong phòng, bức tường hổ phách phát ra ánh sáng kỳ lạ với nhiều màu sắc, các tiên nữ, thiên sứ trong tranh như đang bay nhảy. Buổi tối, đèn trên tường làm cho căn phòng sáng rực lên, người bước vào phòng thực sự bị choáng ngợp.

Trị giá của căn phòng, lớn đến nỗi người ta khó ước lượng được. Trong quãng thời gian hơn 200 năm, nó được bảo vệ hết sức cẩn thận trong hoàng cung, không một chút xước xát, hư hỏng.

Sau Cách mạng tháng Mười, cung điện Mùa Hạ của nữ hoàng Catherine được sửa thành viện bảo tàng, căn phòng hổ phách vẫn được giữ gìn.

Trong thời gian Đại chiến thế giới thứ hai xảy ra, phát xít Đức đã thành lập một tổ chức chuyên đi cướp các đồ quý hiếm của nước ngoài đem về Đức.

Tháng 8 năm 1941, quân đội Đức bao vây Leningrad (Sait-Péttersbourg). Nhân viên viện bảo tàng vội vàng bỏ chạy, công việc duy nhất có thể làm lúc đó là dán các

tấm giấy cứng lên tường hồ phách, mà không kịp tách các tấm khảm ra.

Cuối năm 1941, quân Đức chiếm đóng hoàng cung, chúng lấy sạch các đồ vật quý hiếm trong cung, kể cả những bức danh họa trên tường. Sau khi chúng tìm thấy căn phòng hồ phách, lập tức gửi điện báo về Bộ chỉ huy Đức, và ngay lúc đó được lệnh phải lập tức mang những tấm hồ phách đó về nước. Chúng đã đóng gói và vận chuyển những bức hồ phách đã được tách rời cẩn thận về Hanis ở Đức bằng tàu hỏa. Như vậy, căn phòng hồ phách lại đến với nước Đức.

Tháng 3 năm 1944, căn phòng hồ phách và các báu vật khác của Liên Xô được trưng bày ở Hanis. Đây là lần cuối cùng mọi người được tận mắt nhìn thấy căn phòng tráng lệ này.

Tháng 8 năm 1944, không quân Anh tập kích, 40% số thành cổ bị san bằng. Mọi người đoán rằng, căn phòng hồ phách đã thành tro bụi.

CUỘC TÌM KIẾM CĂN PHÒNG HỒ PHÁCH

Sau khi chiến tranh kết thúc, chính phủ Liên Xô cũ đã thành lập một đoàn công tác đi tìm căn phòng hồ phách. Họ đã cùng với quân đồng minh tiến vào Đức. Nhưng trong chiến tranh, sự tìm kiếm hoàn toàn là vô ích.

Đến năm 1949, với sự điều tra tìm kiếm của nhiều lực lượng, cuối cùng cũng tìm thấy được tung tích của

căn phòng hổ phách qua một người Đức tên là Genuanes ở thành phố Aunake. Genuanes đã rất tự tin nói rằng: “Tôi biết căn phòng hổ phách này. Nó bị chôn vùi dưới đáy biển Bolue. Tháng 1 năm 1945, người Đức đã mang một số lượng lớn các đồ quý hiếm, trong đó có căn phòng hổ phách này ném xuống biển”. Theo chỉ dẫn của ông, đội tìm kiếm đã dùng 2 chiếc tàu ngầm vớt được 17 chiếc hòm gỗ, tuy nhiên khi mở ra thì lại không phải là hổ phách mà toàn là các trục xe, các linh kiện ô tô.

Đội tìm kiếm vẫn không nản chí, họ lại đi tìm manh mối khác. Sau khi nghiên cứu các tài liệu họ đã tìm đến tiến sĩ Luode. Luode là một nhà nghệ thuật nổi tiếng, trước chiến tranh ông đã viết luận văn, chuyên đề về hổ phách rất sâu sắc, ông được gọi là “chuyên gia hổ phách của Đức”. Năm 1939 ông được bổ nhiệm là Viện trưởng Viện Bảo tàng Hanis. Căn phòng hổ phách dỡ từ cung điện Mùa Hạ của nữ hoàng Catherine sau khi chuyển đến Hanis được giao cho tiến sĩ Luode chịu trách nhiệm nghiên cứu và bảo quản. Tiến sĩ Luode được quản lý một đồ vật quý hiếm như vậy, vui mừng khôn xiết, và cho rằng mình là người hạnh phúc nhất trên thế giới. Theo lời của những người đã làm việc cùng ông, ông chẳng tin ai cả, chỉ đặt nó trong phòng của mình, một mình chiêm ngưỡng công trình nghệ thuật này, thậm chí quên ăn quên ngủ vì nó. Sau trận tập kích của quân Anh năm 1947, chẳng ai còn biết được số phận của Luode cũng như căn phòng hổ phách nữa.

Đến nay, Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc hơn 50 năm. Thành phố Hanis vừa phải chịu những tàn phá ác liệt của chiến tranh, giờ đây đã phát triển với nhiều nhà cao tầng, xe cộ tấp nập ngày đêm. Căn phòng hổ phách từng được cất giữ tại đây hiện ở nơi nào trên trái đất, vẫn còn phải chờ đợi những phát hiện mới của con người.

BÍ MẬT CĂN ĐƯỢC VÉN LÊN

Thời kỳ sau thập niên 80 thế kỷ XX, việc tìm kiếm căn phòng hổ phách đã có nhiều tiến triển. Ngày 23 tháng 1 năm 1987, báo “Chân lý” đã đăng một bài của phóng viên thường trú tại Budapest cho biết, có người đã nhìn thấy đoàn xe chở quân Đức áp tải căn phòng hổ phách đến Tiệp Khắc ngày 1 tháng 5 năm 1945. Thực tế, đây là những điều mà một số tư liệu lịch sử đã từng ghi lại:

Các nước như Liên Xô, Anh, Đức đã đào ít nhất 28 địa đạo để tìm kiếm căn phòng này. Cuộc tìm kiếm kéo dài nửa thế kỷ mà vẫn không hề có tin tức gì. Nhưng sau bao lần thất vọng họ lại có thêm hy vọng mới.

Tháng 2 năm 1996, bức tranh sơn dầu “Cảng biển” trị giá 500 triệu mark trong cung Bocidayovo ở Đức bị đánh cắp. Trong quá trình điều tra phá án, cảnh sát Đức đã biết được manh mối vô cùng quan trọng về căn phòng hổ phách. Có người biết hai sinh viên 21 tuổi sống ở Béclin đã từng có một bức tường ở căn phòng hổ phách. Tháng 4 năm 1997, một tạp chí đưa tin một tấm

hồ phách với diện tích 50 x 70cm đã được bán trên chợ đen với giá 2,5 triệu mark.

Có chuyên gia cho rằng tấm hồ phách này là 1 trong 4 tấm lớn nhất của căn phòng hồ phách. Trong buổi công bố ngày 14 tháng 5, cảnh sát cho rằng sự phát hiện về tấm hồ phách đầu tiên đã đem lại cho chúng ta hy vọng mới trong việc tìm kiếm căn phòng hồ phách. Tháng 11 năm 1991, Linovov thăm Đức, trong bài phát biểu của mình có nói: “Mặc dù tôi không biết căn phòng hồ phách ở đâu, nhưng trong thời gian tới nhất định sẽ có một căn phòng hồ phách mới”.

Thì ra từ năm 1947, chính phủ Liên Xô cũ đã ra lệnh khôi phục sửa chữa những bảo vật quan trọng bị phá hoại trong chiến tranh, hầu hết các công trình được hoàn tất vào những năm 70. Năm 1982, Liên Xô cũ đã từ bỏ hy vọng tìm lại căn phòng hồ phách, thành lập một tổ chức do Linovov đứng đầu, dựa trên những bức ảnh về căn phòng hồ phách được chụp trước chiến tranh, bắt tay xây dựng căn phòng hồ phách mới. Việc đầu tiên họ phải làm là thu về 6 tấn nguyên liệu hồ phách có cùng kết cấu và màu sắc. Nhưng trên thị trường nguồn nguyên liệu này rất khan hiếm, hơn nữa chất lượng lại rất thấp, đa số chỉ thích hợp dùng trong công nghiệp. Vì vậy chính phủ Liên Xô đã phải hao phí số lượng lớn tiền của và sức lực. Lúc đầu công việc cũng suôn sẻ nhưng không ngờ cuối năm 1984 nguồn hàng bị gián đoạn, trên thị trường quốc tế

lượng hổ phách đều cạn. Qua điều tra cho thấy một hãng đá quý quốc tế đã thu mua tích trữ với số lượng lớn hổ phách, chủ yếu để buôn lậu tới Đan Mạch. Tháng 11 năm 1984 đến tháng 11 năm 1985 cục hải quan Copenhagen đã phá hai vụ buôn lậu ở cảng, thu về 169kg hổ phách.

Sau khi bọn buôn lậu bị bắt, Liên Xô cũ thu mua nguyên liệu và tiếp tục xây dựng công trình. Các chuyên gia Nga đã sử dụng các thiết bị khoa học kỹ thuật, tiêu hao hàng nghìn tấm hổ phách, cuối cùng đến tháng 8 năm 1988 mới tạo ra được một số tấm khảm hổ phách lớn. Trước khi Liên Xô sụp đổ, có thể coi công việc đã tiến triển được một nửa, tuy nhiên nghệ thuật của nó liệu đã đạt đến trình độ trước kia chưa, điều này vẫn còn để lại một dấu chấm hỏi.

Trong quá trình thay đổi thể chế, tài chính quốc gia cạn kiệt, các nhà lãnh đạo của Nga không có thời gian để quan tâm đến công trình hổ phách, cũng không có tiền để thu mua nguyên liệu. Hơn nữa giá hổ phách ngày càng cao, công việc lại bị gián đoạn. Nhà xưởng phải đóng cửa.

Cuối cùng công trình hổ phách mới đã được khánh thành vào năm 2003, nhưng nguyên bản của nó đang ở đâu thì ngay đến cả tổng thống Nga cũng không thể trả lời được. Chúng ta chỉ hy vọng một ngày nào đó một kỳ tích sẽ xuất hiện, căn phòng hổ phách năm xưa sẽ được tìm ra. Lúc đó trên thế giới có thể sẽ có hai căn phòng hổ phách giống nhau.

BÍ ẨN VỀ VƯƠNG QUỐC ỐC ĐẢO XANH QUY TƯ

PHÍA NAM NÚI THIÊN SƠN, TRUNG QUỐC,
TRÊN ĐƯỜNG TỪ BẮC HÁN SANG TÂY VỰC
CÓ MỘT QUỐC GIA CỔ ĐẠI HÙNG MẠNH, ĐÓ
LÀ QUY TƯ. HUYỆN KHỐ XA NGÀY NAY
CHÍNH LÀ VƯƠNG QUỐC QUY TƯ NGÀY XƯA.
THỜI TÂY HÁN ĐÂY LÀ VƯƠNG QUỐC ỐC
ĐẢO XANH LỚN NHẤT TRONG 36 NƯỚC, Ở NƠI
XUNG YẾU CỦA CON ĐƯỜNG TƠ LỤA.

Vị trí địa lý nước Quy Tư nằm trong khu vực trọng yếu. Phía tây qua Ca Thập có thể thông tới vùng Hòa Điền trên đường phía nam Tây Vực. Vì vậy, sau khi Phật giáo truyền vào Tây Vực, nhanh chóng truyền bá rộng ra ốc đảo xanh Quy Tư. Thế kỷ I, Quy Tư đã có Phật giáo.

Nhiều động đá Phật giáo được khai quật vào thế kỷ III tới thế kỷ X là những di sản văn hóa rất có giá trị. Chúng phân bố trong các khe núi Khố Xa, Bái Thành. Đây là những động đá có thời gian khai tạc

sớm nhất, có màu sắc văn hóa ngoại lai phong phú nhất, như động đá Cofuro Bái Thành nổi tiếng, động đá Khumutula Khố Xa (động thiên Phật), động đá Cofunaha, động đá Sânmusam. Những chùa đền xây dựng trên vách núi này tạo nên diện mạo chỉ có ở kiến trúc động đá vùng Quy Tư cổ đại.

Văn hóa Quy Tư là sản phẩm của giao lưu văn hóa Trung Nguyên, Hy Lạp, Ấn Độ, Ả Rập qua con đường tơ lụa tụ tập tại đây, từ đó hình thành nghệ thuật văn hóa đầy tính sáng tạo của Quy Tư cổ đại.

BÍ MẬT HỘP XÁ LÝ BỊ MẤT

Quy Tư là trung tâm Phật giáo Tây Vực, chùa Chiêu Hồ Lý là chùa lớn nhất Quy Tư.

Ra khỏi Khố Xa đi lên phía bắc 20km, di chỉ chùa Chiêu Hồ Lý xuất hiện trên sa mạc Gôbi rộng lớn dưới chân núi Xuêgotarơ. Sông Đồng Quảng chảy qua Gôbi, chia chùa thành hai khu đông và tây, di chỉ đông tây nằm đối diện trên gò đất cao hai bờ. Nhiều năm nay, người ta gọi nơi này là thành cổ Subash. Subash trong tiếng Duy Ngô Nhĩ, có nghĩa là “miệng rồng”, nó là một ngôi chùa Phật giáo điển hình.

Sự phá hoại của chiến tranh trong lịch sử, sự tàn phá của gió cát thiên nhiên sớm đã làm cho chùa Chiêu Hồ Lý huy hoàng một thời thành tàn tạ rêu nát, diện

mạo khác xưa, lại thêm sự chà đạp liên tục của các đoàn thám hiểm nước ngoài đầu thế kỷ XX, đem đến biết bao khổ nạn. Lần lượt là đội thám hiểm của các nước Nga, Pháp, Nhật, Anh, Đức ra sức đào bới. Họ lấy đi rất nhiều bảo vật quý báu như tượng Phật, bích họa, tiền cổ và giấy tờ. Nhất là, đội thám hiểm Ôkurany Nhật bản và Bosihơ Pháp, họ tìm được khá nhiều hộp xá lý tại đây đã đem hết về Nhật Bản và Pháp.

Có một hộp xá lý bị đội thám hiểm Ôkurany đem về Nhật Bản năm 1903, hiện vẫn còn ở Tokyo, do tư nhân cất giữ. Hộp xá lý này làm bằng gỗ, thân hộp phủ ba màu hồng, trắng xám, xanh sẫm, trong hộp hiện còn tro xương. Tới những năm 50 thế kỷ XX, có người chợt phát hiện trong tầng màu hộp xá lý này có dấu tích tranh vẽ, bóc lớp màu bên ngoài, một bức tranh vui múa hiện ra với vẻ đẹp khác thường.

Thân hộp xá lý là hình trụ, nắp hình tháp nhòà, cao 31cm, đường kính khoảng 38cm, bên ngoài dán một lớp vải gai thô, rồi tô nền màu trắng, sau đó quét màu, mặt ngoài bức tranh còn phủ một lớp vật liệu trong suốt, chế tác rất công phu. Trên nắp hộp ve bốn đồng tử khỏa thân đang tấu nhạc. Điều khiến người ta ngạc nhiên là chung quanh thân hộp có cảnh ca múa hình ảnh vô cùng sinh động. Đây là một tư liệu hình ảnh quý báu phản ánh hoạt động nghệ thuật âm nhạc vũ đạo Quy Tư cực kỳ hiếm,

cũng phản ánh chân thực cảnh sinh hoạt thời đó của Quy Tư.

Theo sự nghiên cứu của học giả Nhật Bản - Makyoka - hộp xá lý này chế tác vào thế kỷ VII. Thời kỳ này là cuối đời Tùy đầu đời Thịnh Đường Trung Quốc. Do chính quyền trung ương lần lượt đặt ra đô hộ phủ ở Quy Tư, khiến cho xã hội Quy Tư phát triển nhanh chóng về mọi phương diện, trở thành trung tâm chính trị văn hóa của vùng Tây Vực rộng lớn. Trong tình hình đó, nghệ thuật âm nhạc vũ đạo cũng xuất hiện và phát triển chưa từng có. Có thể nói, bức tranh vui múa này là hình ảnh thu nhỏ lịch sử phồn vinh của xã hội Quy Tư. Hộp xá lý này đào được ở chùa Chiêu Hồ Lý đã phản ánh được văn hóa Phật giáo và sự phồn thịnh về ca múa của xã hội Quy Tư. Đồng thời nó lại nằm trong dòng đồ nét của điện thờ trung tâm chùa Phật Chiêu Hồ Lý, rõ ràng là dùng cho một danh tăng sau khi chết. Từ đó cũng chứng minh nghệ thuật Quy Tư chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ văn hóa Phật giáo. Nghệ thuật ca múa thế tục đã rất dạt dào hoành đi qua ngưỡng cửa văn hóa Phật giáo, đồng thời được tăng ni đạo Phật tiếp nhận và yêu thích, phản ánh sức hấp dẫn to lớn của nghệ thuật ca múa.

Vào năm 1907, đội thám hiểm Bosihơ người Pháp cũng đào được hộp xá lý ở chùa tây Chiêu Hồ Lý. Các

nhà nghiên cứu cho biết những hộp xá lý này rất giống với hộp xá lý Ôkurany đã lấy đi nhưng không đẹp bằng.

“NGỌC THẠCH PHẬT TÍCH” ĐƯỢC TÌM THẤY

Theo “Đại Đường Tây Vực ký”: “Trong điện.. thờ Phật đông Chiêu Hồ Lý có ngọc thạch, mặt rộng khoảng hơn 2 thước, màu trắng vàng, hình giống sò biển, trên có dấu chân Phật, lòng bàn chân 8 tác, rộng khoảng trên 6 tác. Vào ngày chay; ánh nến rơi vào sáng trưng”. Năm 1898, Coduloop người Nga đến chùa Chiêu Hồ Lý muốn chuyển “Ngọc thạch Phật tích” này đi, nhưng khối lượng của ngọc nặng tới 2 tấn, liền tìm người đập ngọc ra thành hai khối, sau đó chuyển đến Tân Cương, chờ dịp chuyển ra nước ngoài. Tới năm 1964, viện bảo tàng thiên nhiên Bắc Kinh cử người đến Tân Cương trưng thu ngọc thạch. Được sự đồng ý của các phía hữu quan, “Ngọc thạch Phật tích” được đưa về Bắc Kinh.

Có thể nói, cho đến nay mặc dù rất nhiều động đá thuộc vương quốc Quy Tư xưa đã và đang tiếp tục được tìm kiếm và khai quật, song sự phồn thịnh cùng bao bí ẩn về ốc đảo xanh này vẫn còn là một thách thức lớn với chúng ta.

BÍ MẬT THÀNH ĐÁ ZIMBABWE

NÓI TỚI CHÂU PHI, NGƯỜI TA CÓ THỂ NGHĨ
NGAY TỚI KIM TỰ THÁP VÀ TƯỢNG MẶT NGƯỜI
MÌNH SƯ TỬ Ở AI CẬP. NẾU BẠN QUAN TÂM TỚI
NỀN VĂN MINH CỔ ĐẠI CỦA LOÀI NGƯỜI THÌ
XIN BẠN ĐỪNG QUÊN ZIMBABWE Ở MIỀN NAM
CHÂU PHI, DI CHỈ Ở ĐÂY CŨNG LẤP LÁNH ÁNH
SÁNG CỦA NỀN VĂN MINH CỔ ĐẠI

Phần lớn cư dân ở đây là người Masaona và người Malabêlay của ngữ hệ Pandu. Từ Zimbabwe khiến người ta suy tưởng bởi ý nghĩa của nó trong tiếng Pandu là “ngôi nhà đá đáng kính”. Cũng có người cho rằng nó là biến âm của “Zimbiuanniê” tiếng Encôni, do đó ý nghĩa của nó là “núi quặng giàu có”. Điều này đã phủ lên nhiều màu sắc bí ẩn cho Zimbabwe.

Năm 1868, một nhà thám hiểm châu Âu đang dạo chơi trên đại lục cổ thần kỳ này của châu Phi, khi ông truy đuổi một con dã thú trong rừng rậm khoảng 30km phía đông nam lô cốt Victoria của Zimbabwe, thì bất ngờ phát hiện ra một tòa thành đồ sộ bằng đá, đó chính là “Đại Zimbabwe”

nổi tiếng thế giới sau này. Cho dù đó chỉ là đồng đồ nát của tòa thành bằng đá nhưng vẫn toát lên vẻ thần bí và tôn quý. Sau đó, vào năm 1871, nhà địa lý học nước Đức, Kéc Môkhơ đã nói: “Đây là một kiến trúc bằng đá tụ lại một chỗ, không có nóc nhà, xây lên với kỹ thuật tinh xảo bằng khối đá hoa cương màu xám, lại còn có những tác phẩm điêu khắc nữa. Những tường đá cao to này trên núi, rõ ràng là kiến trúc của người châu Âu”. Vị học giả này sở dĩ nói “Kiến trúc của người châu Âu” là vì ông không tin vùng đất châu Phi bị người da trắng khinh miệt gọi là “Đại lục tối tăm” mà lại có nền văn minh cổ đại rất phát triển.

“Đại Zimbabwe” dù đã trải qua rất nhiều biến đổi, phần lớn đã đổ nát, nhưng vẫn thể hiện thế hùng vĩ và còn tồn tại tới tận bây giờ.

Là kiến trúc chủ thể, phần đẹp nhất của “Đại Zimbabwe” ở trên đất bằng dưới núi. Tường thành bên ngoài của nó là hình ô van, chu vi 256m, đường kính khoảng 89m, rộng 67m, được gọi là tường bao lớn. Tường bao chỗ này cao gần 10m, dày khoảng 5m, tổng diện tích bao quanh khoảng 4600m², trên tường thành ba mặt đông, tây, bắc, mở ra ba cửa hình vòng tròn xây bằng đá hoa cương khối lớn. Trên tường bao được khắc hoa văn, hình vẽ, chất liệu cứng chắc nhỏ dài, có chỗ còn khắc một con chim đá hình dáng kỳ dị. Phía đông nam của tường bao còn có một bức tường đá song song với tường bao, cách nhau khoảng 1m, tạo nên một đường hẹp dài



tới 100m, thông ra một khu vực khép kín như một cái sân. Trong tường bao có xây tháp cao bằng đá hình chóp nón, bia đá, hầm lò, giếng nước và một số mộ bằng đá như là di tích cung đình cổ đại. Gần tường bao còn có nhiều căn nhà nhỏ, những tường đổ nát thấp hơn này có thể là khu nhà ở của quan chức nhỏ và quân hầu.

Phía ngoài tường bao lớn hình ô van có một chuỗi tường thành tạo nên dinh lũy. Trong tường bao có đường thông, bậc đá và hành lang đan xen vào nhau. Men theo từng bậc đá khe núi là đến được kiến trúc chủ thể khác: Thành bảo vệ. Thành bảo vệ xây dựng trên vách đá cheo leo cao khoảng 90m bên cạnh tường bao lớn hình ô van,

từ trên cao nhìn xuống thấy rõ toàn bộ khe núi: Tường thành bảo vệ nhấp nhô lên xuống theo núi đá, tạo thành một quần thể rất tự nhiên. Toàn bộ tường bao xây bằng đá hoa cương, cấu trúc vững chắc, khí thế hùng vĩ là một ải quan trọng dùng để phòng ngự bên trong thành bảo vệ có nhiều nhà đã đổ nát và đường đan xen nhau phức tạp. Trên di chỉ ở đây có dấu tích của hoạt động luyện vàng. Có một nơi kiến trúc nữa giống như đàn tế, có lẽ là nơi tổ chức nghi lễ tôn giáo của người cổ xưa.

Trong toàn bộ kiến trúc “Đại Zimbabwe” thì thần bí và khó hiểu nhất là tháp hình chóp nón bên trong tường bao hình ô van. Đây là một kiến trúc dưới lớn trên nhỏ, cao hơn 20m không ghi văn tự nào. Nó chủ yếu được xây bằng đá hoa cương đã đẽo gọt thành hình gạch bằng phẳng, xây nên theo quy tắc đường nét hình vẽ nhất định. Giữa các khối đá không hề có dấu vết sử dụng vôi vữa hoặc chất kết dính nào khác. Tuy vậy các tảng đá gắn kết với nhau rất chặt chẽ. Về ngoài của tháp chóp nón bí ẩn kỳ lạ, đẹp đẽ khác thường mà lại vững chắc vô cùng.

Từ năm 1868 tới nay, biết bao nhiêu đoàn nghiên cứu và các nhà khoa học hăng hái đến miền nam châu Phi, tiến hành tìm kiếm khảo sát, mục đích là làm rõ bí ẩn của “Đại Zimbabwe”. Tháp chóp nón bí ẩn được họ chọn để khảo sát trước hết. Một nhà khảo cổ học người Anh bỏ ra rất nhiều tiền của và nhân lực, đào một đường hầm quy mô lớn chung quanh tháp chóp nón

xuyên qua tháp, mong tìm một cửa vào. Ông đã chuyển đi nhiều khối đá nhưng phát hiện ra tháp đặc, cửa vào này tới nay vẫn chưa tìm thấy, cũng có thể nó không có cửa vào. Các nhà khảo cổ học vô cùng khó hiểu: ngọn tháp lớn chọc trời này thực chất dùng để làm gì?

Ý kiến về chuyện này rất khác nhau: Có người cho rằng hình dáng bên ngoài của ngọn tháp rất giống kho lương thực bản xứ, có lẽ là kho lương thực khổng lồ. Nhưng thực tế ngọn tháp là một chỉnh thể đặc nên không có không gian để chứa lương thực. Cũng có người cho rằng, nó là tượng trưng cho sinh thực khí của nam giới, dùng cho nghi thức một tôn giáo nào đó thời cổ đại. Nó tiêu biểu cho tinh thần bộ lạc hoặc quyền lực tối cao của tù trưởng bộ lạc. Nhưng những ý kiến này cuối cùng do thiếu chứng cứ, lại thêm không có ghi chép sử liệu nên đều thiếu sức thuyết phục. Tháp chóp nón vẫn vững vàng đứng đó, giữ nguyên bí ẩn của mình.

Cuối thế kỷ XIX, người châu Âu ồ ạt vượt biển tới đây, đua nhau nhìn ngắm “Zimbabwe”. Do không có khảo chứng họ đành dựa vào sự phỏng đoán chủ quan của mình để giải thích bí ẩn “Zimbabwe”. Nhưng họ vẫn dùng quan điểm có sẵn để giải thích vấn đề, ra sức phủ nhận nguồn gốc châu Phi của di chỉ văn minh cổ đại này, cố gắng níu kéo nền văn minh này vào với nền văn minh của mình.

Đối với người châu Âu thì “Đại Zimbabwe” phải tồn tại trong đất nước hoàng kim thần thoại. Họ cho rằng tòa

thành đá này rất giống thánh điện nào đó của Sôlômôn - quốc vương Israen cổ đại ghi trong sử sách châu Âu. Rất có thể là nơi có mỏ vàng của quốc vương Sôlômôn đã ghi trong “Thánh kinh Cựu Ước”. Còn thành bảo vệ là xây dựng mô phỏng theo điện Giêhôva trên núi Môriah của quốc vương Sôlômôn. Tường tròn lớn hình ô van thì xây dựng mô phỏng theo hành cung nữ hoàng Êtiôpia...

Phỏng đoán chủ quan này trong một thời gian đã gây ra một làn sóng người châu Âu tới thành đá tìm vàng. Khá nhiều người châu Âu sau khi đến thành đá đã thuê người Masaona bản xứ, phối hợp với máy móc tiên tiến, đào bới lung tung trên di chỉ quý báu, cướp hết những bảo vật quý giá. Ngoài những tảng đá hoa cương rắn chắc, mọi thứ có thể lấy được đều lấy sạch. Tất cả những tư liệu bảo vật nói lên được sự thực lịch sử, trước khi kịp triển khai nghiên cứu thì thành đá đã bị phá hoại mang tính hủy diệt rồi.

Trong những năm tháng sau này, người ta đã đào lên được rất nhiều bảo vật chung quanh “Zimbabwe”. Trong đó có công cụ sản xuất kỳ lạ, vũ khí tác chiến sắc bén và đồ trang sức tình xảo. Ngoài ra còn có cả một số mảnh vỡ gốm sứ đến từ Trung Quốc xa xôi, ngọc pha lê vùng Ả Rập, đồ sứ màu Ba Tư, và tràng hạt đạo Phật Ấn Độ. Từ những bảo vật đào được này có thể thấy thành đá đó từng có giao lưu văn hóa và buôn bán lâu đời với Trung Quốc cổ đại, Ả Rập, Ba Tư và Ấn Độ. Và ai cũng biết, trong các sách sử Trung Quốc, Ả Rập, Ba Tư thì ghi chép

về Zimbabwel lại cực kỳ hiếm thấy. Có lẽ, những đồ nhập khẩu này có được trong buôn bán chuyển khẩu từ tay “người thứ ba”, vậy những người thứ ba này là ai? Chúng ta không thể nào biết được. Từ tháp chóp nón trắng lè có thể thấy, kỹ thuật chồng xây kiến tạo đã đạt tới trình độ khá cao, nghĩa là kỹ thuật kiến trúc của tháp chóp nón có thể hình dung bằng từ ngữ văn minh. Người xây dựng tháp chóp nón từ xa xưa đã nắm được tri thức cao sâu về các mặt kiến trúc học, hình học, lực học rồi.

Từng tòa kiến trúc đá lớn nhỏ này thực chất là dùng để làm gì? Tới bây giờ người ta vẫn chưa hiểu được, tất cả đều chỉ là dự đoán. Có người cho rằng nơi đây có thể là hoàng thành của một vương quốc cổ xưa đã suy vong, cũng có người cho rằng nó chỉ là một địa điểm tôn giáo khổng lồ. Điều khác với những di chỉ văn minh khác là, trên tất cả những kiến trúc đá ấy đều không có một văn tự nào, cũng không có điêu khắc hình vẽ hoặc bích họa gì. Về mặt này, thành đá Zimbabwe khác hẳn với thành Maya châu Mỹ hoặc chùa Ăngco ở Đông Nam Á, hai nơi này có rất nhiều phù điêu. Trong các sách sử thế giới còn để lại cũng không có bất cứ ghi chép nào. Nhiều câu hỏi được đặt ra như tộc người nào, sử dụng phương tiện và phương pháp gì để xây dựng nên tòa thành đá hùng vĩ đẹp đẽ này? Những người xây nên thành đá có quan hệ nguồn gốc như thế nào với người Masaona và người Malabêlay sinh sống tại

Zimbabwe ngày nay? Nếu như người xây dựng nó từ nước ngoài tới thì sao họ đột nhiên từ bỏ nơi này?

Năm 1830, nơi này đã xảy ra chiến tranh Zulu nổi tiếng, người ta vì thế đoán rằng, dân cư cũ đã sinh sống tại Zimbabwe bị đuổi đi hết, vậy họ đã dời đến nơi nào? Điều khiến người ta không hiểu nổi là: Những người hiện đang sinh sống trên vùng đất này chỉ là một nhánh của dân tộc Masaona người Kalanga. Phần lớn họ vẫn ở trong kỹ thuật lạc hậu, đơn sơ, cuộc sống hàng ngày và nghi lễ tôn giáo của họ không có quan hệ gì với những khối đá chồng chất này.

Đầu thế kỷ XX, nhiều nhà khảo cổ học các nước Âu - Mỹ đã tranh luận rất sôi nổi. Nhà khảo cổ học nước Anh Maikifo cho rằng, phong cách kiến trúc “Đại Zimbabwe” không hề có dấu tích gì của châu Âu, châu Á hay châu Mỹ, vì thế nó chỉ có thể là của cư dân vốn sinh sống tại châu Phi. Một nhà khảo cổ học nước Anh khác, Hôơ, lại cho rằng từ xưa tới nay cư dân châu Phi không có truyền thống xây dựng kiến trúc đá. Do đó, “Đại Zimbabwe” không thể do cư dân châu Phi xây dựng nên. Giả thuyết hai phái đều có người ủng hộ, nhưng không bên nào có thể chứng minh đầy đủ cho giả thuyết của mình. Đến nay chưa có ai thống kê được cần bao nhiêu thợ, bao nhiêu thời gian làm việc mới có thể hoàn tất tòa thành cổ văn minh vĩ đại như thế đứng sừng sững trong rừng rậm châu Phi.

BÍ MẬT "KHO BÁU SALOMON"

NĂM 1000 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN, THỦ LĨNH
BỘ LẠC DO THÁI TÊN LÀ DAVID ĐEM QUÂN
ĐẾN CHIẾM LẤY JERUSALEM, THIẾT LẬP
NỀN NHÀ NƯỚC DO THÁI THỐNG NHẤT,
LẤY JERUSALEM LÀM THỦ ĐÔ VÀ TRUNG
TÂM TÔN GIÁO CHO CẢ NƯỚC.

Sau khi David băng hà, con trai ông là Salomon (960 TCN - 930 TCN) lên kế ngôi. Theo "Kinh thánh" ghi lại, vào thế kỷ X TCN, đức vua Salomon cho xây dựng một thánh điện đạo Do Thái - Thần miếu Yehehua, lại cho đặt vô số vàng bạc châu báu trong đường hầm và các hầm bên dưới hòn "đá thần YABOLAHAN" ở trung tâm thần điện. Đó chính là "Kho báu Salomon" nổi tiếng khắp thế giới. Về sau, vương quốc Do Thái dần dần suy tàn. Năm 586 TCN, quốc vương Babilon là Nebuchadnesffar đem quân đến định chiếm Jerusalem. Hắn cho quân xuống các căn hầm bên dưới "đá thần Yabolahan" để tìm kiếm "kho báu Salomon". Nhưng đường hầm quanh co lắt léo không khác gì trong mê cung, Nebuchadnesffar cuối cùng đành bỏ cuộc. Hắn liền cho thiêu trụi thánh điện.

QUẦN ĐẢO SALOMON

“Kho báu Salomon” hiện đang ở đâu? Người ta đưa ra rất nhiều phỏng đoán về câu hỏi này. Có người cho rằng, kho báu đã được dời đi trước khi Nebuchadnesffar đến xâm chiếm thành Jerusalem; có người nói kho báu vốn không phải ở đền điện mà được cất giấu tại một nơi khác; có người lại khẳng định nó vẫn đang nằm tại mê cung bên dưới “đá thần Jehovah”. Cứ như thế, suốt 2400 năm từ thế kỷ IV TCN cho đến nay, người ta vẫn không ngừng hoạt động kiếm tìm nó. Trong chỗ giấu “kho báu Salomon”, được nhiều người tin nhất là lời phỏng đoán rằng nó đang nằm trong quần đảo Salomon. Nhưng quần đảo này do 6 đảo lớn và hơn 900 đảo nhỏ tạo thành, những đảo ấy diện mạo na ná nhau, nằm rải rác trên diện tích 600.000 km² mặt biển, đều bị rừng bao phủ 90% bề mặt nên công việc tìm kiếm kho báu gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng cũng chính vì quần đảo này có hơn 900 hòn đảo nên người ta nghĩ rằng không tìm thấy kho báu trên hòn đảo này thì sẽ không tìm thấy nó trên một hòn khác. Thế là trong mấy trăm năm ròng, người ta vẫn không ngừng nuôi giấc mộng về kho báu.

BÍ MẬT THÂN CHÚ CỦA PHARAON

KIM TỰ THÁP, HÌNH THỨC ĐẶC TRƯNG CỦA
LĂNG MỘ QUỐC VƯƠNG AI CẬP, ĐẾN SAU
VƯƠNG TRIỀU THỨ 13 THÌ KHÔNG CÒN
NỮA. SAU MỘT THỜI GIAN CHINH CHIẾN, AI
CẬP TIẾN VÀO THỜI KỲ VƯƠNG QUỐC MỚI,
NÓ BAO GỒM BA VƯƠNG TRIỀU 18, 19 VÀ 20.

Bắt đầu từ vương triều 18, quốc vương mới không thích hình thức lăng mộ kim tự tháp nữa, để được yên ổn sau khi chết ông mong tìm được một nơi kín đáo. Do đó vị vua thứ ba của vương triều 18, Touthmôsis năm 1525 - 1495 tr.CN), đã cho một kiến trúc sư tên là Inini tìm một khe núi trong vùng núi hoang vu thuộc bờ tây sông Nil làm nơi an nghỉ cuối cùng. Đây sẽ là khe núi lăng vua nơi có lăng mộ các đời vương triều 18, 19, 20 sau này.

Nhưng vì đồ đạc chôn theo có giá trị vô cùng lớn nên rất nhiều kẻ đã bất chấp nguy hiểm, không hề tiếc tới cả mạng sống sẵn sàng vào trong khe núi lăng vua tìm kiếm. Sự thay thế của các vương triều đã tạo cơ hội

cho bọn đào mộ trộm và cũng bởi những kẻ canh giữ hoa mắt vì tiền đã khiến cho việc đào mộ trộm trở thành một hoạt động thường xuyên và có tổ chức.

Có điều về sau, không hiểu vì sao hành động này dần dần không còn nữa, bí mật của kho báu cũng thất truyền theo năm tháng, linh hồn của các vị vua ấy cũng đã được ngủ yên 3000 năm.

PHÁT HIỆN MỚI

Các lăng mộ Pharaon ở khe núi lăng vua hầu như đều bị bọn đào mộ ăn trộm hết của cải. Các nhà khảo cổ học hy vọng tìm được một lăng mộ chưa hề bị đào trộm, mọi thứ trong đó vẫn còn nguyên như khi chôn cất nhưng bọn đào trộm mộ luôn luôn đến trước.

Hầu tước Hecke Kanavon người nước Anh và nhà khảo cổ học Howard Carter tập trung vào việc tìm kiếm lăng mộ của Tutankhamen là một Pharaon của vương triều thứ 18, làm vua từ năm 1361 tới năm 1352 tr.CN. Tutankhamen có thể coi là vị Pharaon trẻ nhất trong lịch sử các Pharaon Ai Cập lên ngôi lúc 11 tuổi, thời gian làm vua rất ngắn, khi chết chưa tới 20 tuổi. Đây cũng là một Pharaon bình thường nhất thời vương triều mới. Hầu như tất cả mọi người đều cho rằng lăng mộ Tutankhamen đã bị đào rồi, bởi vì trong các huyệt động khác đã phát hiện đồ vật có khắc tên Tutankhamen và hoàng hậu của ông. Nhưng Kanavon

và Carter không cho là như thế. Họ thấy lăng mộ Pharaon không thể nhỏ bé như vậy được, hơn nữa đồ đạc thấy ở đó không đủ để chứng minh lăng mộ lại ở huyệt động như vậy. Mùa thu năm 1917, Kanavon và Carter bắt đầu khai quật một địa điểm mới đã chọn.

Năm năm trôi qua, diện tích họ tìm kiếm rất rộng, giấy phép khai quật sắp hết hạn nhưng vẫn chưa tìm được gì. Ngày 1 tháng 11 năm 1922, Carter dốc hết số tiền còn lại, lệnh cho thợ đào ngay tại nơi dựng lán trại. Chiều ngày 5 tháng 11, sau khi đào lên rất nhiều đá và cát thì 16 bậc đá hiện ra, ở bậc trên cùng là cửa mộ niêm phong cẩn thận, Carter vô cùng phấn khởi.

Hầu tước Kanavon nhận được điện báo của Carter, quyết định đến ngay Ai Cập. Trước khi ông rời London, một nhà tiên tri nổi tiếng đến khuyên ông: “Chuyến đi Ai Cập rất nguy hiểm”. Trong lòng Kanavon tuy thấy dự cảm không lành nhưng ông vẫn lên đường tới Ai Cập. Hai tuần sau, Kanavon và con gái đã tới hiện trường khai quật, họ đến trước cửa mộ, xem xét dấu vàng của Tutankhamen đóng ở phần dưới cửa. Bây giờ họ đã khẳng định được phía sau cánh cửa này không phải chỉ là kho báu của vua Tutankhamen, mà là lăng mộ Pharaon. Nhưng đồng thời họ cũng phát hiện phía dưới cửa đã có dấu vết, rõ ràng là cửa đã bị cạy phá, có phải bọn đào trộm làm hay không?

Kanavon và Carter rất cẩn thận mở cửa lăng mộ, trong góc toàn là vụn đá.

Ngày hôm sau, họ tới cửa thứ hai, cũng như cửa thứ nhất, cánh này cũng đã được sửa chữa lại, mọi người đều rất căng thẳng, bên trong liệu có còn gì không? Tay Carter run run khoét một lỗ phía trên cửa, dưới ánh nến chập chờn, họ nhìn thấy ba chiếc giường mạ vàng, chung quanh chạm khắc hình dáng thú vật kỳ quái, hai pho tượng Pharaon to bằng người thật, đứng đối diện nhau; chung quanh còn rất nhiều bình hoa, khám thờ, giường, ghế dựa, đèn lồng, ngai vàng, một đồng hồ màu trắng và một chiến xa cổ đại đổ lán trên đất; đồ đạc lung tung, dường như tiện tay vứt bừa bãi.

Nhưng họ nhanh chóng ý thức thấy nhà mồ có quan tài. Chẳng lẽ đây là phòng cất giấu của cải? Ngày hôm sau, đã nối được điện, nhà mồ sáng rực lên, họ thấy cửa đá giữa hai pho tượng, hóa ra đó là tiền sảnh. Phần dưới cửa cũng có dấu vết lấp lại. Trên tường phía sau một chiếc giường họ phát hiện ra một tầng cửa đá đóng kín, trên cửa có một lỗ nhỏ lấy đèn điện rọi thẳng vào trong, bên trong cũng là một gian nhà mồ, nhỏ hơn tiền sảnh, nhưng đồ đạc càng bừa bãi lộn xộn hơn.

Việc phát hiện ra lăng mộ Tutankhamen đã thu hút rất nhiều du khách và phóng viên các nơi. Ngày 27 tháng 11, Carter bắt đầu công việc mở cửa đá. Mất 3 tiếng đồng

hồ Carter mới tháo được cửa đá, Kanavon và con gái Ivolin bước vào, phía sau, trợ lý của Carter là Kalendor. Điều khiến người ta ngạc nhiên là đây chưa phải tận cùng, trên tường còn có một tầng cửa thấp mở ra, họ bước vào, thấy gian nhà mồ này nhỏ hơn mấy gian trước nhưng bài trí toàn đồ quý báu nhất. Bao gồm một tấm bia đứng vô cùng đẹp, một chiếc bàn bọc vàng trông như khám thờ thần, trên nắp hòm có khắc chạm chín con rắn hổ mang, chung quanh là bốn nữ thần đứng giang rộng hai cánh tay, bảo vệ cho “khám thờ thần”. Một mặt khác của căn phòng cũng bày nhiều khám thờ thần và mấy pho tượng Tutankhamen đứng trên lưng báo đen. Một chiến xa cổ đại bị tháo rời, phân tán ra các chỗ. Trong gian phòng còn có mấy hòm gỗ khảm nạm ngà voi. Đây là lăng mộ hoàn hảo chưa bị đào trộm.

Việc làm đầu tiên là tháo dỡ khám thờ thần, mở quan tài có đặt thi hài Tutankhamen. Nhưng giữa chính phủ Ai Cập và hầu tước Kanavon xảy ra tranh chấp. Trong những năm chờ đợi giải quyết thì Kanavon từ già cỗi đời. Đây mới chỉ là mở đầu cho một loạt vận rủi.

Sau khi Kanavon chết một cách bí hiểm, Carter được phép của chính phủ Ai Cập bắt đầu tháo dỡ khám thờ thần. Phải mất 8 tiếng đội tìm kiếm mới tháo dỡ xong khám thờ thần, mở nắp quan tài đá hoa cương, cái nhìn thấy đầu tiên là áo liệm bằng vải gai, tháo hết tầng này sang tầng khác vải gai mới thấy một chiếc quan tài vô

cùng đẹp. Dáng ngoài quan tài rất giống Pharaon, tất cả đều làm bằng vàng, ngoài chân và tay đều tạc thành dáng lập thể ra, các bộ phận khác đều là phù điêu. Hai tay Tutankhamen bắt chéo nhau, đặt trước ngực trong tay cầm quyền trượng. Mặt Tutankhamen tạc bằng vàng lá, con mắt làm bằng đá trắng và đá ánh đen, mi mắt và quầng vành mắt là ngọc xanh trong suốt, trán khảm nạm phù hiệu Thượng Ai Cập và Hạ Ai Cập - rắn hổ mang và chim ưng. Vòng lên trên phù hiệu là một vòng hoa nhỏ, hoa đã khô nhưng vẫn giữ được màu sắc ban đầu. Trong quan tài còn có quan tài khác, quan tài bên trong cũng là tượng ấu chúa hình người, mở nắp quan tài này ra, bên trong là quan tài bằng vàng ròng, mở nắp quan tài tầng cuối, bên dưới mới là xác ướp của Tutankhamen.

Điều đáng tiếc là, người tài trợ cho lần khai quật này, Kanavon đã không được tận mắt nhìn thấy mọi thứ. Những người tham gia đào lăng mộ đều gặp hàng loạt rủi ro thảm hại, số người chết lên tới 50. Người ta cho rằng những cái chết thê thảm này là do thần chú của Tutankhamen.

CÂU THẦN CHÚ CỦA PHARAON

Ở Ai Cập cổ đại, chỉ có Pharaon thay mặt cho thần mới có quyền lực công bố thần chú. “Thần chú của Tutankhamen” là một chữ tượng hình khắc trên bia gốm sứ hình dáng không đẹp lắm ở ngoài nhà mồ: “Kẻ nào

làm rối loạn an toàn của vị Pharaon này, thần chết sẽ tung cánh giáng xuống đầu nó”. Một câu nữa viết trên lưng một tượng thần của mộ chính: “Ta là người bảo vệ lăng mộ Tutankhamen, ta dùng lửa của sa mạc xua đuổi những kẻ đào trộm mộ”. Điều làm người ta lo lắng là thần chú của Tutankhamen dường như lan tỏa ra từ trong bóng đêm thời viễn cổ.

Người ra đi đầu tiên vì thần chú Tutankhamen là Kanavon. Ông chết trong một sự cố mất điện toàn Cairô, lúc 1 giờ 50 sáng ngày 15 tháng 4 năm 1923, cách ngày khai quật lăng mộ Tutankhamen chưa đầy 2 tuần. Nguyên nhân chết là một vết sưng trên má. Khi Kanavon đi vào cửa lăng mộ Tutankhamen, đột nhiên bị con gì đó đốt, thế là má bên trái bỗng đau nhức và sưng. Mấy hôm sau, Kanavon cẩn thận khi cạo mặt, hết sức tránh chỗ sưng, nào ngờ lưỡi dao trong tay lại không chịu sự chỉ huy, cửa ngay vào vết sưng. Thế là vết xước nhỏ ấy gây ra chứng máu trắng không tài nào chữa được. Kanavon sốt cao trên 40°C, được đưa vào một bệnh viện ở Cairô. Toàn thân Kanavon run rẩy, phần lớn thời gian là hôn mê, đôi lúc tỉnh lại thì kêu rên sợ hãi, khi mê sảng thì nói lảm nhảm: “Ôi! Tatankhamen...”, “Ôi! Quốc vương Pharaon...”, “Ôi! Xin hãy tha tội cho tôi...”. Kanavon có vẻ như rất đau đớn mà không nói được hết câu.

Sáng sớm ngày 15 tháng 4, ý tá trực ban chợt nghe thấy Kanavon gào lên rất to: “Tôi hết rồi! Tôi hết rồi!

Tôi đã nghe tiếng gọi rồi...”. Y tá chưa kịp tới bên ông, cả bệnh viện đột nhiên mất điện, 5 phút sau khi điện sáng lại, người ta chạy tới trước giường Kanavon thì thấy vẻ mặt ông như rất sợ hãi, hai mắt trợn trừng, miệng hé mở và đã tắt thở. Sau đó công ty điện lực không đưa ra được lời giải thích hợp lý vì sao toàn Cairo đột nhiên mất điện và lát sau lại có điện. 5 phút mất điện, trong phòng bệnh của Kanavon đã xảy ra chuyện gì? Kanavon lúc sắp chết đã gặp phải cái gì? Chỉ có điều nhà tiên tri ở London đã nói đúng, Kanavon không thể nào đặt chân lên London được nữa. Kỳ lạ là về sau khi dùng X-quang kiểm tra xác ướp Tutankhamen, các nhà khoa học phát hiện thấy trên má trái của vị Pharaon này cũng có một vết thương, cũng hoàn toàn y hệt vết sưng do con gười đốt trên má Kanavon dù là hình dáng, kích cỡ, thậm chí cả vị trí của vết thương.

Cái chết của Kanavon mới là sự bắt đầu của một loạt cái chết khác.

Ít lâu sau, người hộ lý từng chăm sóc cho Kanavon ở bệnh viện Cairoo cũng đột nhiên lăn ra chết chẳng hiểu vì sao.

Nhà khảo cổ học nước Mỹ là Maysi được Kanavon mời đến giúp đỡ, đột nhiên lăn ra bất tỉnh, chết trong khách sạn cùng ở với Kanavon.

Một người Mỹ tên là Gôđơ đi cùng Carter tham quan mộ Tutankhamen, tham quan xong ngày hôm sau sốt cao, tối thì chết, kiểm tra không thấy nguyên nhân gây bệnh.

Một nhà doanh nghiệp nước Anh tên là Urotan sau khi tham quan lăng mộ, trên đường về nước cũng chết vì sốt cao.

Một thương nhân người Nam Phi, sau khi tham quan hiện trường khai quật lăng mộ Tutankhamen, từ du tàu đột ngột ngã xuống dòng sông Nil chết đuối.

Người cởi bỏ vải bọc Tutankhamen và dùng X-quang chiếu qua, là giáo sư Asibartơ Ridơ, sau khi chụp mấy tấm ảnh cũng nổi bị sốt cao, cơ thể suy nhược, buộc phải trở về London và ít lâu sau cũng từ giã cõi đời.

Ba năm sau Abô Maisơ (52 tuổi) một trợ thủ đắc lực của Carter đã đào mộ Tutankhamen cũng qua đời. Năm 1929, một trợ thủ khác của Carter, Risác Fanlơ chết đột tử lúc đó mới có 45 tuổi.

Ngoài ra tiến sĩ Đugolas đích thân sờ vào mặt nạ vàng Tutankhamen, người đầu tiên phát hiện đồ gốm có khắc tên họ Tutankhamen và hoàng hậu của ông gần nhà mồ Pharaon là Halim Habo (chính phát hiện này đã cung cấp đầu mối chủ yếu tìm ra lăng mộ Tutankhamen) và những học giả, chuyên gia, tham gia điều tra đào bới, trong một thời gian không lâu lần lượt chết rất bí ẩn.

Kỳ quái nhất là sáng sớm một ngày năm 1929, bà quả phụ Kanavon, phu nhân Elisabét từ già cỗi đời. Được biết, bà cũng bị một cơn sốt mà chết, chỗ sốt cũng ở má trái, giống hệt như chồng bà 6 năm trước.

Carter may mắn thoát nạn, sống tới 65 tuổi, nhưng bóng đen tử thần lại giáng xuống người thân trong gia đình. Sự trả thù không trực tiếp này còn đáng sợ hơn. Con gái yêu của Carter là Iblin Howard, từng cùng cha đi vào lăng mộ Tutankhamen, mắc bệnh trầm uất. Carter thấy con gái yếu u uất âu sầu, ngày một tàn tạ lòng ông đau như cắt. Ít lâu sau, Howard để lại một bức thư chẳng khác gì một điều bí ẩn: “Tôi không tài nào chịu đựng được thần chú nữa”, rồi cô thất cổ tự tử. Cách chết này ở các nước phương Tây rất hiếm có khiến quần chúng xôn xao.

Theo thống kê chưa đầy đủ, từ tháng 4 năm 1923 tới năm 1929, tối thiểu có 22 người trực tiếp hoặc gián tiếp tham dự khai quật lăng mộ Tutankhamen lần lượt qua đời. Trong đó có 13 người trực tiếp tham gia đào bới. Về sau, tối thiểu có 35 học giả, chuyên gia trở thành vật hy sinh của thần chú Tutankhamen.

Hơn 40 năm bình yên đã qua, xác ướp Tutankhamen được lưu giữ trong nhà hầm bảo tàng Cairo và đồ tùy táng đã hiển linh, bóng đen của thần chết lại xuất hiện. Một ngày vào năm 1972, giám đốc nhà bảo tàng Cairô, tiến sĩ Gamaiơ Mayzơphy ngồi bên cạnh bể bơi của một

khách sạn ở Cairô, nói chuyện thần chú Pharaon với nhà văn Đức tên là Philip Vandebua.

Mayzuphy bảo: - Trong cuộc sống thường có những hiện tượng kỳ quái, tới nay vẫn chưa giải thích được.

- Vậy ông có tin thần chú Pharaon không? - Vandebua hỏi.

- Nếu ông cộng tất cả những cái chết bí ẩn ấy lại thì rất có thể sẽ phải tin những thần chú ấy, nhất là trong sách cổ Ai Cập, thần chú như thế này có thể nói là đầu đầu cũng có.

Mayzuphy trầm ngâm một chút rồi lại tiếp: Tôi không tin điều đó. Cả đời tôi sống với lăng mộ Pharaon và xác ướp, ông thấy không, tôi đang sống rất khỏe mạnh đấy thôi?.

Nào ngờ, một tuần sau, Mayzuphy (52 tuổi) chết mà chẳng rõ lý do.

Nghe nói một phóng viên đứng một lát trong nhà mồ, sau đó thì ốm không dậy được nữa. Một nhóm học sinh vào lăng mộ có biểu hiện bị điện giật, rồi chết. Một số du khách sau khi vào lăng mộ ngã lăn ra đất kêu lớn: “Cứu tôi với, cứu tôi với! Tôi muốn ra ngay”, có người chết ngay tại chỗ.

Thần chú Pharaon thực chất là cái gì? Có đúng là thần chú đã “hiển linh” hay không?

SUY ĐOÁN THẦN CHÚ

Trong sách cổ Ai Cập ghi chép về sự “hiển linh” của thần chú pharaon có rất nhiều. Nó sở dĩ thần bí là vì những vụ chết chóc thường được phủ lên bởi một không khí sợ hãi. Có nhiều ý kiến khác nhau của các nhà khoa học, học giả:

Thuyết vi trùng của giáo sư khoa sinh vật. Đại học Cairo, Agiadin Taha tuyên bố trong một buổi họp báo ngày 3 tháng 11 năm 1962. Ông nói rằng những nhà khảo cổ học và nhân viên công tác ấy đã được ông kiểm tra sức khỏe, chỉ vì nhiễm phải vi trùng trong lăng mộ rồi ốm chết. Vì những vi trùng đã sinh sống ba bốn nghìn năm trong lăng mộ cho nên y học hiện đại chưa biết cách đối phó kịp thời. Quan điểm của giáo sư này đã được nhiều nhà khoa học tán thành.

Nhưng điều bất hạnh là, sau buổi họp báo không lâu, Taha trên đường cái từ Cairô tới Suyê đã chết vì tai nạn xe cộ. Giải phẫu thi thể chứng minh ông đã bị bệnh tim, rất nhiều người liên tưởng tới thần chú của Pharaon.

Thuyết vi rút của Goringhen, liên bang Đức: Dưới kính hiển vi điện tử phát hiện ra loại vi rút giết người. Một khi mộ bị đào ra, vi rút sẽ dính vào thân người đào mộ, thâm nhập vào trong cơ thể qua các khí quản, gây ra ung thư.

Thuyết chất độc: Trong các Pharaon Ai Cập không thiếu gì chuyên gia chất độc; quốc vương thứ nhất của vương triều thứ nhất, Mêna chính là người tài giỏi trồng những cây có chất độc. Pharaon dùng chất độc để bảo vệ lăng tẩm cũng là hợp lý. Chất độc không nhất thiết đi vào từ miệng, cũng có thể qua da, như bích họa của lăng mộ Pharaon dùng nguyên liệu màu có chứa thạch tín, cực độc. Thuốc độc thông thường dưới tác động của ánh sáng, không khí, tính chất độc trong mấy năm sẽ không còn. Có chất độc mạnh có thể kéo dài mấy trăm năm, nếu đặt trong huyết mộ đóng kín không khí không thông thì thời gian càng dài.

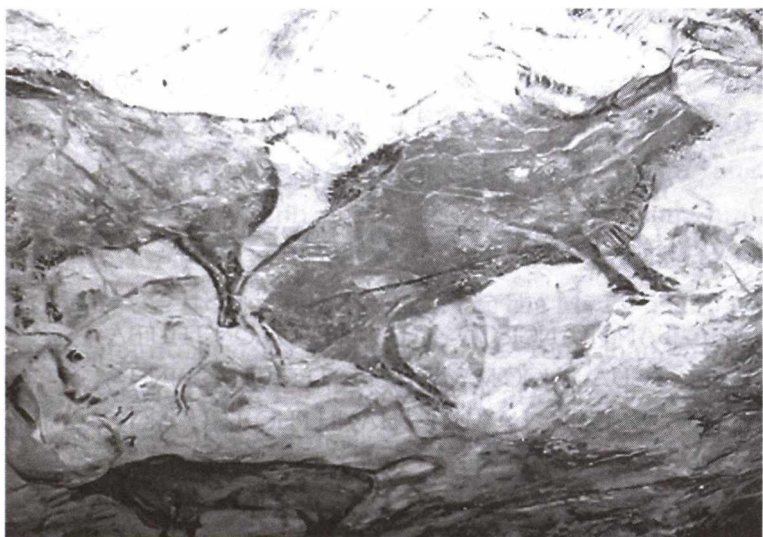
Thuyết vật chất, phóng xạ hoặc thuyết vật chất tiêu năng lượng: Các nhà khoa học cho rằng bản thân lăng mộ hoặc chung quanh lăng mộ tồn tại vật chất có tính phóng xạ, thí dụ như quặng uranium. Quặng có chứa uranium phát hiện tại miền Trung Ai Cập cũng có thể chứng minh cho thuyết này. Hoặc là đồ đạc chôn theo Pharaon có thứ mang tính phóng xạ, hoặc là một loại năng lượng người hiện đại chưa biết, khiến người ta chết một cách bí ẩn.

Tất cả các thuyết đều chưa tìm ra được bí mật thật sự của “thần chú Pharaon”.

BÍ ẨN VỀ BỨC HỌA CỔ

VÀO MỘT NGÀY NĂM 1879, MỘT NHÀ KHẢO
CỔ HỌC NGHIỆP DƯ TÊN LÀ SATUORA ĐANG
TIẾN HÀNH KHAI QUẬT Ở KHU VỰC
ALTAMIRA PHÍA BẮC TÂY BAN NHA, ĐÃ ĐI
VÀO MỘT HANG ĐỘNG DÀI 60M, RỘNG 30M,
PHÁT HIỆN RẤT NHIỀU CON BÒ HOANG ĐƯỢC
VẼ BẰNG NHỮNG MÀU TRẮNG, VÀNG, ĐEN
VÀ HỒNG Ở TRÊN ĐỈNH HANG.

Anh đếm cẩn thận, tổng cộng có 17 con, mỗi con đều có thần thái khác nhau, rất sinh động. Ông tiếp tục tiến vào sâu hơn, phát hiện rất nhiều bức vẽ động vật khác, trong đó có nhiều loài động vật đến nay đã bị tuyệt chủng. Mọi người không ngừng đặt câu hỏi, mục đích mà người xưa vẽ nên những động vật này là gì? Tất cả các bức tranh này đều được thực hiện trong bóng tối của hang động, trước đây hơn một vạn năm, tại sao con người lại có thể chiếu sáng được? Kỹ thuật sáng tác bích họa cao siêu vậy tại sao lại bị mất?



NHÀ THỜ SISTINE CỦA NGHỆ THUẬT TIỀN SỬ

Năm 1902, sau nhà khảo cổ Satuora, nhà khảo cổ học Brener lại một lần nữa đến thăm hang động mà Satuora tìm thấy, và tìm được một ít xương động vật ở dưới đất. Xem ra, bức bích họa trên đỉnh hang không phải Satuora tự làm, mà thực sự là một tác phẩm của người xưa. Bức bích họa trong hang này được mọi người mệnh danh là “nhà thờ Sistine của nghệ thuật tiền sử”. Những bức bích họa trong hang đều được giữ rất tốt, độ ẩm và nóng trong hang không thay đổi, việc lưu thông gió cũng rất tốt, hơn nữa độ ẩm trong không khí làm cho màu trên bức bích họa không hề bị bạc đi vì khô hạn. Những thạch nhũ đã chắn cửa hang, làm cho hang động này hoàn toàn cách biệt với thế giới bên ngoài.

BÍ ẨN VỀ HIỆN TƯỢNG ĐỘNG ĐẤT Ở SAN FRANCISCO

SAN FRANCISCO - THÀNH PHỐ LỚN THỨ BA
CỦA NƯỚC MỸ NẴM BÊN BỜ THÁI BÌNH
DƯƠNG - LÀ MỘT THÀNH PHỐ THƯỜNG
XUYÊN XẢY RA ĐỘNG ĐẤT.

Vì sao thành phố này lại có nhiều trận động đất như vậy? Người ta cho rằng, những trận động đất liên miên ở San Francisco là do thành phố có tổng chiều dài của những lớp nứt hơn 960km, từ ngoại vi thành phố San Francisco trải dài đến vịnh California ở Mexico. Các cuộc khảo sát địa chấn đã chứng minh rằng: Trong khoảng hơn 80 triệu năm trở lại đây, các tầng đứt gãy ở phía đông và phía tây là tương đương nhau. Chúng chuyển động hơn 200km về hướng đông nam, bình quân cứ 10 năm lại di chuyển 2,5m. Ở hai khu vực đông và tây có nhiều biến động này, trong quá trình tiếp xúc nhau, có những phần tích lũy năng lượng, và khi năng lượng này được giải phóng đột ngột sẽ sinh ra động đất.

Trên thực tế, tốc độ chuyển động của các tầng địa chấn ở hai phía đông, tây là không đều nhau, khi chúng di chuyển

chậm và ở trạng thái tương đối ổn định thì khả năng dễ xảy ra động đất mạnh là rất hiếm, ngược lại thì tỉ lệ này sẽ tăng lên. Từ những năm 60 của thế kỷ XX đến nay, kết quả đo lường địa chấn một cách tỉ mỉ và chính xác đã chỉ ra rằng: Khu vực hai bên thành nứt có tốc độ di chuyển trung bình khoảng 5cm mỗi năm, gấp 20 lần tốc độ bình quân của nó kể từ thế kỷ thứ III. Các nhà địa chấn học của Mỹ đã đầu tư rất nhiều nhân tài vật lực để kiểm soát các rung chấn và phát hiện ra các vụ động đất lớn, có thể phát sinh cùng một lúc bất cứ lúc nào ở San Francisco và Los Angeles.

Những lớp nứt của vỏ Trái đất báo hiệu và gây ra động đất. Vậy sức mạnh nào khiến cho các tầng địa chất không ngừng di chuyển?

Kết quả nghiên cứu địa chất học hải dương trong những năm gần đây cho chúng ta biết rằng dãy núi dưới biển Thái Bình Dương ở vùng vịnh California đã lấn sâu vào đại lục Bắc Mỹ, phần đáy đại dương của hai bên dãy núi đang không ngừng tách rời nhau ra. Vì thế, ở lục địa châu Mỹ có những đoạn đang di chuyển về phía tây bắc theo dãy núi ở đáy biển, những đoạn khác lại chuyển động theo hướng đông nam. Quan sát này có thể giải thích lí do vì sao thành phố San Francisco lại xảy ra nhiều động đất đến thế.

Nhưng tại sao đáy biển Thái Bình Dương lại không ngừng hình thành những dãy núi lớn mở rộng sang hai bên, đến nay vẫn còn là một câu hỏi. Vì vậy, nguyên nhân xảy ra nhiều động đất ở San Francisco cũng chưa có lời giải đáp.

BÍ MẬT VỀ UFO KỲ LẠ

HẸ NHẮC ĐẾN ĐĨA BAY VÀ NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH (NHỮNG SINH VẬT CÓ TRÍ TUỆ CAO NGOÀI TRÁI ĐẤT), THÌ RẤT NHIỀU NGƯỜI NGHĨ NGAY ĐẾN TIỂU THUYẾT KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG VÀ NHỮNG PHA TRONG PHIM, VÀ HỌ CHO RẰNG ĐÓ CHẴNG QUA LÀ CHUYỆN TIỂU KHIỂN CHO NHỮNG KẺ VÔ CÔNG RỒI NGHỀ MÀ THÔI.

Cái được coi là đĩa bay trong khoa học viễn tưởng thì cách quá xa với kinh nghiệm cuộc sống thường ngày của chúng ta. Nếu như ai có đưa ra luận điệu rằng: đĩa bay cũng là một môn khoa học thì không chỉ các nhân viên nghiên cứu khoa học không thể nào tiếp thu mà e rằng ngay cả những người bình thường cũng đều cho rằng thần kinh anh ta có vấn đề!

Thế nhưng trên thực tế, vấn đề nghiên cứu đĩa bay ở các nước tiên tiến đã tiến hành được hơn 40 năm rồi, trong đó có rất nhiều những tư liệu không thể nào tách ra được. Những năm gần đây việc nghiên cứu đĩa bay đã trở thành một trào lưu. Trung Quốc đã xuất bản tạp chí thăm dò đĩa



UFO hình trụ này bị bắt gặp trên bầu trời thành phố New York ngày 20/3/1950.

bay và tập san đĩa bay, năm 1990 đã mừng kỷ niệm mười năm ra đời của tạp chí, hàng năm đều tổ chức hội thảo về đĩa bay.

Tại rất nhiều nước, nghiên cứu đĩa bay đã trở thành một môn khoa học, khoa học về đĩa bay. Dù là cơ quan thuộc nhà nước, hay thuộc đoàn thể quần chúng nghiên cứu, việc nghiên cứu đĩa bay đều phải dựa vào những nhân

tài vật lực tương đối khách quan, giống như các môn vật lý học, hóa học, sinh vật học, nghĩa là tiến hành nghiên cứu học thuật một cách cẩn thận.

Một tờ tạp chí của Mỹ, trong tư liệu điều tra dân gian năm 1986 đã chứng tỏ: Trong số thường dân, số người tin ở sự tồn tại của người ngoài hành tinh chiếm tỷ lệ 32%, số người không tin chiếm 17%, số còn lại giữ thái độ chờ xem. Trong số nhân sĩ khoa học kỹ thuật, tỷ lệ số người tin vào sự tồn tại người ngoài hành tinh chiếm 40% số người được điều tra, số người tuyệt đối không tin chiếm 9%, và có tới 17% số người được hỏi thích được giao lưu với người ngoài hành tinh. Những người tin vào sự tồn tại

của người ngoài hành tinh trình bày lý do là: Nhiều nơi trên thế giới đều đã từng chứng kiến, đĩa bay được nhiều người chính mắt trông thấy. Đã có nhiều người tiếp xúc với người ngoài hành tinh. Trên Trái Đất từng xảy ra rất nhiều hiện tượng không rõ ràng, có khả năng là do hành vi của người ngoài hành tinh gây ra, nhất là hiện tượng về di chỉ của các nền văn minh cổ xưa. Các nhà du hành vũ trụ nhiều lần phát hiện thấy dấu vết kiến trúc của người trí tuệ cao ở những hành tinh khác trong hệ Mặt Trời... Còn những người không tin thì cũng đưa ra những lý lẽ khoa học đáng tin cậy. Dựa vào thuyết tương đối của Anhxtanh, chúng ta tư duy trong không gian ba chiều, không thể tưởng tượng nổi, lại có sinh vật trí tuệ nào đó lại có thể vượt qua quãng đường hàng triệu triệu năm ánh sáng, từ một thiên hà nào đó tới viếng thăm Trái Đất. Còn các hành tinh khác trong hệ Mặt Trời thì chưa phát hiện thấy ở đâu có nước và các tài nguyên khác để sinh vật có thể dựa vào đó mà sinh sống. Người ngoài hành tinh căn bản không có cơ sở để tồn tại v.v...

Nhưng dù cho người ta có tin hay không về sự tồn tại của người ngoài hành tinh, có phải đĩa bay đã rất nhiều lần tới viếng thăm Trái Đất hay không, thì hiện tượng đĩa bay cũng đã thu hút sự hứng thú của rất đông người, kể cả các chuyên gia và nhân sĩ khoa học kỹ thuật. Hiện có vô số người đang say sưa làm việc để cuốn lên bức màn bí mật của đĩa bay.

BÍ ẨN VỀ TRẬN ĐẠI HỒNG THỦY TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

NHIỀU NƠI, NHIỀU DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI CÒN LƯU TRUYỀN NHỮNG TRUYỀN THUYẾT VỀ MỘT TRẬN ĐẠI HỒNG THỦY ĐÃ TỪNG XẢY RA TRONG LỊCH SỬ, ĐẶC BIỆT LÀ ĐỐI VỚI CÁC DÂN TỘC SỐNG VEN VÍ ĐỘ 30° BẮC. TỰA HỒ TRONG KÍ ỨC CỦA MỖI DÂN TỘC NÀY ĐỀU BẢO TỒN MỘT CÁCH RÕ RÀNG NHỮNG HÌNH ẢNH VỀ MỘT TRẬN ĐẠI HỒNG THỦY.

Về những điều có trong lịch sử liên quan đến tai họa của Địa cầu trước kia, khủng khiếp nhất là câu chuyện về con thuyền của Nôê trong Kinh thánh.

Trong kinh thánh nói đến việc một ngày Thượng đế hiện ra trước mắt Nôê và phán rằng: “Thế giới bại hoại trụy lạc, tội ác tột cùng, các sinh vật có huyết khí đều đắm mình trong tội ác, thực tế này hoàn toàn đi ngược với chủ ý của ta khi sáng tạo ra loài người. Nay ta hối hận vô cùng, chỉ còn cách hủy diệt thế giới này. Con hãy dùng gỗ cây Âu Phi đóng thành một chiếc thuyền vuông...”.

Thượng đế tả rõ hình thức, quy cách và phương pháp chế tạo chiếc thuyền vuông, Nôê đã nhất nhất ghi nhớ. Trước lúc về trời thượng đế còn nói: “Xem đi, rồi ta sẽ làm cho nước lớn tràn lên hủy hoại hết mọi sinh linh trên mặt đất. Nay ngươi phải thề với ta: ngươi phải đem theo vợ con, con dâu, phàm là động vật có máu thịt, con phải chọn lấy mỗi loại một cặp trống mái mang lên thuyền để bảo tồn nòi giống cho chúng”.

Nôê bắt đầu công việc Thượng đế giao phó. Ông tìm những cây Âu Phi tốt nhất, lấy gỗ ngày đêm ghép lại thành một chiếc thuyền vuông. Vừa cần cù làm việc, ông vừa khuyên can loài người: Nước lớn sắp ập tới nơi rồi, chúng ta đừng có đắm chìm trong rượu chè, hưởng lạc, đừng gây điều ác làm nhiều việc thiện đi thôi! Chẳng ai nghe lời Nôê, ông lại còn bị chê cười và mắng mỏ, con người lại tiếp tục đi tìm vui thú.

Nôê miệt mài trong nhiều năm ròng, cuối cùng đã đóng xong một chiếc thuyền vuông lòng rộng chưa từng thấy. Chiếc thuyền dài 130m, rộng 22m, cao 13m, phân ra làm 3 tầng trên, giữa và dưới, mỗi tầng đều có nhiều phòng nhỏ ngăn cách với nhau.

Nôê nhanh chóng làm theo lời Thượng đế đem vợ, ba đứa con, con dâu cùng mỗi loài động vật một đôi trống mái lánh nạn vào trong thuyền. Chẳng lâu sau, trời đất rung chuyển, mưa lớn như có ai nghiêng bồn đổ nước xuống mặt đất ròng rã trong 40 ngày. Nước dần



dân dân lên ngập đồng bằng, núi non rồi cuối cùng nhấn chìm tất cả. Chỉ có thuyền của Nôê là bồng bềnh trên nước lớn mênh mông...

Đây là truyền thuyết về trận đại hồng thủy từ xưa trong lịch sử từng khiến cho nhân loại phải một phen nguy khốn.

Khu vực Trung Á cổ đại có đồng bằng Mesobudama màu mỡ, đây chính là đất dựng nghiệp của nền văn minh Sumel. Vùng đất văn minh nhưng đầy bí ẩn này từng sinh ra một vị quân vương là Giwgmesi. Trên mảnh đất nung có từ cách đây 3000 năm mà các nhà khảo cổ học đã khai quật được từ khu vực này có ghi lại chuyện vua Giwgmesi được vua cha là Mesobudamia kể cho nghe về trận đại hồng thủy.

Không riêng ở Trung Á, ở Hittie (một quốc gia cổ gần Ai Cập cổ xưa) cũng tồn tại truyền thuyết về trận đại hồng thủy. Khu vực này cả về vị trí địa lý và văn hóa đều bị ngăn cách với phạm vi ảnh hưởng của đạo Do Thái và đạo Cơ Đốc, nhưng dân cư tại đây cũng có truyền thuyết về trận đại hồng thủy ở cuối thời kì Thái Dương đệ tứ, được ghi chép như sau: Mưa lớn ập xuống, núi non nổ tung dữ dội, mặt đất nơi nơi là biển cả, núi cao chìm trong bể nước, nhân loại đều biến thành tôm cá...

Theo truyền thuyết của người dân Trung Mỹ, trên toàn thế giới có hai người thoát khỏi trận đại hồng thủy, họ là một cặp vợ chồng. Người chồng là Gakstry, người vợ là Suchiquace. Họ được thần báo mộng trước, đóng được một con thuyền lớn trôi nổi đến một ngọn núi cao. Sau khi cơn hồng thủy qua đi, hai vợ chồng ra khỏi thuyền, định cư tại đất đó, sinh con đẻ cái...

Người Anh Diêng ở Mỹ có một bộ sách linh thiêng được họ coi là vận mệnh của mình là “Ba Ba vũ”, trong đó có ghi chép trận đại hồng thủy do thiên thần nổi giận đã trừng phạt loài người. Sách giảng về chuyện thiên thần ngay từ khi mới sáng tạo ra trời đất đã tạo ra con người. Tuy nhiên đây là thử nghiệm thất bại. Thiên thần mới đầu dùng ngọn cây đẽo thành hình người, rồi hóa phép làm cho họ có thể mở miệng nói năng. Một vài người gỗ này sau đó đã mãi vui, nhân đó mà quên mất sự tồn tại của đấng chúa tể sáng tạo ra

vạn vật. Thiên thần quyết định dấy lên một trận đại hồng thủy để hủy diệt loài người vô ơn.

Tại Mỹ, những người Anh Diêng thuộc hai tộc Pin bang California cũng có truyền thuyết về hồng thủy. Bộ thần thoại nổi tiếng thế giới - thần thoại Hy Lạp cũng mô tả về đại hồng thủy. Còn truyền thuyết của Ai Cập, Ấn Độ thì miêu tả về trận đại hồng thủy này lại càng li kì hơn nữa.

Trong kí ức của nhân loại được phản ánh qua thần thoại, trận đại hồng thủy này thật là nghiêng trời ngấp đất vô cùng dữ dội. Căn cứ vào thống kê của các chuyên gia thì có hơn 50 thần thoại, truyền thuyết kể về đại hồng thủy. Trong đó phần lớn rất rõ ràng, mạch lạc, tự sự hoàn chỉnh. Vả lại, qua khảo chứng thì tuyệt đại bộ phận các truyền thuyết về đại hồng thủy được hình thành độc lập, là văn hóa truyền miệng thuần túy của mỗi dân tộc, hoàn toàn không liên quan gì đến các nền văn hóa chủ đạo (văn hóa viết, văn hóa thành văn) của nhân loại. Chuyện này có không ít điểm khó lí giải. Những bộ thần thoại mà đa phần có tính bi tráng này mỗi dân tộc do tổ tiên truyền lại không giống nhau nhưng đều bảo tồn một cách hoàn hảo những kí ức về trận đại nạn mang tính chất toàn cầu với thế giới cổ đại, chỉ ra mối đồng cảm đời đời kiếp kiếp của nhân loại trong công cuộc chinh phục tự nhiên.

Vì sao tuy những thần thoại này được sản sinh những nền văn hóa khác nhau mà các câu chuyện lại có thể

giống nhau đến khó tin như thế? Vì sao thần thoại này lại có thể chan chứa tính cộng đồng, bên cạnh đó lại có những tình tiết và nhân vật điển hình giống nhau đến vậy? Giả sử thần thoại này đúng là kí ức của nhân loại thì vì sao không có một tài liệu lịch sử nào đề cập đến trận đại nạn trên toàn cầu này?

Liệu có khả năng trận đại hồng thủy là có thật vì những thần thoại ít nhiều đều in bóng dáng của lịch sử? Câu chuyện về đại hồng thủy trong thần thoại đó có thể là sáng tác của một số người về việc lớn xảy ra từ thời viễn cổ trên quy mô toàn nhân loại để lưu truyền cho hậu thế? Thần thoại mà chúng ta vừa đề cập đến rốt cuộc có nội hàm gì? Nó đã gọi cho chúng ta thật nhiều giả thiết và hoài nghi?

Có nhà khoa học mạnh dạn đưa ra một cách nghĩ: Trận đại hồng thủy có phải là một công trình chưa rõ tên nhằm chuẩn bị trước cho sự tồn tại của toàn nhân loại hay không? Sự thành công hay thất bại của kế hoạch này thì ông ta không dám chắc. Nhưng xuất phát điểm của kế hoạch này không còn gì phải nghi ngờ nữa. Đó chính là mong muốn tránh tai họa, bảo vệ cuộc sống của hậu thế.

Giả thiết này đã chuẩn xác hay chưa? Có lẽ rất lâu sau người ta mới có thể dựa trên những chứng cứ đầy đủ, thuyết phục để lí giải về trận đại hồng thủy đã hàng ngàn năm nay bao phủ trong tiềm thức nhân loại như một màn sương bí ẩn.

BÍ ẨN VỀ MÂY ĐỊA CHẤN

MỘT SỐ NHÀ KHOA HỌC CHO RẰNG, CÓ NHỮNG Đám mây có hình thái nào đó LIÊN QUAN VỚI ĐỘNG ĐẤT, VÀ HỌ GỌI NHỮNG Đám mây này là MÂY ĐỊA CHẤN. NHỮNG Đám mây ĐỊA CHẤN này THỰC RA LÀ NHỮNG Đám mây BÌNH THƯỜNG mà CHÚNG TA VẪN THẤY TRÊN KHÔNG TRUNG. NHỮNG NHIỀU NGƯỜI CHO RẰNG, NHỮNG Đám mây ĐỊA CHẤN ĐỀU XUẤT HIỆN TRƯỚC KHI XẢY RA ĐỘNG ĐẤT.

Mỗi quan hệ của nó với những chấn động của động đất vô cùng phức tạp, khi thì xuất hiện trên bầu trời gần nơi xảy ra chấn động, khi lại cách xa nơi xảy ra đến hàng nghìn kilômét.

Nhìn từ góc độ dự báo động đất, việc nghiên cứu đặc điểm của những đám mây địa chấn, quy luật xuất hiện và mối quan hệ của nó với các trận động đất có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Cũng có một số nhà khoa học không tin có mây địa chấn. Họ cho rằng việc xuất hiện những đám mây đó và việc xảy ra động đất chẳng qua chỉ là sự trùng hợp ngẫu

nhiên. Vậy có mây địa chấn hay không? Nếu có, nó có mối quan hệ như thế nào với các trận động đất? Cơ chế hình thành của nó như thế nào? Đây đều là những vấn đề còn đang tranh luận.

NHỮNG ĐÁM MÂY ĐỊA CHẤN GÂY TRANH LUẬN

Ở Trung Quốc, năm Khang Hi thứ hai đời nhà Thanh (1663) có một cuốn sách “Long Đức huyện chí”. Đây là cuốn sách đầu tiên đã đề cập đến mối quan hệ giữa hình dạng đám mây và hiện tượng địa chấn. Trong cuốn sách này tác giả đã tiến hành tổng kết những điềm báo về động đất, trong đó có phần mục nói đến vấn đề mây địa chấn như: “những ngày nắng ấm, bầu trời trong xanh, bỗng thấy những đám mây đen như hình sợi, uốn lượn như hình con rắn dài, rất lâu mà không mất đi tất sẽ có động đất”. Do có sự hạn chế về trình độ khoa học kĩ thuật thời bấy giờ người ta không chú ý những ghi chép trong cuốn sách này.

Ở một nước láng giềng của Trung Quốc - nước Nhật Bản - có người từng nhìn thấy mây địa chấn. Người này không phải chuyên làm công tác về địa chấn mà là người bình thường đã từng làm thị trưởng của thành phố Nara, ông Kenyuchousaburou.

Vào ngày 28 tháng 8 năm 1948, ngài cựu thị trưởng Kenyuchousaburou lần đầu tiên phát hiện ra có một đám mây lạ - mây địa chấn, ông linh cảm rằng sắp xảy

ra động đất, liền thông báo tin này cho bà con họ hàng. Kết quả là ngày hôm sau xảy ra trận động đất ở Phúc Tỉnh. Về sau Kenyuchousaburou còn nhiều lần suy đoán sự vật hiện tượng động đất nhờ mây địa chấn. Ngoài ra ông còn căn cứ vào hình thái dị thường của mây, đã dự báo được trận động đất 6,7 độ richte tại thành phố vùng duyên hải Trung Quốc.

Việc quan sát mây địa chấn để dự báo động đất đã thu hút dự quan tâm chú ý của giới khoa học.

Đây là một phương pháp mới nên ông Kenyuchousaburou cũng gặp không ít khó khăn. “Hội phán đoán khu vực biển Đông và Ủy ban liên lạc dự báo địa chấn” là cơ quan cao nhất về dự báo địa chấn ở Nhật Bản. Các chuyên gia của hội này cho rằng phương pháp này chỉ làm cho xã hội hoang mang, không có bất cứ một giá trị khoa học nào. Giáo sư địa chất học Hagivara Sakytaro của Đại học Tokyo cho rằng những đám mây địa chấn đã được nhắc đến trong phương pháp này chỉ đơn thuần là trùng hợp ngẫu nhiên. Ngay cả các chuyên gia của Nhật Bản về địa chấn, phụ trách phòng khí tượng cũng phủ nhận những trận động đất mà ông Kenyuchousaburou dự đoán được. Ông cho rằng những trận động đất cách xa nước Nhật Bản, hay tận dưới đáy biển sâu hàng trăm nghìn mét, thì diềm báo của nó không thể nào xuất hiện ở trong tầng khí quyển, trên bầu trời Nhật Bản được.

MÂY ĐỊA CHẤN HÌNH THÀNH NHƯ THẾ NÀO?

Mây địa chấn là những áng mây xuất hiện trong không trung. Tại sao có người chỉ nhìn vào những áng mây bình thường mà phát hiện ra những đám mây có liên quan đến những trận động đất? Những áng mây có hình thái như thế nào thì có mối quan hệ với địa chấn?

Thời cổ đại Trung Quốc, ngoài cuốn “Long Đức huyện chí” ra, trong cuốn sách nổi tiếng “Trì bắc ngẫu đàm” ở phần “địa chấn”, lúc nói đến trận động đất 8,5 độ richter ở thành phố Sơn Đông vào ngày 25 tháng 7 năm 1668 có ghi: “Người dân Mộc Dương ở Hoài Bắc, Trung Quốc, ban ngày nhìn thấy một con rồng bay lên, mình vàng lông lánh. Lúc đó trời nắng đẹp không gợn mây”. Con rồng được nói ở đây xem ra cũng chính là đám mây hình con rắn dài, hình sợi được nhắc đến trong “Long Đức huyện chí”. “Đám mây đen như một sợi chỉ, mềm mại như con rắn dài, ánh mặt trời chiếu vào, càng lấp lánh ánh vàng. Trong sử sách cổ của Trung Quốc cũng đều ghi như vậy.

Những chuyên gia nghiên cứu địa chấn ở Trung Quốc phát hiện ra rằng, màu sắc của mây địa chấn rất phức tạp, nó nhiều lần xuất hiện với màu cam và vàng tươi, hay xuất hiện vào lúc rạng sáng hoặc sẩm tối, vuông góc với hướng xảy ra địa chấn. Nhiều người đã căn cứ vào quy luật này mà dự báo thành công vị trí của động đất. Nhà nghiên cứu địa chấn của Trung Quốc, ông Lã Đại

Quýnh đã tổng hợp được những đám mây địa chấn ở những phạm vi nhất định, đồng thời cũng vẽ được bản đồ nơi những đám mây địa chấn phân bố. Trên bản đồ này, ông xác định được hình chiếu trên mặt đất của những đám mây địa chấn, đồng thời cũng nhận định được vùng mà động đất có thể xảy ra.

Ngoài những đám mây địa chấn mang nhiều hình thù thường nhìn thấy, còn có một loại mây địa chấn xuất hiện dưới dạng chùm, tia. Dạng mây này từ một điểm hướng ra ngoài thành các tia, chủ yếu xuất hiện vào sáng sớm hay sẩm tối. Do mối quan hệ giữa chấn động và ánh sáng, những đám mây này có thể có những màu sắc khác nhau, trung tâm của chùm tia này nằm ở trên bầu trời của vùng có chấn động, do vậy từ một chỗ khác thường không nhìn thấy được toàn vẹn, mà chỉ nhìn thấy được vài dải mây hội tụ về hướng trung tâm. Loạt mây địa chấn này có thể có liên quan đến những trận động đất ở cự li gần.

Còn có một loại mây khác mà các nhà nghiên cứu địa chấn gọi nó là mây mang hình xương sườn. Bởi nó giống bộ xương sườn hoàn chỉnh được xếp lại, phân bố rộng về một hướng. Nó có thể là sự mở rộng hóa của đám mây mang hình rắn, nhưng cũng rất có thể là do kết quả của hai lần động đất đồng thời cùng hướng cùng tác động vào..

Năm 1923, Nhật Bản phát hiện ra một loại mây địa chấn kì quặc hơn, người dân ở Tokyo gọi là “mây yêu quái”.

Ngày 27 tháng 8 năm đó, giữa hòn đảo Shakuto và đảo Okinawa xuất hiện một vùng áp thấp càng ngày càng mạnh. Ba ngày sau thì hình thành cơn bão, di chuyển đến vùng Tây Nam Bộ, Cửu Châu. Cùng lúc đó, thành phố Nagoya cũng xuất hiện vùng áp thấp. Đến ngày 31 tháng 8, cơn bão đã san bằng cả vùng. Lúc này, trên bầu trời xuất hiện một màu đỏ kì quái, mặt trời hình như cũng to gấp đôi bình thường. Vào 10 giờ sáng ngày 1 tháng 9, trên bầu trời Tokyo xuất hiện những đám mây có hình thái đặc biệt. Phần giữa đám mây to và rộng, trông rất giống hoa màu gà đung đưa trong gió. Cơn bão di chuyển xuống phía bắc Tokyo, những đám mây kéo đến càng nhiều gió thổi càng mạnh, mưa và gió lớn trút xuống dồn dập. Sau đó gió bỗng nhiên chuyển hướng. Tokyo liền xảy ra trận động đất 8,3 độ richter, gần như hủy diệt toàn bộ Tokyo, Yokohama và rất nhiều thành phố ở xung quanh. Chỉ riêng ở Tokyo đã có gần 60 nghìn người tử vong. Những đám mây báo hiệu trước điều chẳng lành này lại bị gọi là “mây yêu quái”. Mây yêu quái là mây địa chấn chăng? Trước mắt vẫn chưa có nhiều ví dụ thực tế để tiến hành giải thích hiện tượng này.

TÌM KIẾM BÍ MẬT VỀ NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH CỦA MÂY ĐỊA CHẤN

Nhật Bản là một trong những nước ghi chép nhiều nhất về mây địa chấn. Do vậy những học giả Nhật Bản luôn dẫn đầu trong việc giải thích hiện tượng này.

Phó giáo sư Manabedal Kaku của trường Đại học Kyushu Nhật Bản cho rằng, trước khi động đất, ở trong lòng đất tích tụ một năng lượng rất lớn, làm cho nhiệt độ trong đất tăng cao, đồng thời làm tăng nhiệt độ không khí, khiến nó trở thành một luồng khí chuyển động lên cao khuếch tán vào tầng không khí có cùng nhiệt độ theo kiểu vòng tròn đồng tâm. Sự chuyển động và biến đổi về nhiệt độ này làm cho những đám mây mưa ở trên độ cao 1000m trở thành những đám mây địa chấn có hình thù giống như rơm rạ, mảnh và dài.

Trong lí luận giải thích của phó giáo sư Manabedai Kaku có một vài chỗ chưa được thỏa đáng, một nhà nghiên cứu địa chấn khí tượng của Trung Quốc đã đưa ra một số chất vấn đúng từ góc độ vật lí về khí quyển như sau:

Trước tiên, ở trên dòng đối lưu, tầng không khí có cùng nhiệt độ, khoảng cách so với mực nước biển là trên 10.000m. Ở độ cao này, thông thường dòng không khí không thể chuyển động tới được. Khi núi lửa phun cũng chỉ có thể làm cho luồng đối lưu của không khí chuyển động lên tới độ cao ở gần phần đỉnh của tầng đối lưu. Hơn nữa loại đối lưu với cường độ mạnh này thường sinh ra dạng đối lưu phát triển ra từ phương vuông góc như “hình tháp”, mang hình sợi dây mảnh dài nằm ngang, càng không thể giải thích được tại sao những đám mây hình sợi này lại vuông góc với phương xảy ra động đất.

Theo lí luận mây địa chấn cách vùng xảy ra động đất xa nhất là 3000m, Nhưng theo những thông tin có liên quan thì cho rằng, có người ở khoảng cách xa vùng chấn động vài triệu mét cũng nhìn thấy mây địa chấn, thậm chí có người ở cách xa nửa bán cầu cũng vẫn nhìn thấy mây địa chấn. Vậy điều này lại phải lí giải sao cho đúng? Và lại sự dẫn nhiệt của thạch nham trong lòng đất là vô cùng chậm, để nung nóng lớp đất đá ở độ sâu 10m ít nhất phải mất hàng năm. Vậy thì năng lượng đã hội tụ được ở trong lòng đất thông qua cơ chế nào để hâm nóng bầu khí quyển?

Từ những yếu điểm mà ông Manabedai Kaku gặp phải, ông Lã Đại Quýnh đã nghiên cứu và nhận thấy mây địa chấn không chỉ xuất hiện trên bầu trời khu vực xảy ra địa chấn, những vết nứt mà ứng lực tập trung. Khi những vết nứt vốn đã tập trung xa nơi động đất, những lực này tăng lên mạnh và truyền tới, ứng lực lại ngày càng được tập trung. Tác dụng của những lực mạnh từ những vết nứt là làm phát sinh sự cọ xát của thạch nham, tạo nên sự gia tăng nhiệt độ, vậy là dòng nhiệt dưới đất thông qua những vết nứt không ngừng trào lên mặt đất, đồng thời cũng dâng lên không trung, hình thành nên những dải mây địa chấn hình sợi.

Ông Lã Đại Quýnh còn nhận thấy, nhiệt độ của đất truyền lên thông khí không nhất thiết phải thông

qua dòng khí lưu từ những vết nứt trào ra mà còn có thể qua phương thức bức xạ (như tần số quá cao hay những tia hồng ngoại) làm gia tăng nhiệt độ những vi hạt trong không khí. Từ đó dẫn tới việc sản sinh ra những đám mây địa chấn hình sợi. Do những vết nứt đa phần đều vuông góc với phương mà những sóng do chấn động truyền tới, nên những đám mây địa chấn được sinh ra từ đáy cũng vuông góc với phương sóng chấn động của trận động đất truyền tới.

Vậy những trùn tia mây địa chấn được hình thành từ đâu? Ông Lã Đại Quýnh cho rằng: Do những chỗ có vết nứt giao hội với nhau tập trung cao độ những ứng lực chấn động, khi ứng lực suy giảm dần tạo nên khoảng cách, do vậy mới hình thành nên mây địa chấn dạng chùm tia xuất hiện trước các trận động đất.

Cách giải thích của ông Lã Đại Quýnh có rõ hơn về một vài đặc trưng của mây địa chấn song nó vẫn chỉ mang tính chất suy đoán mà thôi. Cho đến nay vẫn chưa có những căn cứ, số liệu kiểm tra thực tế. Những đám mây địa chấn cũng có thể được nhìn thấy xa cách hàng nửa vòng trái đất, nó còn có thể truyền những ứng lực đi hay không, điều này thật đáng nghi ngờ. Những trận động đất ở dưới đáy biển sâu, càng khiến cho người ta khó mà tin được là nó gây nên hiện tượng mây địa chấn.

Liên quan tới nguyên nhân hình thành của mây địa chấn, ngoài những giả thiết kể trên, vẫn còn một số người đưa ra những suy đoán từ một góc độ khác. Các nhà khoa học cho rằng trận động đất ở thành phố biển Liêu Ninh là do những quặng đồng tích tụ ở trong nước biển đã hình thành nên từ trường cảm ứng. Khi có động đất xảy ra ở xa hay gần, địa từ sẽ phát rõ rệt một cách khác thường, ảnh hưởng đến tầng đối lưu của bầu khí quyển, tiến tới sinh ra mây địa chấn. Còn có người cho rằng, năng lượng to lớn ở trong lòng trái đất sẽ làm cho những hoạt động mang điện theo các vết nứt trào ra với tốc độ cao. Đến một mức nào đó, những hạt này gặp những phân tử khí liên diện li thành các ion, khi các ion bão hòa thì từ nhân của các hạt này kết hợp với các hạt bụi thành các hạt sương. Ở trên đường mà những hạt tích điện này đi qua, sẽ xuất hiện mây địa chấn hình sợi. Còn có nhà khoa học lấy điện trường của những chấn động để giải thích về nguyên nhân hình thành mây địa chấn. Họ cho rằng mây địa chấn ở trên độ cao 3000m bị tác động của các chùm tia nhiệt ở dưới mặt đất rất ít, hơi vuông góc với dòng đối lưu, tầng mây ổn định để giữ được hình dạng. Đồng thời độ dày đặc của các ion này khá hơn, không ổn định dưới tác dụng của điện trường tĩnh tại vùng động đất, liền xếp lại thành hàng. Do đó hình thành nên những dải mây hình sợi phân bố ở cách xa hàng trăm nghìn mét, đó cũng chính là mây địa chấn.

Những ý kiến này, tuy là đưa ra được một số lời giải thích về sự hình thành của mây địa chấn, song đều thiếu căn cứ số liệu quan sát được, và cũng chưa vượt quá phạm vi suy đoán. Do vậy, có một số người trong giới học thuật có thái độ hoài nghi đối với mây địa chấn. Còn có người coi nó là hiện tượng tà thuật dị đoan, thực ra là không thừa nhận những giá trị khoa học của nó. Một chuyên gia địa chất đã nghiên cứu sự cấu thành của địa chấn từ nhiều năm nay, năm 1993, ông đã có bài báo, trong đó ông lấy những kinh nghiệm làm công tác địa chất mấy chục năm của mình cùng với những nghiên cứu về những tư liệu về trận động đất ở trong và ngoài nước, để phủ định về mây địa chấn. Ông cho rằng việc xảy ra động đất và những đám mây trên trời không có một mối liên quan nào cả. “Những đám mây địa chấn” đã được đưa ra đời thiếu căn cứ thực tế, có trường hợp thì là sự trùng hợp ngẫu nhiên, có trường hợp lại có phần bịa đặt.

Trận động đất nổi tiếng năm 1976 ở Đường Sơn đã không cho các nhà làm công tác địa chấn thấy hiện tượng dị thường nào trong lúc động đất, càng không thể nói đến “mây địa chấn”. Vậy thì mây địa chấn có thực không? Nó hình thành như thế nào? Đó đều là những bí ẩn mà hiện nay chưa có câu trả lời chính xác.

NHỮNG ÁNH SÁNG BÍ ẨN

“MA TRƠI” CÓ PHẢI LÀ ÁNH LÂN TINH HAY KHÔNG?

Nói đến “ma trời” là chúng ta sẽ tưởng tượng ngay đến những khu mộ nằm ngoài những cánh đồng hoang: “Trong đêm đen, những đốm lửa lập lòe có đuôi lang thang rong chơi từ chỗ này sang chỗ khác, thoát ẩn thoát hiện”. Giải thích về hiện tượng “ma trời” thì hầu hết các nhà khoa học đều cho rằng đó là ánh lân tinh (ánh lửa phốt pho). Phốt pho là nguyên tố hóa học do nhà luyện kim người Đức Habergh phát hiện ra. Theo ý nghĩa gốc của Hy Lạp thì phốt pho chính là “ma trời”, hơn nữa “ma trời” có thể được tạo ra trong phòng thí nghiệm. Cách làm là cho vào trong lọ thí nghiệm phốt pho trắng và dung dịch hydro kali, sau khi đun nóng ở miệng lọ thủy tinh có khí bốc lên, trong phòng thí nghiệm sẽ có mùi rất khó chịu. Lúc này lấy vải đen che ngay cửa sổ lại sẽ thấy từ miệng lọ thủy tinh liên tục xuất hiện các vòng tròn sáng, màu xanh, nhạt lơ lửng trong không trung. Đó chính là “ma trời”.

Nhưng “ma trời” có đơn thuần là chỉ lân tinh hay không? Qua nhiều năm nghiên cứu, các nhà khoa học và

những người quan tâm đến lĩnh vực này chứng minh được rằng “ma trời” không chỉ xuất hiện ở các nấm mộ ngoài cánh đồng mà còn xuất hiện ở các làng xã tập trung khá đông dân cư và trên các đường phố của các đô thị sầm uất. Ở các nấm mộ ngoài đồng hoang hay ở những nơi có xác động vật chết chứa nhiều phốt pho. Nên phốt pho lại bị oxy hóa tạo thành “lửa trời”. Hiện tượng này dễ giải thích khi xuất hiện ở những nghĩa địa, nhưng “ma trời” xuất hiện trong thành phố thì vấn đề không đơn giản như trên nữa. “Ma trời” có thể được chia thành 4 loại: hình cầu lửa, hình kỳ quái khó xác định, hình lò lửa, hình cột lửa. Trong số đó thì 90% thuộc hai loại đầu với đường kính từ 50cm trở xuống, kéo dài trong khoảng 8 giây. Màu sắc “ma trời” cũng không giống nhau nhưng màu trắng và màu da cam là phổ biến nhất, cũng có khi là màu đỏ của lửa và có loại còn có ánh sáng chói mắt. Thời gian “ma trời” xuất hiện thường vào các đêm tháng 7, tháng 8, trong những ngày trời trong không mây. Thế thì loại “ma trời” này không phải là tia chớp điện trong những ngày mưa bão như một số người đã nói. Ngoài ra, có người lại cho rằng việc xuất hiện các đốm lửa là do một số vật chất không xác định trôi nổi trong vũ trụ gây nên.

Tóm lại “ma trời” chỉ là bí ẩn được truyền miệng từ lâu nhưng vẫn chưa hoàn toàn được lý giải và các nhà khoa học đang cố gắng không ngừng để tìm ra ẩn số.

BÍ MẬT GIÓ LỐC

GIÓ MƯA VỐN LÀ HIỆN TƯỢNG VÔ CÙNG BÌNH THƯỜNG SONG CÓ MỘT SỐ CƠN GIÓ VÀ TRẬN MƯA LẠI RẤT KÌ LẠ. NĂM 1954, TẠI CẢNG DARWIN Ở MỸ ĐÃ CÓ MỘT TRẬN MƯA MÀU XANH DA TRỜI VÀO BUỔI ĐÊM.

Năm 1933, ở một nơi cách thị trấn Calinovo không xa về phía đông, rất nhiều sứa biển đã rơi xuống trong một trận mưa bão. Ở rất nhiều nước cũng thường xảy ra những hiện tượng tương tự, thường là vào một ngày trời trong xanh, từ trên trời bỗng rơi xuống rất nhiều hạt lúa mạch, cam, táo có khi còn có cả ếch và cá rơi xuống theo những hạt mưa... Những hiện tượng này khiến những người chứng kiến vô cùng kinh ngạc. Nhưng thực ra đây đều là hiện tượng đột biến của gió lốc.

Gió lốc xảy ra trên mặt nước thì gọi là “vòi rồng nước”, nếu xảy ra trên vùng đất liền thì lại gọi là “vòi rồng trên lục địa”. Nhìn bề ngoài những cơn gió lốc rất kì lạ, phía trên là một đám mây đen hoặc xám xịt, phía dưới rủ xuống một dải mây hình cái phễu. Các cơn gió

lốc có đặc điểm “nhỏ, nhanh, mạnh, ngắn”. Đường kính của vòi rồng nước từ 25 đến 100m. Đường kính vòi rồng trên lục địa không quá 100 - 150m. Tốc độ gió theo suy đoán của các nhà khoa học từ các trận gió lốc đã từng xảy ra thì thường đến 100m/giây, có khi lên tới 300m/giây, nhanh hơn tốc độ truyền âm thanh, vì vậy gió lốc đến đâu là ở đó đổ vỡ. Nó như chiếc máy hút bụi khổng lồ, đi qua mặt đất và hút tất cả mọi thứ. Khi gió lốc qua vùng dự trữ nước, vùng nước chảy, nó sẽ cuốn lên những cột nước cao ngút trời, có khi còn để lộ cả đáy biển. Đồng thời, gió lốc lại rất ngắn, thường chỉ mấy phút hoặc mấy chục phút. Nó chỉ chuyển động trong vòng mấy chục mét đến 10km là đạt mức xa nhất rồi.

Những trận gió lốc đột ngột đến rồi đi thường gây nên những thiệt hại nghiêm trọng về người và của. Bình quân mỗi năm trên toàn cầu xảy ra hơn 1000 cơn gió lốc, trong đó trên 50% là xảy ra ở Mỹ. Ngày 3 tháng 4 năm 1974, miền nam nước Mỹ đã xảy ra một trận gió lốc, tốc độ gió từ 100 hải lí/giờ tăng lên đến 300 hải lí/giờ; cuốn đi và làm thiệt mạng 329 người, làm hơn 4000 người bị thương, hơn 24000 gia đình chịu tổn hại với nhiều mức độ khác nhau, ước tính tổn thất 700 nghìn đô la Mỹ.

Chính sự nguy hại của các trận gió lốc mà các nước đều rất coi trọng việc nghiên cứu gió lốc nhưng bí ẩn về sự hình thành và tiến triển của nó vẫn chưa thể giải thích được triệt để.

Sự hình thành gió lốc thường liên quan đến hiện tượng cường đối lưu ở những vùng chịu nhiệt độ cao, nhưng hiện tượng cường đối lưu không hẳn sẽ xảy ra gió lốc giống như hiệu ứng “bơm hút chân không”. Trước đây ông Victor Gusin - học giả Liên Xô đã đưa ra lí luận mới về nguyên nhân, tạo nên lực hấp dẫn trong của gió lốc là: Khi bầu khí quyển có độ ẩm cao hơi nước tích tụ nhiều thì bên trong nó nhanh chóng biến thành mây mưa. Trong khi đó một lượng lớn không khí phía trên đã biến thành trạng thái lạnh và nhanh chóng chuyển động, cùng lúc đó dòng khí xung quanh dồn nén lại hình thành xoáy nước khổng lồ. Ở chỗ nước xoáy, dòng không khí chuyển động lên trên theo đường xoáy tròn ốc, phía trong hình thành một không gian nhỏ, không khí ở đó nhanh chóng chuyển thành hơi nước ngưng đọng ở thể lạnh. Đây chính là nguyên nhân tại sao mọi người quan sát thấy dải mây dày đặc như sương khi có gió lốc. Nhưng vấn đề là vào mùa đông hoặc ban đêm ở một số nơi không có hiện tượng cường đối lưu hoặc mưa bão mà gió lốc cũng thường xảy ra. Điều này thật khó lý giải.

Hơn nữa gió lốc vẫn còn có một số “hành vi kì lạ” làm cho mọi người khó nắm bắt là, nó có thể cuốn chặn bát từ chỗ này sang chỗ khác nhưng không hề làm vỡ bất kì chiếc bát nào. Có những người bị cơn lốc cuốn lên không trung “thất kinh hồn vía” sau đó lại được thả xuống mặt đất một cách an toàn. Gió lốc đi qua các dãy

nhà thường chỉ cuốn nóc nhà và kéo đi xa khoảng hai ba mét. Chính vì vậy mà tất cả mọi đồ đạc trong nhà vẫn được giữ nguyên không hề tổn hại. Có khi nó làm đổ hàng loạt cây tùng có tuổi thọ hàng trăm năm nhưng những cây dương nhỏ ở lân cận thì đến một chiếc cành nhỏ cũng không hề bị gãy.

Ở bang Oklahoma nước Mỹ còn xảy ra một hiện tượng kì lạ như thế này: Hai con ngựa kéo theo một chiếc xe to, người điều khiển ngựa ngồi phía sau, do thời tiết hiu hiu nên ông ấy đã ngủ gật. Bỗng có tiếng vang làm ông tỉnh lại, sau khi dụi mắt mới biết, hai con ngựa và một chiếc càn xe đã không cánh mà bay từ lúc nào?

Hai vợ chồng tại một vùng nông thôn thuộc bang Oklahamo cũng gặp phải chuyện tương tự. Năm 1950, vào một ngày trời trong xanh mùa hè, họ đang nằm nghỉ trên giường, bỗng một tiếng vang đinh tai làm họ thức giấc. Họ tỉnh dậy, nhìn xung quanh và hết sức kinh ngạc. Họ đang nằm trên một cánh đồng hoang vu, xung quanh không nhà cửa, cũng không có gia súc. Chỉ có một chiếc ghế. Bên cạnh giường vẫn còn (cách họ chừng 10m), chồng quần áo ngay ngắn trên đó.

BÍ ẨN CỦA ĐẠN ĐẠO SINH HỌC

TRONG CHIẾN TRANH VÙNG VỊNH ĐÁ ĐIỂN
RA TRẬN CHIẾN TÊN LỬA KHIẾN CẢ THẾ
GIỚI PHẢI CHÚ Ý. ĐIỀU ĐÓ CHỨNG MINH
RẰNG, TÊN LỬA ĐỐI KHÔNG ĐẠN ĐẠO LÀ
MỘT VŨ KHÍ KHÔNG THỂ THIẾU TRONG
CHIẾN TRANH HIỆN ĐẠI.

Có thể bạn không biết rằng, trong lĩnh vực y học cũng có một loại tên lửa đạn đạo, bên trong đầu đạn có chứa những vi sinh vật có khả năng sát thương con người với độ chuẩn xác cao. Đó là tên lửa đạn đạo sinh học. Những tên lửa đạn đạo sử dụng trong chiến tranh sở dĩ có thể đánh trúng mục tiêu chính xác như vậy là vì trên đầu đạn của nó có lắp đặt hệ thống hướng đạo mục tiêu hiện đại. Theo báo cáo của các chuyên gia: một quả tên lửa đạn đạo có thể đánh trúng mục tiêu cách xa hàng nghìn cây số. Phạm vi sai lệch cũng không quá 15m. Loại kỹ thuật tiên tiến này đáng tiếc lại bị lạm dụng cho mục đích sát thương loài người. Về nghiên cứu hệ thống hướng đạo tên lửa sinh học, điều quyết định sự lợi hại của tên lửa này chính là lượng sinh

khuẩn có chứa bên trong đầu đạn. Chúng ta đều biết bệnh ung thư là một trong tứ chứng nan y của y học thế giới. Chính vì thế, các tế bào ung thư rất khó chữa trị, chúng thường nằm sâu trong cơ thể con người, có khả năng chống trả các phương pháp trị liệu.

Theo phát hiện trong quá trình nghiên cứu của các nhà khoa học, nếu như lấy ra một phần số lượng tế bào ung thư mầm trong cơ thể người, cấy ghép vào cơ thể chuột thì một thời gian sau, các tế bào sinh sản rất nhanh, biến đổi phức tạp hơn khiến cho các tế bào ban đầu bị biến dạng các đặc tính vốn có. Lúc này, các nhà khoa học đã kết hợp chúng với thuốc kháng ung thư, khi quay lại cơ thể người đã nhanh chóng phát triển trở lại bộ phận vị trí tế bào sinh trưởng trước kia, đồng thời kết hợp với thuốc kháng ung thư trong cơ thể người. Lúc này, thuốc kháng ung thư, được giải phóng hoàn toàn bắt đầu diệt bỏ các tế bào ung thư. Các tế bào bị lấy ra ban đầu này, sau khi bị lấy ra cấy ghép vẫn còn khả năng nhận biết “người thân” rất cao.

Tên lửa đạn đạo sinh học với tư cách là một sản phẩm khoa học, phát triển mới trong lĩnh vực y tế sinh học thu hút đông đảo giới khoa học tham gia. Hiện tại một số quốc gia có nhiều cơ quan ban ngành tích cực tham gia nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi vào thí nghiệm lâm sàng. Hy vọng con người khi chế tạo ra loại đầu đạn sinh học này nên nghĩ đến ứng dụng vào lĩnh vực cứu người trị bệnh.

HIỆN TƯỢNG PHÓNG ĐIỆN KỶ LẠ

TRÊN THẾ GIỚI CÓ RẤT NHIỀU QUỐC GIA
ĐÃ PHÁT HIỆN RA HIỆN TƯỢNG PHÓNG
ĐIỆN KỶ LẠ. HIỆN TƯỢNG PHÓNG ĐIỆN
NÀY TẠO RA SỰ PHÁ HOẠI NHẤT ĐỊNH VÀ
CHO ĐẾN NAY VẪN CHƯA CÓ LỜI GIẢI
THÍCH THỎA ĐÁNG.

Vào buổi sáng một ngày tháng 1 năm 1817, tại rất nhiều nơi trên dãy núi Zussan nước Mỹ có thể nhìn thấy hiện tượng phát sáng trong tầng khí quyển. Nó giống như ánh sáng của nến, xuất hiện thường xuyên, có đầu nhọn. Những người đang đi đường đột nhiên thấy nó này trên đầu mình, hoặc bị bao vây bởi loại ánh sáng yếu hơn ánh sáng mặt trời. Người đi đường chỉ cần giơ tay ra thì ánh sáng giống như được phát ra từ ngón tay.

Một ngày tháng 12 năm 1894, tại bang Massachusetts vùng Laximi nước Mỹ cũng xảy ra một hiện tượng phóng điện kỳ lạ. Khoảng 10 giờ sáng hôm đó xuất hiện trận mưa hiếm thấy, kéo dài tới 7 giờ tối. Khi sức gió mạnh nhất khiến người ta cảm nhận được có tồn

tại dòng điện. Có một số hàng rào buộc bằng dây thép bị bốc cháy. Có người vì đụng phải vật kim loại mà bị sét đánh. Ngày 3 tháng 3 năm 1964, tại thành phố Tucson thuộc bang Arizona của Mỹ cũng gặp phải một trận bão tuyết hiếm thấy bởi trong trận bão tuyết ấy đã xảy ra hiện tượng phóng điện. Trong cả trận bão tuyết đó trên bầu trời của thành phố này không ngừng xuất hiện hiện tượng chớp lóe sáng, thời gian mỗi lần cách nhau khoảng 15 - 20 giây. Lần phóng điện này có rất nhiều đặc điểm kỳ lạ, khác thường, hiện tượng lóe sáng xuất hiện đơn lẻ, không giống như hiện tượng lóe sáng thường thấy, cũng không mạnh như chớp. Ngoài ra, khi ánh sáng đó xuất hiện, không hề có tiếng sấm nào. Đồng thời cũng không phát hiện ra bất kỳ mối quan hệ nào giữa chúng với sự nhiễu sóng tĩnh điện trong vô tuyến điện. Tia chớp này rất gần mặt đất, nó chiếu ánh sáng vào những hạt tuyết đang rơi và vào những đám mây tầng quanh nó.

Ngày 11 tháng 5 năm 1971, trên một phiến thạch cao nằm trên một cồn cát tại vùng Persha, phía đông nam bang New Mexico nước Mỹ, người ta cũng phát hiện ra một hiện tượng phóng điện rất thú vị. Hiện tượng này do gió lớn tạo ra, khi gió mạnh làm bụi mù trời, trong phạm vi mấy mét từ cồn cát đó, có thể nhìn thấy hiện tượng hoa lửa. Những bông hoa lửa này vươn dài lên trên, không thể nhìn thấy chúng sẽ ra như thế

nào. Thông qua máy móc, phát hiện ra độ lên xuống của điện trường thay đổi rất mạnh.

Đối với hiện tượng phóng điện kỳ lạ này, mọi người đưa ra rất nhiều cách giải thích:

Vụ phóng điện năm 1971 tại New Mexico, đã có người phân tích là do dòng điện chạy qua một luồng điện tích, dẫn tới sự tương ứng của mật độ điện tích đột ngột xuất hiện trong không khí.

Đối với việc phóng điện tại Arizona năm 1964, người ta giải thích như sau: Trên những hạt tuyết ẩm ướt tồn tại một khoảng cách nhỏ có mang theo điện tích, khi mưa bão, điện tích tụ lại hình thành nên hiện tượng phóng điện này.

Nếu muốn có lời giải thích hợp lý về các hiện tượng phóng điện này thì cần phải tìm kiếm thêm nhiều bằng chứng thuyết phục nữa.

BÍ ẨN VỀ BẢN CHẤT CỦA THỜI GIAN

THỜI GIAN LÀ GÌ? CÁC NHÀ VĂN THÌ NÓI THỜI GIAN LÀ VỊ QUAN TÒA THIẾT DIỆN VÔ TƯ, CÒN CÁC NHÀ DOANH NGHIỆP THÌ NÓI THỜI GIAN LÀ VÀNG BẠC, CÁC NHÀ CHÍNH TRỊ LẠI CHO RẰNG THỜI GIAN LÀ SINH MẠNG... MỖI NGƯỜI CÓ CÁCH NÓI VỀ THỜI GIAN THEO TÌNH CẢM CỦA MÌNH. CHỈ CÓ CÁC NHÀ KHOA HỌC MỚI CÓ NHỮNG NHẬN XÉT LÝ TRÍ VÀ CÔNG BẰNG NHẤT VỀ THỜI GIAN.

Các nhà khoa học đã nhận ra hai đặc tính quan trọng về thời gian cụ thể là tính xung (tính khả nghịch) và tính phá khuyết (tính bất khả nghịch). Đối với thời gian tính xung được bắt nguồn từ học thuyết lực hấp dẫn của Newton. Theo quan điểm thời gian này thì hiện tại, quá khứ hay tương lai chẳng có gì khác biệt nhau cả, như sự vận động xoay tròn của trái đất, kim đồng hồ chạy đi chạy lại, khí hậu xuân hạ thu đông tuần tự từ năm này sang năm khác.

Giữa thế kỷ XIX, Kainwen (người Anh) đã phát hiện ra nhiệt lực học của định luật 2. Theo định luật này thì vật chất và năng lượng dựa vào sự chuyển biến của phương hướng để tận dụng tới mức không thể tận dụng được nữa, từ hữu hiệu đến vô hiệu, từ trật tự tới không còn trật tự. Như than sau khi đốt, trở thành tro không còn nhiệt nữa và còn thải ra không khí một loại khí độc là cacbon dioxit. Thời gian ở đây có nghĩa là phá huỷ của tính xung. Vạn vật trong vũ trụ từ giá trị nhất định và kết cấu ban đầu không thể đổi lấy sự phát triển hoang phí và hỗn loạn, giá trị thời gian và kết cấu không giống. Định luật 2 tiết lộ một loại thời gian thoái hóa phi đối xứng.

Thuyết tiến hóa phát hiện ra tính đối xứng trong thế giới sinh vật và xã hội loài người đã tạo ra quan điểm về tiến hóa thời gian. Darwin cho rằng các sinh vật trên khắp thế giới đang trong quá trình không ngừng tiến hóa, từ đơn giản đến phức tạp, từ hình thức thấp của sự sống tới hình thức cao của sự sống, từ kết cấu không khác biệt tới kết cấu hoàn toàn khác nhau. Các Mác nhận thấy, xã hội loài người là tiến dần từ thấp lên cao, giai đoạn phát triển càng ngày càng hoàn thiện. Đối chiếu với thuyết thoái hóa, những phát hiện của thuyết tiến hóa làm người ta lạc quan hơn. Theo dòng chảy của thời gian, vũ trụ ngày càng hoàn thiện, không ngừng phát triển tới trình độ cao hơn.

Từ cuộc sống của con người, ta mơ hồ thấy được hình ảnh thu nhỏ của tính tiến hóa, tính đối xứng và tính thoái hóa của thời gian. Quá trình từ khi trứng nước cho tới khi trưởng thành, các tổ chức bên trong cơ thể phát triển từ đơn giản tới phức tạp. Từ lúc tách khỏi cơ thể mẹ tới tuổi thành niên (khoảng 20 - 30 tuổi), các cơ quan của con người dần dần phát triển hoàn thiện các chức năng. Từ tuổi thành niên tới khoảng 40 tuổi, chức năng của các bộ phận trong cơ thể cơ bản là không thay đổi. Sau đó, chức năng của các cơ quan ấy dần dần bị lão hóa.

Giữa những năm 70 của thế kỷ XX, thông qua quá trình nghiên cứu lâu dài và sự quan sát tỉ mỉ về hiện tượng tự tổ chức, ông Bulifali đã đưa ra lý luận kết cấu “hao rời”. Theo lý luận này thì tính khả nghịch là thời gian cụ thể có cơ sở của tính đối xứng, tính bất khả nghịch là bản chất của thời gian tiến hóa và thời gian thoái hóa, quá trình thay đổi của một hệ thống không cân bằng (hệ thống nhiệt độ và trạng thái tùy theo sự thay đổi của thời gian, hệ thống này cùng với sự tồn tại ở thế giới bên ngoài giống như quang cảnh hùng vĩ về sự chuyển động của các hạt nhiệt), dùng cách miêu tả của một lý luận trong số học. Một hệ thống không cân bằng (bất luận là hệ thống sinh vật hay hệ thống phi sinh vật) trải qua sự tiến hóa A, B đến C, giải thích trạng thái C cần phải hiểu được trạng thái A và B. Thứ tự

trạng thái, kết cấu C so với A và B có phần tỉ mỉ hơn, cao cấp hơn (tiến hóa) cũng có thể đơn giản hơn, cấp thấp hơn (thoái hóa). Bulifali đã định lượng thống nhất như thế này để giải thích về tính tiến hóa và thoái hóa của thời gian. Mô hình vụ nổ lớn những năm 40 của thế kỷ XX và mô hình nở rộng ra (những năm 80) tiết lộ rằng thời gian là thước đo có tính đối xứng trong vũ trụ; khoảng 20 tỉ năm trước, vũ trụ còn là một điểm không giới hạn về trọng lượng, một vụ nổ lớn, trải qua 20 tỉ năm giãn nở mới hình thành nên vũ trụ ngày nay và vẫn không ngừng giãn nở. Trong lĩnh vực hạt cơ bản, nhà khoa học Mỹ là Kerony và Phily đã phát hiện ra hiện tượng tự phát phá khuyết trong tính đối xứng của thời gian (năm 1964). Trong quá trình thay đổi giới tử C, phản xạ, không gian và điện tích đối xứng cũng thay đổi, từ đó thấy rõ tính đối xứng tự phát phá khuyết. Einstein cho rằng thời gian chỉ là cảm giác chủ quan của con người mà thôi. Ông nói: “Đối với những nhà vật lý có tính kiên định như chúng tôi mà nói thì sự khác biệt giữa quá khứ, hiện tại, tương lai chỉ là một ảo giác, ảo giác này không hề thay đổi trong thời gian dài”. Quan điểm này có phần thiên lệch, nếu nói như trên thì thời gian mang tính khách quan (sự vật phát triển, thoái hóa hay bất biến là khách quan). Nhưng không thể phủ nhận thời gian có quan hệ tới con người (tính chủ quan). Làm rõ bản chất cuối cùng của thời gian là nguyện vọng lớn nhất của các nhà khoa học.

BÍ MẬT VỀ PHẢN LỰC HÚT THÂN KỲ

CÓ HAI LOẠI ĐIỆN TRƯỜNG MÀ CHÚNG TA
CÓ THỂ CẢM NHẬN ĐƯỢC SỰ TỒN TẠI
CỦA CHÚNG NHỜ LỰC TÁC DỤNG LÊN CÁC
VẬT MANG ĐIỆN KHÁC ĐẶT TRONG ĐÓ.
ĐÓ LÀ LỰC HÚT VÀ ĐIỆN TRƯỜNG.

Trong hai loại từ trường này thì lực hút yếu hơn điện từ trường rất nhiều. Một điện tử do điện từ trường sinh ra mạnh hơn điện tử do lực hút sinh ra khoảng 4 tỉ lần.

Nhìn trên bề mặt thì thấy lực hút rất mạnh. Tiêu biểu như lực hút của tâm Trái đất luôn hút mọi vật thể trên bề mặt Trái đất về hướng nó (trọng lực). Đó chính là sự cộng hưởng từ lực hút của tất cả các phần tử cấu tạo nên tâm trái đất, từ đó mới tạo ra lực hút tổng thể lớn như vậy.

Còn ở điện trường - trường tổng hợp của từ trường và điện trường biến thiên thành, lực hút do điện từ trường sinh ra nếu được phân tán cũng sẽ mạnh như lực hút. Nhưng tại sao cảm giác của chúng ta về điện từ trường lại

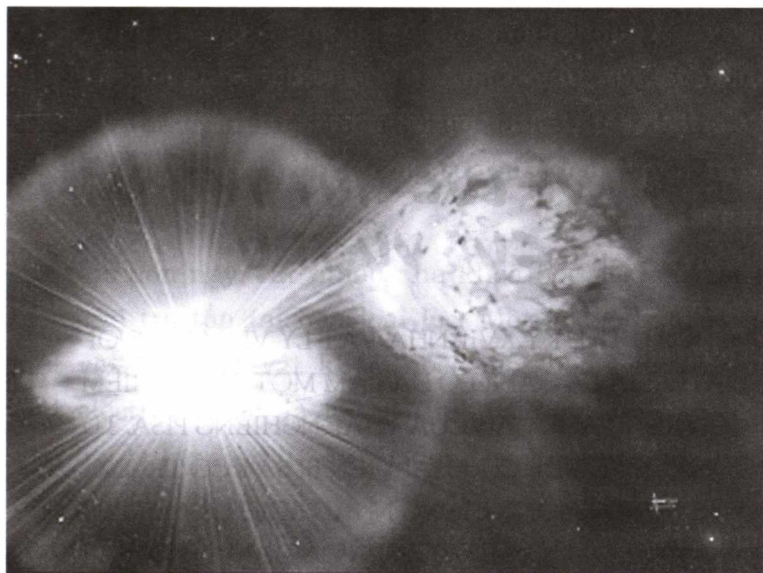
không rõ ràng như cảm giác về lực hút? Bởi vì hai lực này không giống nhau. Điện tích có hai loại là điện tích dương và điện tích âm. Do đó, điện từ trường có thể có tác dụng hấp dẫn (giữa điện tích dương và điện tích âm), cũng có thể có tác dụng đẩy (giữa hai điện tích cùng dương hoặc cùng âm). Trên thực tế, nếu như trong một thể tích to lớn như trái đất chỉ có 100 triệu các hạt điện tử thì chúng sẽ đẩy lẫn nhau, phân tán khắp nơi.

Do tác dụng của lực hấp dẫn và lực đẩy của điện từ, làm cho điện tích âm và điện tích dương lẫn vào nhau, như vậy hiệu ứng của hai loại điện tích này sẽ được trung hòa lẫn nhau.

Nhưng lực hút chỉ sinh ra giữa các vật có khối lượng. Mỗi một vật thể có trọng lượng đều có thể hút các vật thể có trọng lượng khác, khi trọng lượng tăng lên lực hút cũng tăng lên, chúng không thể cân bằng được.

Nếu như một vật thể có trọng lượng nào đó có thể đẩy được một vật thể có trọng lượng khác, với cường độ và phương thức tương tự như lực hút lẫn nhau của chúng trong điều kiện bình thường thì chúng ta sẽ có được phản lực hút, hay còn gọi là lực hút phụ.

Trên thế giới tồn tại một loại “phản hạt” (phản vật chất), mọi tính chất đều giống với các hạt bình thường, duy chỉ có điện tích mà chúng sinh ra là ngược với các hạt bình thường. Ví dụ, nếu như 1 hạt nào đó có điện tích âm,



Phản vật chất.

phản hạt tử tương ứng sẽ là điện tích dương. Có lẽ phản hạt tử cũng có lực hút tương phản. Hai phản hạt tử sẽ hút lẫn nhau giống như các hạt bình thường khác nhưng một phản hạt tử lại không đẩy được một hạt bình thường.

Điều phức tạp ở đây chính là lực hút quá yếu, chỉ có vật thể có trọng lượng lớn mới có thể phát hiện ra lực hút. Còn những lực hút của các hạt cơ bản và hạt phản thì không thể phát hiện ra. Trọng lượng lớn có thể cấu thành các hạt phổ thông nhưng chưa đủ để các phản hạt tử kết nối lại với nhau. Đến nay vẫn chưa ai có thể đưa ra những lý luận đầy đủ có tính thiết thực về hiệu ứng phản lực hút.

BÍ ẨN VỀ LỰC HÚT THÚ NẶM CỦA VŨ TRỤ

ĐẦU THẾ KỶ XVII, NHÀ VẬT LÝ VĨ ĐẠI NGƯỜI ITALIA LÀ GALILEO ĐÃ LÀM MỘT THÍ NGHIỆM TRÊN TẦNG CAO CỦA THÁP NGHIÊNG PISA. TỪ ĐÂY ÔNG ĐỂ CHO HAI VIÊN BI SẮT CÓ TRỌNG LƯỢNG KHÔNG GIỐNG NHAU RƠI TỰ DO CÙNG MỘT ĐỘ CAO, KẾT QUẢ LÀ CẢ HAI VIÊN BI SẮT RƠI XUỐNG ĐẤT CÙNG MỘT LÚC.

Ông đưa ra kết luận là bất kể vật gì, cho dù là viên

sắt hay một chiếc lông vũ, nếu như rơi tự do trong môi trường chân không thì gia tốc giống nhau và rơi xuống mặt đất cùng một lúc. Quan điểm này đã thúc đẩy nhà vật lý vĩ đại Newton đúc kết nên ba định luật vận động của lực. Thuyết tương đối của Albert Einstein, chân lý không gì thay đổi được này đã gặp phải một thách thức nghiêm trọng. Một nhóm nghiên cứu khoa học đứng đầu là nhà vật lý người Mỹ tên là Flexi Batton qua thí nghiệm đã phát hiện ra, trong thực tế không

phải vật thể nào trong môi trường chân không cũng có gia tốc giống nhau. Flexi Batton suy đoán rằng, nguyên nhân có thể là khi vật thể rơi xuống ngoài tác dụng của lực hút còn phải chịu tác dụng của một loại lực mà con người chưa biết.

Cho đến nay, rất nhiều nhà khoa học đều cho rằng trong vũ trụ tồn tại bốn loại lực: Một là lực hút, đó là một vật hút một vật khác, hoặc một hạt electron với một electron khác, là lực yếu nhất trong bốn loại lực. Thứ hai là lực điện từ, do tác dụng của loại lực này hình thành nên kết cấu nguyên tử không giống nhau và sự chuyển động của ánh sáng. Thứ ba là lực tương tác mạnh, lực này hút các hạt electron trong hạt nhân nguyên tử lại với nhau. Thứ tư là lực tương tác yếu, lực này làm cho các vật thể sinh ra bức xạ.

Theo như cách suy luận của Flexi Batton thì loại lực mới phát hiện ra này là loại lực thứ năm của vũ trụ. Nó là một loại lực bài xích, nó chỉ có thể tác dụng với một vật cách nó khoảng từ vài inch đến vài nghìn inch. Đây có thể là một loại “siêu điện tích”. Từ thí nghiệm ta có thể suy đoán rằng, loại “siêu điện tích” này có tác dụng làm cân bằng một lực hút, từ đó giảm dần gia tốc của vật rơi. Do năng lượng kết hợp giữa các nguyên tử khác nhau nên loại lực thứ năm sinh ra năng lượng kết hợp cũng khác nhau. Từ đó đưa ra kết luận là: Hai vật có thể tích không giống nhau, như một khối sắt có thể tích nhỏ

và một khúc gỗ có thể tích lớn, cho dù trọng lượng chúng hoàn toàn giống nhau nhưng năng lượng kết hợp của chúng không giống nhau nên gia tốc của chúng cũng không giống nhau. Năng lượng kết hợp của nguyên tử sắt lớn hơn năng lượng kết hợp của nguyên tử gỗ, do vậy gia tốc rơi của khối sắt chậm hơn gia tốc rơi của khúc gỗ.

Phát hiện mới của nhóm nghiên cứu Flexi Batton đã thu hút sự quan tâm chú ý của giới khoa học thế giới, đồng thời cũng mở ra một cuộc tranh luận lớn xung quanh việc tồn tại hay không tồn tại loại lực thứ năm.

Rất nhiều các nhà khoa học trong khi tiến hành thí nghiệm liên quan tới lực hút cũng gặp phải hiện tượng phức tạp về lực hút. Bởi vậy một số nhà khoa học đã đưa ra chứng cứ ủng hộ Flexi Batton như giáo sư Stalon Venis của trường Đại học Quenslana Australia, và các chuyên gia thăm dò dầu khí của công ty dầu khí Ankeson của Mỹ.

Nhưng cũng không ít các nhà khoa học cho rằng thí nghiệm của họ vẫn chưa tìm ra bằng chứng về sự tồn tại của lực mới này. Nhà vật lý học nổi tiếng của trường Đại học California là Newman đã từng làm một thí nghiệm như sau: Ông lấy một cái cân xoay đặt vào trong một ống gang, sau đó treo một miếng đồng lên cái cân xoay, vị trí của miếng đồng phải nằm giữa ống gang.

Sau đó ông đổi vị trí. Toàn bộ thí nghiệm được tiến hành trong môi trường chân không và loại bỏ tất cả các ảnh hưởng của từ trường. Ông thấy lực hút của ống gang và trọng lực miếng đồng sinh ra cũng không làm thay đổi vị trí của miếng đồng.

Hai quan điểm đều có chứng cứ của riêng mình, Flexi Batton cũng thừa nhận rằng muốn đưa ra một định luật thì còn phải trải qua một loạt các thí nghiệm khác nữa. Đã có rất nhiều nhà khoa học muốn tham gia vào cuộc tranh luận này. Giới phê bình Mỹ cho rằng: Với kỹ thuật tiên tiến hiện đại ngày nay có thể chứng minh lại luận điểm của Galileo và các định luật của Newton.

Nhóm hợp tác nghiên cứu thí nghiệm vật lý của bang Colorado Mỹ làm lại thí nghiệm vật thể rơi của Galileo, và dùng tia laser để đo tốc độ rơi của vật thể. Họ cho vật thể vào một cái hộp trong môi trường chân không, để tránh sự tác động của dòng khí, họ đã đặt kính phản xạ vào trong, mọi thứ đều được phản xạ lại. Trong hộp còn có một thiết bị khác, để đảm bảo khi rơi xuống, hộp và các vật thể trong đó phải được cố định tuyệt đối. Họ thấy khi vật rơi xuống, chùm tia laser bị tách làm đôi, một nửa bắn vào hộp còn một nửa phản xạ lại và cùng một nửa khác hợp lại sinh ra hình chiếu. Từ đó có thể miêu tả chính xác hơn về sự gia tăng tốc

độ của vật thể rơi. Ngoài ra họ còn chuẩn bị làm thí nghiệm trên mặt nước để tiến hành so sánh các vật thể phù du trên mặt nước. Để làm được thí nghiệm này cần phải duy trì nhiệt độ nước luôn ở 30°C .

Các nhà vật lý thuộc trường đại học Washington Mỹ có kế hoạch chuyển thí nghiệm Note Flute đến một vách núi cheo leo hiểm trở để tiến hành thí nghiệm, và quan sát xem một vật thể to lớn có bao nhiêu ảnh hưởng đối với một vật thể không cùng năng lượng kết hợp có trong hạt nguyên tử. Giáo sư Newman cũng đang chuẩn bị làm lại thí nghiệm cân xoay của ông nhưng miếng đồng được đổi thành hai chất liệu khác nhau, một nửa là chất hỗn hợp, từ đó phán đoán độ rơi của các chất khác nhau xem mức độ rơi có khác nhau hay không. Thí nghiệm trên liệu có chứng minh vũ trụ tồn tại một loại lực mới không?

Các nhà khoa học tính toán ảnh hưởng mà loại lực thứ năm này đem lại cũng không thống nhất. Phần lớn các nhà khoa học cho rằng một cuộc cách mạng trong vật lý học sẽ làm lung lay cơ sở lý luận trong thuyết tương đối của Einstein, hơn nữa, nó ảnh hưởng rất lớn đến hướng phát triển của môn vật lý học. Nhưng cũng có người cho rằng, loại lực thứ năm là lực yếu, chỉ có thể tác dụng trong phạm vi gần nó, không thể làm lung lay thuyết tương đối của Einstein.

BÍ ẨN VỀ CHÂN KHÔNG

NĂM 1654, NHÀ KHOA HỌC FULIXURT ĐÃ LÀM
MỘT THỰC NGHIỆM NHƯ SAU: DÙNG ĐỒNG
(CU) NGUYÊN CHẤT ĐỂ CHẾ TẠO HAI ĐẠI
BÁN CẦU, ĐỒNG THỜI GHÉP CHÚNG LẠI VỚI
NHAU VÀ DÙNG MÁY BƠM HƠI HÚT KHÔNG
KHÍ TỪ TRONG QUẢ CẦU RA.

Sau đó, ông dùng 16 con ngựa cho chúng kéo hai nửa quả cầu này. Với sự cố gắng hết sức của lũ ngựa, cuối cùng hai nửa quả cầu cũng được tách ra. Điều đó cho thấy xung quanh chúng ta luôn chứa đầy không khí, nó gây áp lực cho vật thể ở thực nghiệm này, không khí đã dẫn đến áp lực bên ngoài quả cầu lớn hơn nhiều so với áp lực bên trong quả cầu.

Quả cầu sau khi hút không khí ra khoảng không gian bên trong quả cầu không còn chứa một dạng vật chất nào cả gọi là chân không. Tuy nhiên, chân không thực ra không phải là rỗng, vì cho đến nay các nhà khoa học đều không thể loại bỏ hoàn toàn không khí trong một phạm vi nào đó.

Bóng màn hình trong tivi cần có chân không cao mới đảm bảo cho màn hình tivi được rõ nét. Vì không gian bên trong bóng hình có hàng ngàn phân tử không khí. Để ngăn chặn sự va đập của các hạt cơ bản và sự tương tác giữa các phân tử khí gây ra tổn thất về năng lượng, yêu cầu phải giữ được chân không cao.

Như phương thức nêu trên, hút không khí để có được chân không gọi là kỹ thuật chân không. Đây là chân không vật lí nó không rỗng hoàn toàn mà cực kỳ phức tạp.

Chân không của vật lí vẫn có thể phân biệt được do chúng luôn xảy ra quá trình bổ sung thêm điện tích âm từ các hạt cơ bản proton và neutron. Nhưng cũng trong chân không vật lí các phân tử mang điện tích dương không ngừng mất đi hoặc sau khi mất đi lại sinh ra. Thời gian tồn tại của nó rất ngắn, thay đổi trong chốc lát. Cho đến nay vẫn chưa quan sát được gọi là phân tử hay phản vật chất. Trong một điều kiện nhất định chúng sẽ sản sinh ra một số hiệu ứng vật lí.

Các phản vật chất này dưới tác dụng của điện trường mạnh sẽ sắp xếp theo thứ tự, xuất hiện cực tính âm và dương gọi là cực hóa chân không, điều này sẽ ảnh hưởng đến sự phân bố bên ngoài hạt điện tử, dẫn đến thay đổi kết cấu hạt nguyên tử.

Điện tử và phân tử nếu gặp nhau sẽ biến thành một chùm tia sáng. Ngược lại một chùm sáng mạnh cũng có

thể từ trong chân không vật lí mà phát ra hạt cơ bản như hạt và phản hạt proton và nơtron do các “vật chất nặng” cơ bản tạo thành.

Bên trong các hạt cơ bản như proton, hạt nhân nguyên tử dường như là tự do vận động, nhưng không thể thoát li khỏi những hạt này vì nó phải chịu sức hút từ các electron chuyển động quanh nó.

Phân tử khí trong bọt khí vận động một cách tự do, bọt khí lớn có thể phân giải thành bọt khí nhỏ. Nhưng chân không vật lí giống như thể lỏng. Tính chất của loại thể lỏng này rất độc đáo, nó chỉ sản sinh ra bọt khí theo từng đôi một, hoặc từng đôi từng đôi biến mất, theo mô hình của chiếc túi bị buộc chặt miệng. Trong túi gọi là chân không đơn giản, giống như sự chuyển biến thông thường của ba thể rắn, lỏng, khí. Thể rắn chịu nhiệt biến thành thể lỏng, thể lỏng chịu nhiệt biến thành thể khí. Khi nhiệt độ cao lên đến hàng trăm nghìn, hàng triệu hoặc hàng chục triệu độ thì nguyên tử khí sẽ có thể phân li biến thành hạt cơ bản mang điện gọi là ion. Khi đó, chân không vật lí cũng trở thành chân không đơn giản.

Máy tính phỏng theo thực nghiệm đã cho thấy rằng, sự hòa tan của chân không vật lí cần nhiệt độ cao là 2 tỉ độ: Sự hòa tan này của chân không vật lí cũng gọi là “hòa tan chân không”. Hạt nhân nguyên tử nặng có thể bao hàm hàng trăm hạt vật chất cơ bản. Không

gian bên trong của nó với trạng thái bình thường là chân không vật lí tiêu biểu.

Các nhà khoa học hy vọng qua sự va đập để tăng thêm nhiệt cho nó khiến nó bị hòa tan, sẽ có được chân không đơn giản.

Hiện nay trong phòng thực nghiệm có năng lượng va đập giữa hạt nhân nguyên tử và hạt cơ bản đã đạt được vài trăm triệu (V) điện tử. Điều đó tương đương với việc tăng nhiệt độ hạt nhân nguyên tử đến vài tỉ độ. Nhưng hạt nguyên tử lúc đó cũng chưa được phân li hoàn toàn, nên không thể có chân không hoàn toàn rỗng.

Lý thuyết về vụ nổ vũ trụ cũng đã miêu tả, khoảng 20 tỉ năm trước, vũ trụ của chúng ta có một tiếng nổ cực lớn, thời gian nổ trong chớp mắt, nhiệt độ tăng cao làm hòa tan chân không. Lúc đó, các thể ion cùng với sự giãn nở nhiệt độ dần dần giảm xuống thấp, trong quá trình chuyển hóa chân không đơn giản, vẫn còn tồn tại kết cấu vật chất của hơn 50 nghìn hạt nặng cấu tạo nên. Thực nghiệm hòa tan chân không là sự mô phỏng quá trình hình thành của vũ trụ thời kỳ đầu, để đo lường khối lượng hạt nguyên tử phóng ra khi chân không bị hòa tan.

Cho đến nay, trong một lần va đập không ai có thể đo được lượng điện tử phân li ra. Chính vì vậy, chân không vẫn là một hiện tượng vật lý làm “đau đầu” các nhà khoa học.

BÍ ẨN VỀ CẦU VỒNG

VÀO MÙA HẠ VÀ MÙA THU, SAU MỘT TRẬN MƯA TO, TRÊN BẦU TRỜI THƯỜNG XUẤT HIỆN MỘT DẢI CẦU VỒNG MÀU SẮC SẮC SỖ TRÔNG RẤT ĐẸP. NÓ GIỐNG NHƯ MỘT CHIẾC CẦU HÌNH BÁN NGUYỆT ĐỦ SẮC BẮC NGANG BẦU TRỜI, TẠO NÊN MỘT CẢNH TƯỢNG MỸ LỆ HUYỀN ẢO.

Thời cổ đại, con người không hiểu nguyên nhân hình thành cầu vồng nên đã sáng tạo ra rất nhiều thần thoại, truyền thuyết.

Có người nói: “Cầu vồng là kiệu của thần tiên trên bầu trời qua cầu Thiên Hà”, hoặc “cầu vồng là roi thần, roi ngựa của ông trời”. Người Ả Rập còn nói: “Cầu vồng được tạo ra bởi nụ cười mê hồn của nữ thần”. Trong thần thoại Trung Hoa thì đó lại “là ống tay dài của nàng Hằng Nga trên cung trăng”.

Năm 1642, một học giả người Italia tên là Dominis, dùng nguyên lí khoa học tự nhiên để giải thích nguyên nhân hình thành cầu vồng. Nhưng do sự lạc hậu và mê

muội lúc đó, tòa án Thiên Chúa giáo đã đuổi Dominis ra khỏi giáo hội, xử phạt tội chết. Dominis đã bị thiêu cùng với các bài viết nổi tiếng của ông.

Về sau, nhà khoa học người Pháp Dikal khi đứng bên cạnh một bể nước đã nhìn thấy mặt nước phản chiếu hình ảnh cầu vồng. Ông liền dùng một li thủy tinh đựng nước tiến hành thực nghiệm, và năm 1637, ông đã có bài viết liên quan đến sự hình thành cầu vồng. Trong bài viết Dikai nói rằng cầu vồng là do ánh sáng mặt trời chiếu vào những giọt nước trong không trung gây ra hiện tượng khúc xạ và phản xạ. Nhưng ông vẫn chưa rõ sắc bảy màu của cầu vồng là hình thành như thế nào. Cho đến những năm 60 của thế kỷ XIX, Newton đã phát hiện ra hiện tượng tán sắc của ánh sáng mặt trời, lăng kính bí mật về cầu vồng mới được mở ra.

Cầu vồng là một hiện tượng tự nhiên: vào mùa hạ và mùa thu, trước và sau khi mưa, trên bầu trời có nhiều hạt nước nhỏ, dưới ánh nắng của mặt trời rọi vào những giọt nước nhỏ này, do có tác dụng khúc xạ, thì các tia sáng mặt trời được tỏa ra, làm cho nó trở thành 7 sắc, theo trật tự từ ngoài vào trong xếp thành những tia hào quang rực rỡ: đỏ, da cam, vàng, lục, lam, chàm, tím. Đây chính là cầu vồng. Cầu vồng đều liên quan đến những giọt nước to hay nhỏ. Màu sắc của cầu vồng tươi đẹp, cầu vồng càng trong thì giọt nước càng nhỏ. Còn giọt



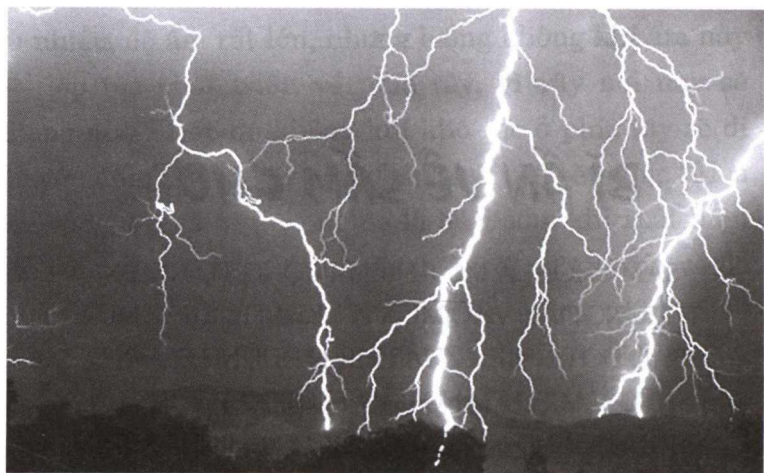
nước càng to thì màu sắc của cầu vồng càng mờ, cầu vồng càng hẹp. Sự xuất hiện của cầu vồng có quan hệ mật thiết với sự thay đổi của thời tiết nên nhân dân lao động Trung Quốc đã tổng kết ra câu tục ngữ về thời tiết “Cầu vồng phía đông - trời nắng. Cầu vồng phía tây - trời mưa”, phù hợp với quy luật của tự nhiên. Ở vùng ôn đới, luồng không khí trên cao di chuyển theo quy luật từ đông sang tây, vì thế thời tiết mưa, gió, nắng thay đổi là có quan hệ mật thiết với tính chất luồng không khí. Khi nhập nhạng tới phía đông xuất hiện cầu vồng thì dự báo là ngày hôm sau trời nắng. Do cầu vồng ở phía đông, cho thấy lượng nước trong không khí ở đây mặc

dù nhiều, độ ẩm rất lớn, nhưng luồng không khí ẩm này sẽ tiếp tục phát triển về phía tây, vì vậy nơi này sẽ không mưa. Tiếp đó không khí khô ráo ở phía tây sẽ di chuyển đến đây, vì vậy ngày hôm sau trời sẽ nắng. “Mưa cầu vồng ở phía tây” có nghĩa là buổi sớm khi xuất hiện cầu vồng ở phía tây, chẳng bao lâu trời sẽ tối sầm và đổ mưa. Do cầu vồng phía tây có nghĩa lượng nước trong không khí rất lớn. Luồng khí chỉ di chuyển từ đông sang tây, hơi nước ngưng tụ sẽ ngày càng nhiều, sau đó cùng với sự lên cao của mặt trời, hơi nước ở dưới đất sẽ không ngừng bốc hơi, gặp không khí lạnh trên cao ngưng đọng lại. Chính vì vậy, độ ẩm trong không khí sẽ ngày càng lớn. Do đó dễ tạo nên thời tiết âm u và mưa.

BÍ ẨN VỀ SẤM CHỚP

SẤM CHỚP LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN THƯỜNG GẶP. VÀO MÙA HÈ, KHI TRỜI SẮP MƯA BÃO ĐỘT NHIÊN XUẤT HIỆN NHỮNG ĐƯỜNG SÁNG VẠCH NGANG BẦU TRỜI, TIẾP THEO LÀ NHỮNG TIẾNG NỔ VANG DỘI, ĐÓ CHÍNH LÀ SẤM VÀ CHỚP. KHI HIỆN TƯỢNG NÀY XẢY RA CÒN CÓ THỂ NHÌN THẤY ĐƯỢC HÌNH DÁNG CỦA CHỚP. PHẦN LỚN CHỚP CÓ HÌNH TIA, ĐEM ĐẾN CHO CON NGƯỜI MỘT ẤN TƯỢNG KHÁ MẠNH.

Tia chớp chỉ lóe bên trong giây lát là luồng chớp điện thường gặp. Nhưng còn có một loại chớp chậm chậm di chuyển rồi có thể kéo dài vài giây, dân gian gọi đó là “chớp cuộn”, các nhà khoa học gọi đó là “tia chớp hình cầu”. Tia chớp hình cầu là một quả cầu lửa đường kính khoảng 10 - 20mm. Khi nó mất đi, có thể gây ra tiếng nổ lớn, hoặc không có âm thanh nào. Tia chớp hình cầu không phóng ra tia sáng trắng, mà có thể là màu đỏ, màu vàng hoặc nâu. Nó không nhất thiết chỉ xuất hiện trên trời cao, mà có lúc lại xuất hiện gần mặt đất, thậm chí có thể xuyên qua các tấm thủy tinh mà không làm hỏng các tấm thủy tinh, lọt vào bên trong các kiến trúc.



Một ngày tháng 7 năm 1962, trên ngọn núi Thái Sơn nổi tiếng của Trung Quốc, một tia chớp hình cầu đã xuyên qua một cửa kính đóng chặt, vào một gian phòng, di chuyển quanh phòng, cuối cùng chui vào một ống khói và nổ ở miệng ống khói, làm vỡ một góc ống khói, còn trong phòng nó chỉ làm đổ một bình nước nóng.

Một ngày tháng 1 năm 1981, tia chớp hình cầu đã vào trong khoang của một chiếc máy bay “Xil- 18”. Đây là máy bay của Liên Xô (cũ) cất cánh từ Xuchier. Vừa bay lên không trung được 1200m, một tia chớp hình cầu đột nhiên chui vào khoang chở khách, nó chỉ to khoảng 10mm, nhưng phát ra tiếng nổ long trời lở đất. Sau đó nó đột nhiên biến mất. Nhưng chỉ vài giây sau, nó lại xuất hiện làm cho hành khách ngây người ra xem quả cầu này, bay phấp phới trên đầu. Đến phía cuối khoang,

quả cầu bỗng nứt thành 2 hình bán nguyệt, sau đó lại hợp với nhau, phát ra một âm thanh kỳ lạ rồi biến mất. Người cơ trưởng rất lo lắng, lập tức cho máy bay hạ cánh, phát hiện bộ phận đầu và đuôi máy bay đều có một cái lỗ lớn, ngoài ra không có một tổn hại gì, hành khách cũng không có ai bị thương.

Ở một vùng của châu Âu, vào một đêm bỗng có tiếng sấm dữ dội, người ta nhìn thấy một quả cầu lửa màu vàng rơi từ trên cây xuống, màu vàng biến thành màu xanh, màu xanh biến thành màu đỏ, thể tích lớn dần. Khi nó rơi xuống mặt đất, sau một tiếng vang lớn đã biến thành 3 luồng sáng, bay về 3 hướng. Trong đó có một luồng đã tấn công vào một người.

Năm 1989, ở Trung Quốc, tia chớp hình cầu đã làm nổ kho dầu của Hoàng Đảo, gây thiệt hại lớn.

200 năm trước, nhà khoa học người Nga Likeman đã nghiên cứu về sấm chớp trong phòng thí nghiệm. Ông không ngờ một tia chớp hình cầu thoát li và tách ra khỏi thu lôi quanh phòng thực nghiệm. Khi bay đến ở gần mặt của Likeman, nó đột nhiên nổ tung. Likeman ngay lập tức ngã xuống đất và chết, trên mặt bị xuyên thủng hai lỗ.

Tia chớp hình cầu rốt cuộc đã hình thành như thế nào? Cho đến ngày nay, khoa học vẫn chưa có cách giải thích thống nhất về vấn đề này. Ít nhất là có 4 cách nhìn khác nhau. Nhà khoa học vật lý người Mỹ Demitena nêu ra: Có

một lần ông đang trong kỳ nghỉ mát ở bên hồ Aoxingli. Vào lúc nhá nhem tối, một trận mưa bão và sấm chớp nổi lên, đột nhiên ông nhìn thấy một quả cầu lửa màu đỏ nhạt bay lơ lửng cách mặt đất khoảng chừng 2m hướng về phía ông. Xung quanh quả cầu lửa phóng ra những bông hoa lửa nhỏ màu vàng, màu lục, màu tím và phát ra tiếng nổ. Quả cầu lửa bay về phía trước mặt ông, rồi bay lên ngọn cây lượn mấy vòng rồi biến mất. Do nhạy cảm nghề nghiệp, Demitena ngay lập tức đã thu thập được không khí ở nơi mà tia chớp hình cầu đó đi qua. Khi ông mang về phòng thực nghiệm phân tích, ông biết được ôzôn và cacbon điôxit nitơ trong không khí đã tăng lên. Từ phát hiện này của Demitena, có một số nhà khoa học đã làm những thí nghiệm phân tích, dự đoán nhiệt độ bên trong tia chớp hình cầu lên đến 1500-2000°C, ở nhiệt độ 2000°C cao như vậy, tính chất nitơ trong không khí thay đổi, và hòa trong không khí biến thành cacbon điôxit nitơ. Đồng thời, ở nhiệt độ 2000°C cũng dễ hình thành ôzôn. Nhưng ôzôn rất không ổn định, lại phân tách và phát ra năng lượng. Nhiệt độ của không khí tăng nhanh, thì mọi người nhìn thấy quả cầu lửa. Thực nghiệm chứng minh, 2 khí thể này cùng tồn tại trong một thời gian trong khoảng 14 giây đến 40 phút. Cách nói như vậy có thể quy lại là trong không khí tồn tại những thể khí phát quang.

Còn 2 cách nhìn nhận khác là: Bức xạ sóng vi-ba bên trong tầng ion và hoạt động của không khí khi thể xuất hiện khác thường.

MỤC LỤC

BÍ MẬT CỦA THANH KIẾM VIỆT VƯƠNG	5
BÍ MẬT KIM TỰ THÁP	9
BÍ MẬT CỦA KIM TỰ THÁP DƯỚI ĐÁY BIỂN	28
MỘT BÍ ẨN KHÓ GIẢI MAI-XI-NI.....	31
SÊ-BA CỔ LÓE LÊN MÀU SẮC THẦN BÍ	39
BÍ MẬT CỦA THÁP THÔNG THIÊN	45
BÍ MẬT VỀ KHO BÁU CỦA LOUIS XVI	52
NHỮNG BÍ MẬT VỀ VỤ MẤT CẤP VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG CỦA NƯỚC PHÁP	55
LĂNG MỘ ALEXANDRE THẦN BÍ.....	58
BÍ MẬT VỀ SỰ MẤT TÍCH CĂN PHÒNG HỒ PHÁCH	63
BÍ ẨN VỀ VƯƠNG QUỐC ỐC ĐẢO XANH QUY TỰ.....	72
BÍ MẬT THÀNH ĐÁ ZIMBABWE	77
BÍ MẬT “KHO BÁU SALOMON”	85
BÍ MẬT THẦN CHÚ CỦA PHARAON	87
BÍ ẨN VỀ BỨC HỌA CỔ.....	100
BÍ ẨN VỀ HIỆN TƯỢNG ĐỘNG ĐẤT Ở SAN FRANCISCO ..	102
BÍ MẬT VỀ UFO KỲ LẠ	104
BÍ ẨN VỀ TRẬN ĐẠI HỒNG THỦY TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI	107
BÍ ẨN VỀ MÂY ĐỊA CHẤN	113
NHỮNG ÁNH SÁNG BÍ ẨN	124
BÍ MẬT GIÓ LỐC	126
BÍ ẨN CỦA ĐẠM ĐẠO SINH HỌC	130
HIỆN TƯỢNG PHÓNG ĐIỆN KỲ LẠ	132
BÍ ẨN VỀ BẢN CHẤT CỦA THỜI GIAN	135
BÍ MẬT VỀ PHẢN LỰC HÚT THẦN KỲ	139
BÍ ẨN VỀ LỰC HÚT THỨ NĂM CỦA VŨ TRỤ	142
BÍ ẨN VỀ CHÂN KHÔNG	147
BÍ ẨN VỀ CẦU VỒNG	151
BÍ ẨN VỀ SẤM CHỚP	155

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

(Tập 12)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

B51 - Lô 2 - Mỹ Đình 1 - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (04) 62872617 - (04) 62872348 - Fax: (04) 62871730

Email: nxbthoidai@nxbthoidai.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số 1101 Trần Hưng Đạo - P.5 - Q.5 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 39225769 - Fax: (08) 39225770

E-mail: chinhanhhcm@nxbthoidai.vn - website: <http://nxbthoidai.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: VŨ VĂN HỢP

Chịu trách nhiệm nội dung

Phó giám đốc: NGUYỄN THANH

Biên tập NXB: KHÁNH HOÀI

Vẽ bìa: BÙI NAM

Trình bày: VĂN CHƯƠNG

Sửa bản in: KHÁNH HOÀI

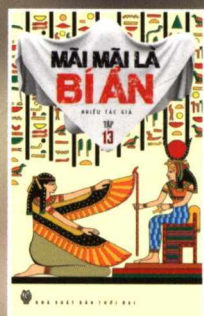
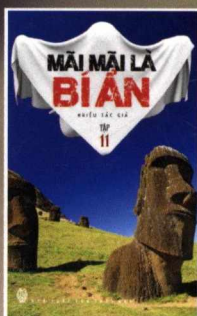
Mã ISBN: 978-604-942-048-1

In 1000 cuốn. Khổ 13 x 20,5cm. Tại Cty TNHH MTV in Báo Nhân Dân D20/532 P Ấp 4 xã Phong Phú. H. Bình Chánh.

Giấy đăng ký KHXB số: 391-2014/CXB/11-14/TĐ

Quyết định xuất bản số: 224/QĐ-NXBTĐ/CN79 cấp ngày 10/03/2014

In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2014.



**NHÀ SÁCH
VĂN CHƯƠNG**

78-80 NGUYỄN CHÍ THANH F.2 Q.10

ĐIỆN THOẠI: 08. 3 8307360

WEBSITE: www.vanchuongbooks.vn

EMAIL: nhasachvanchuong@yahoo.com.vn



1 109060 138377

Giá 35.000đ